

I THÁNG 12 NĂM 1966

# BACH KHOA

T H Ồ I - Đ Ạ I

*năm thứ mười*

TỪ TRÍ vệ binh đở một giai đoạn mới của Trung-Cộng \*

CUNG GIỮ NGUYÊN hiện tượng đế-quốc thực dân \*

ĐOÀN THÊM những ngày chưa quên : công hay tội \*

NGUYỄN PHƯƠNG thử chia thời-đại trong Việt-sử \*

TRẦN HƯƠNG TỬ đọc tiểu thuyết « Incognito » của

Petru Dumitriu \* BÙI HỒNG CẨM lá thư Tân Tây Lan \*

MỘNG TRUNG hôn nhân dị chủng \* TRÀNG THIÊN đọc

thơ Nguyễn-đức-Sơn \* THẾ UYÊN tiễn đờn \* NGUYỄN

THU hành quyết \* VU ĐOÀI ngày đen của lính \* HUY

LỰC màu vàng đông phương

**SINH HOẠT** thời sự văn

nghệ \* thời sự khoa học \*

# 238



# **SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE**

---

**SOCIETE ANONYME**

**AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS**

*Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8<sup>e</sup>*

---

**DIRECTION et USINE AU VIETNAM**

*406, Běn Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON*

---

**Adresse Télég. : DISTAMY**

**Boîte postale : CS. SAIGON**

*Téléphone Saigon 36.625 - 36.626*

---

- **SES SIROPS**
- **SA PARFUMERIE**
- **SON VINAIGRE**
- **SES ALCOOLS INDUSTRIELS  
ET PHARMACEUTIQUES**



# BÁCH

## KHOA THỜI ĐẠI

Số 238 ngày 1 - 12 - 1966

TỪ-TRÌ : <i>vệ binh đỏ, một giai đoạn mới của lịch sử Trung Cộng</i>	3
CUNG-GIỮ-NGUYỄN : <i>hiện tượng đế quốc, thực dân</i>	13
ĐOÀN-THÊM : <i>những ngày chưa quên : Công hay tội</i>	23
NGUYỄN-PHƯƠNG : <i>thử chia thời đại trong Việt-sử</i>	31
TRẦN-HƯƠNG-TỬ : <i>đọc tiểu thuyết "Incognito" của Petru Dumitriu</i>	37
BÙI HỒNG CẨM : <i>lá thư Tân Tây Lan</i>	47
MỘNG-TRUNG : <i>hôn nhân dị chủng</i>	53
TRÀNG THIÊN : <i>đọc thơ Nguyễn đức Sơn</i>	57
THẾ UYÊN : <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	65
NGUYỄN THU <i>hành quyết (truyện dịch M. Djilas)</i>	71
VU ĐOÀI : <i>ngày đen của lính (truyện ngắn)</i>	77
HUY LỰC : <i>màu vàng đông phương (thơ)</i>	83
TRÀNG THIÊN : <i>thời sự văn nghệ</i>	84
THIỆN Ý : <i>thời sự khoa học</i>	87

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU  
 Tòa-soạn :  
 160 Phan Đình Phùng Saigon  
 Đ.T. 25.539  
 H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI  
 133 Võ Tánh Saigon  
**GIÁ: 15\$** - Công sở : Giá gấp đôi  
 Cao Nguyên và Miền Trung :  
 thêm cước phí máy bay

## HỘP THƯ

Ô. Phan Du (Huế). Vừa nhận được « Dưới mái chùa Linh Mục » của anh. Xin anh gửi tiếp cho trọn bài và nếu có thể được anh gửi cho một hình chùa « Linh Mục » nữa để làm bản kèm.

Ô. Thái-khắc-Lê (Huế) : Chúng tôi đã nhận được bài « Tiểu sử của Liễu-quán Thiên-sư » và rất cảm ơn ông. Chúng tôi sẽ gửi thư riêng để hỏi thêm ông một vài điểm trước khi đăng bài trên đây.

Ô. Ô. Thiện-Minh, Yên My, Văn-Lệ-Thiên, Nguyễn-dình-Trọng, Nguyễn-văn Phụng, Đĩnh-trần-Ca, Nguyễn hữu Trí, Nguyễn Vy. Khanh, Đăng Doanh, Phan-Cao, Thái Huy Quang, Phạm-Nguyên--Hoàn, Lâm-Chương, Châu-văn-Minh, Lê-dình-phạm-phú, Phan-linh-Nhân, Mặc-yên Thuỳ, Y nhân, Quang Hoài:

Đã nhận được những sáng tác của quý bạn. Đang xem.

Ô. Tôn thất Vi (Huế). Đã nhận được « sổ tay ». Rất cảm ơn ông. Sẽ có thư riêng.

Ô. Nguyễn-dình-Trọng (Huế) : Đã nhận được thân « Tự truyện ». Sẽ có thư riêng.

Ô. Ô. Mè Kung, Hoàng đình huy-quan : xin quý bạn cho biết tên thực và địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

Ô. Nguyễn trọng Đa (Nha Trang): Chúng tôi đã nhận được thư của ông và rất cảm động về những lời khen ngợi, khuyến khích trong thư. Về các bài chính-trị quốc tế, vì ông Vũ Bảo bận việc bất thường, nên có một thời kỳ, BK. TĐ. thiếu hẳn mục đó. Chúng tôi đã cố gắng để có thể lại có đều đặn các bài về thời sự chính trị trên Bách-Khoa đúng như ý muốn của ông. Về văn-học dân-gian, ban biên-tập sẽ xin lưu ý để có thể cung cấp những tài liệu, theo chiều hướng mà ông đã nêu trong thư. *Toà soạn BK. TĐ.*

— T.L.H. AN. Vì nhà văn Thế-Uyên không muốn nhắc đến chuyện « bông hoa héo » nữa, nên chuyện đó sẽ đề trình bày trong một dịp khác.

---

### CÙNG QUÍ BẠN GỬI BÀI :

Năm nay, Số kỷ niệm 10 năm Bách-Khoa cũng là số Tết Đinh-Mùi, sẽ ra ngày 15-1-1967 (số 241 và 242 hợp làm một). Tiếp theo là số 243 sẽ là số Tân-niên ra ngày 15-2-1967 sau Tết. Vậy quý bạn có bài gửi đăng trên số Tết Đinh-Mùi và kỷ niệm 10 năm Bách-Khoa xin chuyển lại *Toà-soạn* trước ngày 15-12-1966 sắp tới đây. Đa tạ.



● TỪ TRÌ

## Vệ-binh đỏ

*một giai-đoạn mới của  
lich-sử Trung-Cộng*

Từ mấy tháng nay trên lãnh thổ Trung Hoa lục-địa, người ta thường thấy từng đoàn thanh thiếu niên, từ 15 tới 20 tuổi, đập phá, kêu gào, chửi rủa, chỉ trích: Đó là các nhóm vệ-binh Đỏ dưới quyền lãnh đạo của Thống chế Tổng Tư Lệnh Lâm Bưu. Chúng đang xóa bỏ những tàn tích phong kiến, những hàng rào thành kiến còn sót lại của một Trung Quốc cổ xưa, đang thanh trừng một số người gọi là «nhóm chống đảng, bọn xét lại (anti parti révisionniste)». Chúng đang đả phá quá khứ và hiện tại để xây dựng tương lai. Đâu đâu người ta cũng gặp chúng. Chúng tụ tập trong các Viện Đại Học, trong các ga xe lửa, trên các công trường để «trao đổi kinh nghiệm cách mạng» và để truyền bá những lời giáo huấn của Mao Trạch Đông về cuộc «Đại Cách-Mạng Văn hóa vô sản» trên toàn lãnh thổ.

Đây không phải là một phong trào thanh-niên bùng nổ, cuồng tín, như một ngọn lửa bùng lên rồi sẽ tắt ngay. Đây là một sự kiện cực kỳ quan trọng đánh dấu một kỷ-nguyên mới của lịch-

sử Trung-cộng. Thật vậy, vệ-binh đỏ đã được tổ chức kỹ càng, đã được giao phó nhiệm-vụ rõ rệt. Khi thành lập đoàn này Mao Trạch-Đông đã nhắm những cứu cánh chính-trị, kinh tế, xã-hội nhất định: Mao muốn gấp rút phát-triển kinh tế Trung-cộng, muốn tăng cường uy-tin quốc-gia bằng cách cải tổ lại quân đội, muốn củng cố tương lai của chính-thể Bắc - kinh. Nhận thấy còn rất nhiều trở ngại ngăn cản những mục tiêu của mình thực hiện, Mao dùng vệ binh đỏ làm công cụ để san bằng những trở ngại đó và để dọn đường chuẩn bị những điều kiện thuận lợi cho cuộc Cách-Mạng Văn-hóa. Và chính cuộc Cách mạng Văn-hóa này cũng chỉ là một phương-tiện để Mao-Trạch-Đông xây dựng xã-hội Trung-Hoa mới theo quan niệm của mình.

### Mối âu lo của người bạn Nga-sô

Sau khi đánh bại Tưởng Giới Thạch, Mao Trạch Đông nghiêm nhiên làm chủ Hoa-lục. Từ năm 1949 tới 1956 tình hình chính trị, kinh tế của Trung Cộng tương đối khả quan. Sau nội chiến, nhân dân bắt đầu xây dựng lại nước Trung Hoa.

bị tàn phá. Phái đối lập với chính quyền Bắc-Kinh đã theo chính phủ dân quốc ra Đài loan, nên Mao được rảnh tay hành động. Nền kinh tế được trù phú vì Nga sẵn sàng giúp đỡ Trung Cộng bằng cách viện trợ tiền, máy móc và chuyên viên. Về mặt đối ngoại, chưa vấn đề nào quan trọng khiến cho các nhà lãnh đạo cộng sản phải lo âu; Mỹ còn mãi tính chuyện phòng thủ Âu Châu nên chưa nghĩ nhiều tới Á châu. Trong hoàn cảnh quốc nội và quốc tế như vậy, chính phủ Bắc-Kinh được hoàn toàn tự do hành động trong công cuộc xây-dựng chính-thể Cộng Sản.

Tình thế khả quan đến nỗi Mao Trạch Đông không ngần ngại gửi quân tham-chiến ở Cao-Ly vào năm 1950; nhưng sự can thiệp này chính lại là một điều bất lợi cho tương-lai Trung-Cộng, vì nó đã là một tiếng còi báo-động lưu ý thế-giới tự-do tới hiểm họa Trung-Hoa đỏ. Ông bạn Nga sẵn sàng ủng hộ, nhưng bề ngoài cũng bắt đầu lo âu trước sự xuất-hiện của một nước « chư hầu » quá lớn. Nga dần dần xa lánh Trung-Cộng. Các nhà cầm quyền ở điện Kremlin cứ khất lần không chịu trao cho Trung-cộng những bí mật nguyên-tử như họ đã hứa với Mao, vì họ sợ rằng nếu Mao có bom nguyên tử thì hòa bình thế giới và vai trò lãnh-đạo của Nga trong khối cộng-sản sẽ bị đe dọa. Họ biết rằng chẳng chóng thì chầy các nhà bác-học Trung-cộng sẽ tìm ra bom nguyên tử, nhưng nếu cứ để Trung-cộng tự tìm lấy thì nước này cũng phải mất rất nhiều thì giờ và công của. Trước thái độ « bất thân thiện » của Nga, Mao bèn quyết định rằng quả bom nguyên-tử Trung-

cộng sẽ được thực hiện bằng những phương tiện riêng của mình. Nhưng muốn có bom, trước hết phải thiết lập một hạ-tầng cơ-sở kinh-tế vững chãi, phải có một nền kinh-tế kỹ-nghệ hùng mạnh.

Ngoài sự khó khăn trong công cuộc thực hiện bom nguyên tử, Mao lại gặp những khó khăn về phương diện chính trị đó là sự đối lập trong nội bộ đảng Cộng sản trung-Hoa. Sự đối lập này tuy còn thăm lạng nhưng nó đã có dấu hiệu khá rõ rệt. Đó cũng là một điều không tránh được vì khi còn đang tranh đấu, các đảng viên chỉ nhắm một mục tiêu là cướp chính quyền; nhưng khi đảng đã nắm được chính quyền rồi, thì những mâu thuẫn tất phải phát sinh. Người ta bắt đầu ý kiến về cách cai trị, về hướng đi của cách mạng đỏ, về nhịp tiến của công cuộc phát triển kinh-tế và về cả quyền lợi cá nhân nữa.

### Trăm hoa đua nở

Để giải quyết những nỗi khó khăn trên đây, Mao áp dụng chính sách « Trăm hoa đua nở » để tự-do hóa chế-độ Bắc-Kinh. Bỏ mọi kiểm-toà, nhân-dân Trung Hoa sẽ được cạnh tranh sản xuất. Sự tự do cạnh tranh này sẽ cho phép Trung Cộng sản xuất gấp bội, và nền kinh-tế do đó sẽ phát-triển mau lẹ.

Trong lãnh-vực chính-trị, văn-hóa thuyết « Trăm hoa đua nở », tự-do hóa tư-tưởng của nhân dân cho mọi người được quyền phát biểu ý kiến riêng của mình. Người ta cho rằng đây là một mưu chước của họ Mao cho những người đối lập ra mặt, triệt-hạ cho dễ. Đó là một giả-thuyết có thể tin cậy. Một

giả-thuyết khác cho rằng năm 1955 là một năm mà các quốc-gia trong khối cộng-sản được tự-do hóa toàn diện. Kroutchev hạ bệ chính sách độc tài của Staline ở Nga. Các nước Ba-Lan, Hung-gia-Lợi thay đổi tập-đoàn lãnh-đạo, để giao chính quyền cho những người được coi là "tự do" (libéraux) như Gromulka hay Nagy. Họ Mao có lẽ cũng muốn đi theo phong trào chung, và có lẽ Mao cũng cho là chính quyền cộng sản đã khá vững chắc để có thể nới rộng mọi kiểm-chế. Mao tuyên bố "Hãy để cho trăm hoa tự do đua nở để cho Trung Hoa được tấn bộ mau lẹ".

### Bước nhảy vọt

Nhưng chính sách "Trăm hoa đua nở" đã hoàn toàn thất bại. Những người sản-xuất để ý tới quyền lợi riêng hơn là quyền lợi chung, họ sản xuất là để cho riêng họ. Vì chính phủ kiểm soát gắt gao nên nông dân cũng quên lãng không đóng góp những sản phẩm của mình cho nhà nước nữa. Các tư tưởng được tự do, bộc phát quá mạnh khiến nhiều vụ nổi loạn đã xảy ra. Mao đành phải bỏ chính sách « Trăm hoa đua nở » và thay thế bằng một biện pháp mạnh gọi là « Bước nhảy vọt ». Mao tuyên bố nếu để trăm hoa nở thì thường có những cỏ dại mọc xen vào, vì vậy người ta phải tránh mối nguy hiểm này.

Năm 1957 Mao quyết định thực thi chính sách kinh tế « Bước nhảy vọt » để cấp tốc kỹ-nghệ hoá Trung-Cộng. Kinh-tế quốc gia được hướng dẫn chặt chẽ. Trong các xí nghiệp kỹ-nghệ người ta kiểm soát công nhân hết sức gắt gao, tổ chức thi đua sản xuất, người ta khuyến-khích công nhân tăng gia năng xuất. Trong

lãnh-vực canh-nông Mao áp dụng một biện pháp cách mạng hoàn toàn táo bạo mà người anh cả Nga sô cũng không dám dùng là thiết lập những tỉnh nông-nghiệp (agrovilles). Nông dân từ nay được đôn về các tỉnh nông nghiệp ngày ngày vác cuốc ra làm một công tác nhất định trên các thửa ruộng do ủy ban lãnh-đạo tỉnh ấn-định. Ruộng được nông dân canh tác nhưng không phải là tư sản của nông dân. Những người này khi làm việc được lĩnh lương bằng tiền hay bằng hiện vật.

Những Tỉnh nông-nghiệp lại được tổ chức để tránh mọi sự sút kém của năng xuất. Người ta xây những nhà ngủ (dortoirs) riêng cho đàn ông, và riêng cho đàn bà; như vậy chính phủ có thể giảm bớt sức sinh đẻ để người đàn bà có thể tiếp tục làm việc, và giới hạn sự bành-trướng dân số ngõ hầu tránh nạn nhân mãn. Gia đình, đơn vị căn bản của xã hội Trung Hoa cổ truyền, do đó bị đập vỡ. Những đứa trẻ con sinh ra được chính phủ dặt dổ sau này lớn lên chúng sẽ là những công-dân ngoan ngoãn, tuân theo lệnh của nhà nước để dàng vì chúng không hề chịu ảnh hưởng của gia đình.

### Thất bại nặng nề

Nhưng « Bước nhảy vọt » đã thất bại một cách vô cùng nặng nề. Và sự trừng phạt, vì muốn được thưởng thường, ai cũng muốn sản xuất thật nhiều. Người ta để ý tới lượng nhiều hơn là tới phẩm. Vì vậy mà lúa được gặt quá sớm, máy móc tuy sản xuất nhiều nhưng lại chóng hỏng. Những « lò luyện thép bỏ túi » (haut-fourneaux de poche), nguồn hãnh diện của họ Mao, sản xuất rất nhiều

thép, nhưng thép này có quá nhiều cặn nên không đủ cứng để xây cất. Nhà kinh-tế gia A. Eckstein đã nói: « Bước nhảy vọt đã làm Trung cộng giật lùi lại 10 năm trời ».

Hàng ngàn, vạn người thợ Tung-Hoa thất nghiệp đi vơ vẩn từ quê ra tỉnh, từ tỉnh về quê, sống lẫn lộn. Sự thất nghiệp này là một hiện tượng lạ lùng trong một nước mà chính quyền chủ trương tận-dụng nhân-công, nhưng nó rất dễ hiểu nếu ta phân tích tình-hình kinh-tế Trung Cộng lúc đó. Thật vậy những sản phẩm kỹ nghệ nặng của Trung Cộng quá tồi nên kỹ nghệ biển chế của Trung Cộng không thể đứng vững được, vì vậy mà những nhà máy của kỹ-nghệ biển-chế bị ngừng trệ, do đó công-nhân thiếu việc làm. Chẳng hạn như thép Trung-Cộng vì không được luyện kỹ nên không thể dùng để chế xe hơi; nhà máy xe hơi không hoạt động được và kết quả là thợ chuyên về xe hơi bị thất nghiệp hay ít chất cũng bị khiếm dụng.

### Bước nhảy vọt mới

Ngồi sau bức màn lụa tại cấm thành Bắc-Kinh, Mao không am hiểu tình thế lắm. Về sau, nhờ có vợ Lưu-Thiếu-Kỳ đi kiểm tra trong các làng mạc về báo cáo nên Mao mới thức tỉnh trước những nỗi khó khăn kinh-tế. Mao nhận thấy nhân dân Trung-Hoa chưa gạt hết được đầu óc « phong kiến tư bản ». Mao thấy cần phải có một phong trào mới để tẩy rửa những tàn tích quá khứ hầu chuẩn bị tương-lai. Vì vậy năm nay, Mao quyết định thi hành một chính sách mới mệnh danh là « Bước nhảy vọt mới ».

**Chính-sách « Bước nhảy vọt mới »**

gồm có hai giai đoạn: Giai đoạn đầu sẽ dùng để tẩy não dân chúng, củng cố địa vị của đảng Cộng-sản Trung-Hoa trong nước cũng như ngoài nước. Nếu phần đầu của chương trình này thành công, người ta sẽ bắt đầu « Bước nhảy vọt mới ». Sự thực hiện phần đầu của chương trình được Mao giao cho Lâm-Bưu (1), người được coi là thừa-kế của Mao, và Vệ-binh đỏ do Lâm lãnh đạo.

Danh từ Vệ-binh đỏ không có gì mới. Từ năm 1927 Mao Trạch Đông đã dùng danh từ này để chỉ đoàn dân-quân đã cùng với lính chính-qui của Mao chiến đấu chống Tưởng-giới-Thạch. Giữa năm 1930 khi Mao bắt đầu cuộc Vạn - lý trường-chinh, vệ-binh đỏ cũng cùng với Hồng-quân tiến lên miền Bắc dưới làn đạn bắn như mưa của đoàn kỵ-mã quốc-gia Trung-Hoa mà Lâm - Bưu gọi là những « kẻ thù sáu chân ».

### Xây-dựng thế-giới mới

Ngày 18 tháng 8 năm 1966, trong một cuộc biểu tình vĩ đại tại công trường Thiên-An-Môn, hàng ngàn thanh thiếu-niên từ 15 tới 20 tuổi, mà một số lớn là sinh viên và giáo viên, đeo băng tay đỏ biểu hiệu Vệ-binh đỏ, ùa tới trước Mao và hát: « Mao chủ tịch, chúng tôi sẽ phá đổ thế-giới cũ, và xây dựng một thế-giới mới ».

Từ đó, Vệ-binh đỏ hoành hành, tàn sát. Chúng đánh đập những người mặc Âu phục, hành hạ những bà phước của dòng Franciscain, thay đổi tên đường phố bằng những tên cách mạng. Chúng muốn xoá

(1) Về nhân vật này xin xem Bách-Khoa số 232 ngày 1-9-1966.



bỏ mọi ảnh hưởng ngoại lai, dẹp bỏ quá-khứ. Chúng đánh đập những lãnh tụ đảng cộng sản địa phương, phá những trụ-sở đảng ở các tỉnh. Chúng bày những bích chương la liệt khắp nơi để lăng mạ những "bạn xét lại" những bạn chống Mao-Trạch-Đông Chúng chỉ trích bà quả phụ Tôn-Dật-Tiên... Nói tóm lại chúng đang tàn phá, đang gây ra những sự lộn xộn đã được Mao hoạch-định sẵn, Các trường học đều đóng cửa, học sinh, sinh viên giờ chỉ học có một môn là tư tưởng của họ Mao.

Vệ-binh đỏ được tái lập để đáp ứng ba nhu cầu chính trị và kinh tế của họ Mao.

Trước hết bọn người cuồng tín này đáp ứng những đòi hỏi của chính sách đối nội của Mao-Trạch-Đông

Đầu tiên, trước sự đối lập của một vài phần-tử trong đảng Cộng sản, Mao trao cho Vệ-binh đỏ sứ mạng thanh trừng bất cứ người nào không đồng ý với mình.

Phong trào thanh trừng này đã được khởi đầu ngay trước khi Vệ binh đỏ được chính thức tái lập. Người ta thấy từ năm ngoái Peng Cheng, chủ tịch đảng bộ Bắc-kinh Wu-Han, phó thị trưởng Bắc-kinh, Lo Jui-Ching, tham mưu trưởng bộ binh; Lu-Ting-Yi, tổng trưởng Văn Hoá lần lượt bị mất quyền.

Mức tử-xuất trong giới trí thức đạo này lên rất cao: Ho-Lu-Ting chủ tịch Viện Âm Nhạc Thượng Hải, Teng Ting, triết gia lần lượt chết; Đại ca kịch sĩ Chou Hsin-Fang cũng tự tử.

Giờ đây trên lãnh thổ Trung cộng một làn sóng thanh trừng đang cuộn cuộn

chảy để lôi cuốn hết mọi phần tử đối lập với Mao. Hầu hết nạn nhân của làn sóng này là các trí thức; các người có bằng cấp cao.

Cuộc thanh trừng nội bộ còn nhằm một-mục tiêu khác là đưa quân đội Trung cộng về quan-niệm nguyên-thủy của nó. Mao từ trước tới nay luôn luôn muốn quân đội Trung-Hoa phải vừa là « một lực lượng chiến đấu, một sức mạnh lao động và là một đoàn thể sản xuất». Nhưng sau khi chiến thắng năm 1949, quan niệm của Mao về quân đội càng ngày càng không được các sĩ quan tán đồng. Khi còn đang tranh đấu chống chính phủ Dân quốc, Hồng quân Trung Hoa chỉ là một đoàn quân du kích nên giữa cấp chỉ huy và binh sĩ không có một hàng rào cấp bậc hay khác biệt nào. Và lúc đó quân đội để cho các cán bộ chính trị của đảng Cộng Sản chi phối và hướng dẫn dễ dàng.

Nhưng khi Mao nắm được chính quyền những dữ kiện trên đây đã thay đổi. Từ nay quân đội không còn là du kích mà trở nên một quân đội chính qui hiện đại hóa để đáp ứng với nhu cầu của một quốc gia, để đáp ứng với những đòi hỏi của khoa chiến lược tân tiến. Vì vậy mà chính phủ Bắc kinh phải lập ra một đoàn thể sĩ-quan chuyên nghiệp. Những sĩ quan trong Hồng quân dần dần thành một giai cấp mới. Quan niệm của họ về quân đội cũng ngày một khác biệt với quan niệm của các cán bộ lãnh đạo chính trị. Họ có khuynh hướng lý luận và xét đoán theo những tiêu chuẩn hoàn toàn quân sự trong khi cán bộ lãnh đạo đảng lại chú trọng tới tiêu chuẩn chính-trị trước hết. Trong trường hợp này giữa các sĩ-quan và cán

bộ lãnh đạo chính trị, một sự tranh chấp không thể tránh khỏi. Các sĩ quan, dù là đảng viên cộng sản, đều phủ nhận quyền can thiệp của các cán bộ chính-trị trong hàng ngũ quân đội.

Quan niệm về chiến lược của đảng và của các sĩ-quan cũng hoàn toàn khác biệt. Trong khi các sĩ quan kiêu hãnh về những kiến thức kỹ-thuật của mình trên đường hiện-đại hóa quân đội thì Mao cho rằng chiến lược của quân đội Trung Cộng phải hướng về chống xâm lược. Khi Trung Cộng bị xâm lăng, địch quân sẽ chỉ thả bom nguyên-tử ở các thành phố mà thôi. Quân đội phải chuẩn bị hòa lẫn vào dân chúng nông thôn để có thể kháng chiến theo chiến thuật du kích hữu hiệu dưới quyền lãnh đạo của các cán bộ chính trị.

Năm 1956, Mao quyết định thanh trừng trong hàng ngũ sĩ quan. Lâm-Bưu, người thân tín của Mao được đưa lên làm Tổng Tư Lệnh để nắm quân đội. Các sĩ quan bất đồng ý kiến với Mao đều bị loại trừ. Năm nay Mao tiếp tục công cuộc thanh trừng. Vệ-binh đỏ của Lâm Bưu tăng cường ảnh hưởng của Mao trong hàng ngũ quân đội: Hồng quân dần dần được biến thành một đoàn người đi truyền bá tư tưởng của Mao chủ-tịch. Người nào thành công được coi như người đã áp dụng đúng những lời giáo-huấn của Mao. Người thất bại bị coi là không theo sát lời chỉ dạy của Mao. Một kỹ sư đào được một giếng dầu hỏa, một bác sĩ thành công trong một cuộc giải phẫu khó khăn đều được coi là đệ tử trung thành của họ Mao.

Việc thanh trừng quân đội giờ đây trở nên khẩn thiết vì Trung Cộng cảm

thấy bị đe dọa ở trên trường quốc-tế. Thật vậy về mặt ngoại giao, Trung Cộng bị thất bại liên tiếp. Về mặt chính trị và quân sự, Trung Cộng bị nhiều khó khăn trước sự can thiệp của Mỹ ở Việt-Nam và trước thái độ của Nga-Sô.

### Thêm thù bớt bạn

Từ hai năm nay mọi nỗ lực của Bắc-Kinh để lãnh đạo khối Á Phi đều thất bại. Các nước Trung-lập « không liên kết » đều rời xa Trung Cộng. Ấn độ sau khi bị Trung Cộng tấn công ở núi Hi-Mã Lạp Sơn năm 1963, cố giữ vững quân bình giữa hai khối cộng sản và tự do, nhưng từ khi thủ tướng Nerhu qua đời những người kế vị của ông đã bắt đầu ngả về Mỹ. Hiện thời Trung cộng bị cô lập, và gần như bị bao vây bằng một hàng rào các quốc-gia chống đối. Ở miền Bắc, Nga sô, Mông cổ tuy cộng sản, nhưng nghịch với Trung-cộng. Ở miền Tây, Ba-tư thân Mỹ, Afghanistan, Hồi-quốc lừng khừng. Ở miền Nam Ấn độ bất bình, Miến-điện trung lập, Indonésia nghi kỵ, Mã Lai, Thái lan, Phi luật-Tân, Việt Nam Cộng Hòa chống đối. Thậm chí đến cả mấy ông chư hầu như Bắc Việt, Bắc Cao cũng muốn ngả về Nga sô.

Trong khi đó, giữa Nga sô và Trung-Cộng sự lung củng, tranh chấp xảy ra mỗi ngày một nhiều thêm.

Trước hết là sự tranh chấp đất đai. Những sự tranh chấp đất đai giữa Nga và Tàu đã có từ lâu, gần như bắt đầu từ năm 1581 khi Nga khởi sự Tây tiến. Cho đến tận năm 1949 khi Mao sắp sửa làm chủ cả Hoa-lục Nga hãy còn giữ trên lãnh thổ Trung hoa những đặc quyền không nhỏ tại Mãn-Châu nhất là quyền

được dùng hai hải-cảng Lữ-Thuận và Đại Liên, đồng thời Nga âm mưu cố thôn tính Tân-Cương tuy trước đây công nhận chủ-quyền của Trung-Hoa dân-quốc trên lãnh thổ này. Khi Mao lên nắm chính quyền, vì « tình xã hội chủ-nghĩa của hai nước anh em », mà Staline phải trả lại hai hải cảng nói trên, nhưng Nga vẫn ôm ấp mộng thôn tính Tân-Cương.

Về phía Trung-Cộng, Mao cũng có tham vọng đòi lại những lãnh thổ ở bắc ngạn sông Amour của Nga.

Những yêu-sách của đôi bên đã đưa tới nhiều cuộc đụng độ. Ngày 23-9-1963, một bản thông-cáo của bộ Ngoại-giao Nga cho biết rằng Trung-Cộng luôn luôn vi phạm biên-giới của Nga, và riêng trong năm 1962 Trung-Cộng đã vi-phạm tới 5.000 lần. Trung-Cộng cũng trả lời là Chính Phủ Bắc Kinh dành quyền đòi Nga sửa đổi những hiệp ước bất-bình-đẳng mà Nga đã bắt Trung Quốc ký ngày trước để xâm chiếm lãnh thổ Trung-Hoa.

Những lũng củng Nga-Hoa lại tăng thêm phần trầm trọng khi hai nước này mấy năm gần đây lại tranh chấp về ý tưởng Nga-sô, từ ngày Kroutchtchev lên cầm quyền, đã bắt đầu nói rộng chính-thề. Sau 40 năm hy sinh đau khổ, kinh tế Nga đã trở nên mạnh mẽ, những nhà lãnh đạo điện Kremlin bắt đầu cho dân hưởng đôi chút sung sướng về vật chất. Họ muốn nâng cao mức sống của nhân dân lên và họ cũng muốn tránh mọi chiến tranh có thể làm tan vỡ những công trình họ đã xây dựng. Tại Đại hội Cộng Sản Nga khóa 22, Krouchtchev đã tuyên bố rằng giữa súng đại bác và bợ thì ông chọn bợ. Trái lại Trung-Cộng ở trong một

trường-hợp hoàn toàn khác biệt Kinh tế hãy còn chậm tiến, muốn phát triển, Mao dùng nhân dân làm công cụ. Với một nước có 800 triệu dân, nhân lực là một tinh-lực đáng kể. Để huy động tinh thần làm việc của nhân dân, để bắt họ chịu đựng mọi hy sinh, Mao cần phải nuôi dưỡng một tinh thần cách-mạng, một ý-chí gây hấn. Nhân dân Trung Hoa luôn luôn sống trong một tình trạng căng thẳng. Người ta luôn luôn đề họ tưởng rằng Trung Hoa đang bị đe dọa, tuy nhiều khi chẳng có mối đe dọa nào. Như vậy dân chúng sẽ vì lo lắng hiểm họa do nhà cầm quyền nêu lên mà phải làm việc hăng hái hơn và không còn lý do chống đối.

Vệ-binh đỏ được thành lập không ngoài mục đích huy động quần chúng để họ phải tận lực sản xuất. Chiến cuộc ở Việt-Nam và sự leo thang oanh tạc Bắc Việt làm Trung Cộng thấy cấp thiết phải phòng thủ. Vệ-binh đỏ ở đây có nhiệm vụ sửa soạn để Mao cải tổ quân đội, chỉnh đốn hàng ngũ, đối phó với tình thế mới.

Sau hết Vệ-binh đỏ còn sửa soạn điều kiện thuận lợi cho chính-sách kinh tế của Mao, đó là chính sách « Bước nhảy vọt mới ». Người ta chưa rõ « Bước nhảy vọt mới » sẽ ra sao vì còn đang ở trong thời kỳ chuẩn bị, nhưng người ta cũng thừa biết là khi chính sách này được thi hành thì người dân Trung Hoa lục địa sẽ biến thành những con trâu cày, chiếc máy sản xuất.

oOo

Như vậy Vệ binh đỏ đã có những nhiệm vụ rõ rệt đáp ứng những nhu cầu nhất định. Chúng đang gây những xáo trộn đồ vỡ mà họ Mao coi là cần thiết. Những hoạt động của Vệ-binh đỏ hiện nay sẽ mang lại những hậu quả nào cho Cộng sản Trung-Hoa ? Người ta tự hỏi không biết

Vệ-binh đỏ sẽ gây chia rẽ trong nội bộ Cộng đảng hay sẽ giúp cho việc củng cố hàng ngũ sau lưng họ Mao? Thật vậy ngay lúc này, người ta đã nhận thấy nhiều dấu hiệu chia rẽ giữa những người lãnh đạo Vệ binh đỏ. Vệ binh đỏ được tuyển trong hàng ngũ công nhân, nông dân. Nhưng gần đây chúng gây lại va chạm nhiều với những người thuộc thành phần lao động. Trong khi Lâm Bưu khen Vệ binh đỏ hành động đúng đắn, thì Chu Ân Lai lại ra lệnh cho Vệ binh đỏ phải ngừng đốt phá, phải đề yên cho nông dân gặt hái, phải ngưng dán bích chương chỉ trích Tôn-Dật-Tiêu phu nhân... Hành

động của vệ-binh đỏ như vậy có thể chia rẽ những lãnh tụ Trung-Cộng chăng? Đó là một câu hỏi mà thời gian và lịch sử sẽ trả lời. Chúng ta chỉ ghi nhận rằng với vệ binh đỏ Mao Trạch Đông đã đưa Trung Quốc vào một giai đoạn mới. Nếu họ Mao thành công trong bước nhảy vọt mới Trung Cộng sẽ rất mạnh và sẽ là một mối đe dọa lớn cho nền hoà-bình thế giới đúng như lời hò hét của Vệ binh đỏ: « Chúng tôi gây nên một trận bão tố cách-mạng không những ở Trung Quốc mà còn trên cả hoàn cầu nữa».

TỪ-TRỊ

đã phổ biến hạn chế :

**THÁI ĐỘ** tập 3

CHỦ ĐỀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA

THẾ UYÊN chủ biên

**SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT**

**(S. O. A. E. O.)**

**DIVISION VIETNAMIENNE :**

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

**Fabrication :** OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

**Vente :** HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE  
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

**Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique**  
**Installations de garothérapie**

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE  
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.



Calcithérapie physiologique

## Calcigénol Vitaminé



Couvre les besoins  
Compense les pertes

Flacon de 300 cm<sup>3</sup> d'une suspension  
colloïdale titrée à

- Phosphate tricalcique... 0,90 g. p. 100
- Vitamine D<sup>2</sup> ..... 3.300 U.I.

*De 2 cuillerées à café à 3 cuillerées  
à soupe par jour selon l'âge.*

CURES DE 15 JOURS PAR MOIS

RACHITISME - OSTÉOPOROSE  
RETARDS DE CROISSANCE  
GROSSESSE - ALLAITEMENT  
CONVALESCENCES - FRACTURES

*Distributeur : UFFARMA Công Ty*  
*20A Bến Bạch Đằng, SAIGON — Tél. 20055*



# B. N. P.



## BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9<sup>e</sup>

### SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Dạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24 995

### BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

### BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24 37 et 24 38

B P N° 122

### SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones 93 — 2171 (8 lignes)

P O Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

### BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

## Hiện-tượng Đê-quốc Thực-dân

Mâu thuẫn của đê-quốc cổ điển là chiếm lãnh-thờ của người đê giúp họ trở nên tự do. Mâu thuẫn của đê quốc kinh tế là chế ngự đời sống vật-chất, chi phối sự sản xuất và tiêu thụ của một nước đê giúp nước này đi đến tự-túc và thịnh-vượng. Hai hình thức của đê-quốc đều bắt đầu với một « thiện chí, » nhưng liệu, diễn biến trong một tương lai gần, có thật phù hợp với thiện chí ấy không ?

Lịch - sử thuộc - địa cho ta thấy mỗi đê-quốc, tùy theo tánh - tình và khả năng của mình, đã sửa soạn cho những kết - thúc khác nhau và đã có những đường lối thi-hành « nhiệm-vụ, » mình khác nhau, Người Anh, không giống người Pháp, không hề theo đuổi chánh-sách đồng hoá, không buộc dân thuộc-địa phải theo hẳn nếp sống của mình. Họ chấp nhận và vun quén những đặc-tính của thuộc-dân, để cho dân này, vì có đời sống riêng biệt, áp dụng những phương-thức hợp với truyền-thống của họ để tiến tới đến độc lập. Người Anh còn để cho các cựu thuộc-địa quyền ở lại hay rời khỏi khối Liên-Hiệp-Anh. Chính sách người Anh không theo đuổi sự kết-hợp hình-thức những quốc gia dị biệt, và Liên-Hiệp-Anh cũng khác với quan-niệm Liên-bang của nhiều cường quốc khác.

Tuy nhiên, người Anh vẫn lo truyền bá giáo-dục tây phương cho dân bị-trị mà không có hạn chế. Vấn đề được đặt ra là có nên nối liền những thuộc địa với tây-phương, cho thuộc-địa cũng hấp-thụ những giá-trị phổ-quát của văn-minh tây-phương, như quan-niệm về đẹp của Hi-Lạp, luật pháp và

công-bình theo La-mã, tình thương thế, Thiên-chúa-giáo, tinh-thần khoa học hay sự áp dụng kỹ thuật trong cuộc sống con người. Hay là rên giữ các dân-tộc sống trong khung-cảnh văn hóa cổ-truyền của họ, với một ý, bề ngoài có vẻ hợp lý, là tôn-trọng những dân-tộc-tính không phá bỏ tín-ngưỡng, mê-tín hay dị đoan, tôn-trọng ngôn ngữ, phong-tục nếp sống dù cho lạ lùng đến đâu.

Vấn-đề thật tế-nhi. Các giải-pháp sẽ không thể nào thỏa mãn cả đôi bên liên hệ. Có thể bị lên án là phá hỏng tinh-thần dân-tộc, đồng-hóa bằng võ-lực, cưỡng-hiếp tinh thần, ngay khi kẻ thống trị thực tình muốn san sẻ hiểu biết của mình, thứ hiểu biết mà mình công nhận là đúng đắn và hữu ích cho mọi người. Truyền-bá y-học, toán-học, sửa đổi cơ-cấu xã-hội, thực-hiện trật-tự hay công bình, là đã phá biết bao thành-kiến, động chạm đến biết bao phong tục. Nếu không làm những điều cần thiết cho sự khai hóa, lại mang tiếng cố tình duy trì sự dốt nát để dễ bề thống trị. Thiện chí còn bị xuyên-tạc, thứ văn-chương, tư-tưởng, mỹ-thuật hay khoa-học, không có tổ-quốc và biên-giới, thường được liệt

xuống thứ văn hóa nô lệ. Sự dè dặt hay lãnh đạm đối với trình-độ văn-hóa thấp kém của dân bản-xứ, cũng không tránh khỏi sự chỉ-trích hay buộc tội. Mà thái-độ này thông thường hơn trong giai-cấp thống-trị. Đứng về phương-diện thực-dân, người ta thích giao thiệp với những kẻ quê mùa chất phác hơn là đương đầu với hạng trí-thức đã học một thứ sách vở cùng với một thứ thầy như mình. Có một sự thương hại giả dối, người thực-dân da trắng thường dùng đối với dân ở thuộc địa, nhất là đối với hạng sơ-khai hay bán-khai, khi cho rằng hạng này sẽ khổ sở và chết mòn nếu phải lia bỏ những phong-tục cổ hủ của họ, và đi đến kết-luận nên để cho họ ăn ở bần vì họ đã quen như thế, vì tôn-giáo hay tín-nguỡng buộc họ như thế. Người đã sống nhà tranh vách đất, nơi bùn lầy nước đọng sẽ chết dần mòn nếu phải giam hãm trong những nhà tân kỳ, có máy điều hòa không khí, bếp sưởi, bếp điện hay bị buộc phải xoi cao lương mỹ vị trong khi dạ dày họ chỉ quen với thức ăn nghèo nàn giản dị. Thứ quan-niệm ấy, khai-thác những sự khác-biệt giữa các đám người là điều có thật, đã tìm ra những lý lẽ để bênh-vực cảnh bất-bình-đẳng xã hội và sự khinh-chị giống nòi. Lần hồi, tu-tướng tự-phụ và ích-kỷ, được nuôi dưỡng với những nhận-định thiên-lệch của hạng Gobineau hay Streicher, đưa đến thái-độ dứt khoát và cực-đoan mà ngàn đời những chủng-tộc bị khinh để không thể quên. Lương-tri lành-mạnh cũng không chấp nhận và tha thứ những tấm bảng nơi công-viên trong tổ-giới người da trắng ở Thượng-Hải trước kia. «Cấm chó và người Tàu không được vào đây» hay khẩu-hiệu thiện-nghĩa

tại đôi nơi miền nam Hoa-Kỳ «Da đen không phải giống người» hay ý nghĩ của giống Hitler khi gặp một người Do-Thái "Thứ đó mà cũng công dân Đức à"? Nói một hạng thực-dân đã xem người họ đó họ được như là thú-vật không phải là quá đáng, vì họ thường tìm những lý lẽ quanh co để từ chối không cho đám này được sống như người, nghĩa là như họ. Họ biết bảo vệ đám thổ dân như bảo vệ cầm thú, không cho dân này tiếp xúc với thế-giới văn-minh với thế giới của con người. Chuyện không phải đã trôi đi với di vãng. Hiện nay, trong một vùng hẻo lánh ở Ba-Tây, nơi thượng-lưu sông Xingu, một sông nhánh của Amazone, một số da đỏ Waura đang được bảo vệ như thế. (3) Năm 1834, khi nhà thám-hiêm Đức Steiner tìm ra bộ lạc này, thì họ có chừng ba ngàn người. Năm 1952, dân Waura chỉ còn 500 và sống trong khoảnh đất cấm người ngoài vào. Nơi công có bảng đề Xingu National Park, chẳng khác gì tấm bảng trước các vườn cầm thú. Đứng về phương-diện khảo-cứu, nhà dân-tộc-học mừng được một tài-liệu sống để xem xét. Khách du lịch hay nhà điện-ảnh sung sướng được một đề-tài ngoạn-mục. Nhưng về mặt chính-trị, xã-hội hay nhân-đạo, sự duy trì một bộ-lạc trong khung cảnh thuần-túy dã-man của họ có hợp-lý không? Giống Waura hay bất cứ một dân-tộc thiểu-số nào, dù thấp kém đến đâu, cũng không thể xem như là giống vật sinh ra để thỏa-mãn hiếu-kỳ của người tự xưng là văn-minh. Thật là mâu-thuẫn khi chủ-trương bảo-vệ một

(3) Xem bài và ảnh của Harold Schultz — The Waura — Brazilians Indians of the Hidden Xingu trong National Geographic Magazine, Washington, Jan. 1966



giống nòi và vừa đề cho dân ấy dùng lối phù-thủy để chữa bệnh, nghĩa là cho phép họ giết nhau, theo lối cổ-truyền. Thật là giả-dối khi không đưa bác-sĩ lành nghề đến chữa cho họ may mắn khỏi bệnh hơn, vì sợ làm như thế sẽ phạm đến phong-tục khả-kính của mỗi bộ-lạc và làm phật-ý họ. Nhưng người ta không nghĩ đến chuyện phật-ý khi buộc một bộ-lạc sống mãi dưới sự đô-hộ hay bảo-vệ của mình. Điều có thể đoán được là trong những điều kiện sinh sống được tường-thuật lại, mấy trăm dân Waura sẽ chết lần, như biết bao bộ-lạc đông hơn đã tuyệt giống ở Á Phi, sau khi người da trắng đến che chở họ. Người dân Waura cuối cùng, đã sống trong một xã-hội riêng biệt, với những tập quán nghìn xưa, tránh được sự động chạm với thế giới bên ngoài, có thể tự hào đã giữ được cho đến kỳ cùng sự thanh khiết của nền văn-hóa dân-tộc, giữ được bao nhiêu điều làm cho Waura là Waura ! Nhưng cái chết của người ấy cũng như đời sống của y chẳng quan hệ gì, chẳng có chút ảnh-hưởng nào đối với cuộc sống tiếp diễn trên hoàn-cầu. Nhiều dân-tộc mạnh hơn, nhiều văn-minh trước kia phong phú, cũng đã biến mất không còn một dư-âm. Vì không chịu đựng được sự tiếp xúc với bên ngoài, vì không đủ sức để biến cải cho hợp với những sự ràng buộc của một xã-hội đã biến-đổi, những bộ-lạc, hay quốc-gia đã đi vào cõi hư-vô. Họ đã sống thanh khiết, cao cả, có lẽ họ đáng được tán-thưởng, nhưng họ đã chết, đã bị loại hẳn ra ngoài vòng tranh-đấu.

Chủ-thuyết quốc-gia trong biến-dạng sai lầm của nó, thêm với mặc-cảm thông-thường của đám dân bị-trị,

làm cho người ta mất bình tĩnh và thiếu khôn ngoan khi cần phải giải quyết những vấn-đề do sự gặp gỡ với ngoại-bang đặt ra. Ngờ rời ta dễ nghi ngờ mọi điều, tinh-thần hay vật-chất, ngoại-bang đưa đến, kể cả điều hữu ích. Đôi khi sự nghi ngờ đúng đắn và cần thiết, có khi sự nghi-ngờ chỉ vô ích và thất lợi. Quả thật, dân-tộc Ấn-độ không sung sướng gì mà thấy tiếng nói của mình không được trọng dụng, không được làm chuyển ngữ trong việc giáo-huấn con em mình ; nhưng khi đã thoả-thuận để xây dựng một Cộng-Hoà Liên-Bang, họ phải chấp nhận việc dùng một thứ tiếng làm ngôn ngữ chính-thực chung cho cả quốc-gia. Sự kiện đáng ngạc-niên là nhiều tiểu-bang đã chống đối việc dùng tiếng Hindi, tiếng của đa-số tương đối, một cách quyết-lệthơn là chống-đối Anh-ngữ, tiếng của nước đã thống-trị mình. Có dân-tộc nào lại không Kno chịu về sự học nhớ viết mượn, về sự kkuat phục trước một văn-noa ngoại lai, khác rai xa bao nhiêu tập-quan và tư-tau tri-thức của dân-tộc có nếp sống riêng biệt, nhưng trong thực-te, chỉ xét ngôn-ngữ hay văn-noa như những phương-tiện tạm thời và lần thiet, thì có dẫu An thanh-thật nao không nhìn nhận Anh-ngữ đã giúp cho họ liên-kết về chính-trị, tiện lợi nhanh chóng về nhiều mặt và nhớ sách vở báo chí Anh, thêm ý thức, thêm tin-tưởng để dành lại tự-do và quyền tự-chủ.

Như người da trắng khác ở những thuộc-địa khác, người Anh, dù muốn dù không, đã gieo nơi đất mình cai-trị những hạt giống tự-do, dân-chủ. Nếp sống chính trị của người Anh đã hiển cho dân Ấn kiểu mẫu các cơ cấu chính trị và hành-pháp. Bên cạnh số quan lại

thực-dân, theo ng'ĩa xấu nhất của chữ này, cũng có những chức-việc người Anh xem nhiệm-vụ mình một cách quân tử, tuy thuộc tổ-chức thống-trị phi lý, nhiều khi bất công và có lúc tàn-ác, họ đã hành sự với lương tâm và hướng về quyền-lợi chính đáng của đám dân mà họ cai quản. Chính thiểu-số này, mà có khi chính-quốc cho là những công-dân xấu nếu không phải là phản-quốc, chính thiểu-số chức việc thành-tâm thiện-chí, áp dụng nguyên-tắc làm cho kẻ khác điều mình muốn kẻ khác làm cho mình, đã góp một phần không nhỏ trong mọi cải cách chính trị và xã-hội ở các thuộc địa. Như ở Nam-phi một thế kỷ trước đây, đã có viên toàn quyền Harry Smith dựng lên một lối đại diện dân chúng thật công bình, không có kỳ thị chủng-tộc.

Tuy nhiên, ước muốn hay tận tâm của một vài chức việc không đưa đến những kết-quả nhanh chóng, vì có nhiều yếu-tố khác hoặc là quan niệm khác nhau giữa những chức việc kế tiếp, hoặc là ý kiến bất đồng giữa người cai-trị thuộc địa và chính quyền trung ương, nên chính sách thuộc địa của các đế-quốc, trong một cái nhìn chung cho một hai thế-kỷ, gồm những bước chập chững, tiến thoái, làm cho việc dân-chủ-hóa hay trao trả quyền tự-trị cho dân thuộc-địa quá chậm chạp và éo le. Có người bênh vực lẽ lối tiệm tiến ấy, cho là hợp với trình-độ của dân liên-hệ, có người cho đó chỉ là một cách hoãn lại càng lâu càng tốt, một giải-pháp tất nhiên phải đến.

Như người nhiều đế-quốc khác, người Anh đã thi hành một chính-sách từng giai-đoan. Trước tiên họ lập những hội-đồng địa-phương, rồi đến hội-đồng

trung-ương để sau này chuyển thành viện lập-pháp. Lúc đầu, hội-viên được chỉ-định, một số lớn chọn trong công chức, vì quyền lợi riêng, sẵn sàng bênh vực đường lối của chính-phủ. Tiếp theo, khi nguyên-tắc công cử được chấp nhận, họ đi lần từ lối bầu cử gián-tiếp đến trực-tiếp, hạn-chế đến phổ-thông. Số đại diện nhân-dân được tăng cho bằng số đại diện công-chức của chính-quyền, khi thì như ở Tây Ấn (West Indies) dành riêng Hạ viện cho nhân-dân và Thượng-viện cho người của Nhà Nước. Tiến một bước nữa, đại diện nhân-dân được tham-gia Hội-đồng Hành-pháp đặt bên cạnh viện Thống-đốc để trở thành, khi điều-kiện cho phép, một cơ-quan hành-pháp thuộc quyền viện lập-pháp công cử

Chính-sách cai-trị gián-tiếp - xuyên qua một nền hành-chánh riêng của dân bản xứ được huân-tước Lugard áp-dụng trước tiên ở Nigeria và sau đó, đã đem thi-hành tại nhiều xứ Phi-Châu, nơi nào có được một đời sống bộ lạc chặt chẽ. Chính-sách ấy chấp nhận, và đôi khi thiết lập, uy-quyền của những lãnh-tụ địa-phương, giao phó cho họ và cho hội-đồng kỳ-lão những nhiệm-vụ lập pháp và hành-chính. Luận-điều về bênh-vực chính-sách trên dựa vào lý do nhân-chúng và xã-hội, chủ-trương rằng một chính-quyền tự-trị chỉ lành mạnh và bền tại được khi phát xuất từ những thể-chế cổ-truyền, hiệu-năng hơn những thể-chế chính-trị ngoại-lai. Trên thực-tế, lối cai-trị gián-tiếp rẻ tiền hơn lối trực-trị cần nhiều viên-chức của chính-quyền trung-ương. Về phương-diện tinh-thần thì thật sai lầm nếu để cho đời sống thôn quê lệ thuộc thành-thị, để cho đám nông-dân chất phác bị những hạng thợ-

lại ở thủ-đô chế-ngự, khi dân chúng được tự-trị hay độc-lập,

Mỗi luận-điều trên vẫn có điểm đúng về bệnh vực, nhưng trong toàn-thể chính-sách ấy chất chứa mỗi nguy hại như đã thấy rõ ở Soudan. Tại đây, trước hết, giai-cấp có học xem chính-sách là một thứ phản-động, vì đề cho người Anh liên-kết với hạng người dốt nát và mưu tư-lợi ở địa-phương, chống lại phong-trào quốc-gia đang trỗi dậy trong đám thượng-lưu trí-thức ở thành-thị. Sau nữa, đó chỉ là một chính-sách nước đôi thật nguy hiểm, vì giúp cho hai lực lượng phát-triển song song, gây mâu-thuẫn và xung đột giữa đôi bên, không cho hai phía hợp sức cùng nhau để xây dựng một nước công-bằng, dân-chủ. Sự chia rẽ có thể sâu đậm với thời gian, vì một đảng được giáo dục theo lối tây-phương, có ý-thức chính-trị dân-chủ và tiến-bộ, một đảng được khuyến khích duy-trì óc địa-phương nông nòi, dốt nát và thụ động. Rốt cục, ở Soudan, người ta phải đi đến một hình-thức dung hòa, bằng cách lập ra Hội-đồng chính-phủ, căn cứ trên lãnh thổ toàn xứ, không dựa trên vùng thế-lực của từng bộ-lạc. Tại các hội-đồng ấy, các tù-trưởng và lãnh tụ chính-trị tây-học có thể gặp gỡ và cùng xây dựng cơ-cấu công-quyền cao nhất cho cả nước.

Người Anh có thể tự hào hơn về chính-sách mình khi trả lại tự-do cho Ấn, Hồi, Tích-lan, Miến điện, sau thế-chiến thứ hai. Giữa Anh-quốc và phong-trào giải-phóng các nước ấy đã xảy ra nhiều sự xung đột. Tuy nhiên, kết liễu đã may mắn và tốt đẹp. Không có những Điện-Biên-phủ thúc đẩy sự triệt thoái quân-đội viễn-chinh. Không có những tồ-chức quân-đội bí-mật như ở Algérie hay ở Nam-dương. Lần đầu tiên trong lịch

sử, một cường-quốc tự ý từ bỏ những lãnh thổ mình có công khai thác, và giúp cho sự xuất hiện bốn nước khá quan-trọng trên chính-trường quốc-tế.

Đế-quốc Anh, xưa kia rộng đến hai dặm vuông với gần tám mươi triệu dân, đã lần lượt thay đổi thể chế. Liên-Hiệp Anh còn lại ngày nay chỉ là một sự ràng buộc tinh-thần hay một sự kết-hợp cần thiết để đương đầu với những khối liên-minh hùng mạnh được thành hình sau thế-chiến thứ hai. Có hai mươi bảy cựu thuộc-địa Anh đã trở nên những nước độc-lập và ngồi ngang hàng với Anh trong Liên-Hiệp Quốc.

Thế-giới đã đổi thay. Dù muốn hay không, có vui vẻ hay đau lòng, người da trắng cũng phải từ bỏ cảnh ưu-thể oai hùng hai ba thế-kỷ trước. Người Phi cũng như người Á, cùng học một thứ sách của người Âu, lớn mạnh lên và trở nên khó trị. Phong trào giải-phóng dân tộc lay chuyển liên-tiếp những nền móng thuộc-địa, và một dân-tộc vươn mình lấy lại được chủ-quyền, đã gián-tiếp truyền lại cho những dân-tộc khác lý tưởng và phương pháp tranh-đấu đến thành công. Phụ vào yếu-tố quyết-định là ý chí sống còn của dân bị-trị, còn có thêm dư-luận của phần tiến-bộ trong dân-chúng các đế-quốc, nhân hưởng được các tự-do tư-tưởng và ngôn-luận, đã thúc đẩy chính-phủ họ đi theo đường lối danh dự, thích-hợp với thời-đại và sự tiến-bộ của nhân-loại. Khác với trước kia, chủ-nghĩa đế-quốc đã được bệnh vực và bành-trướng vì sự thờ ơ của dân-chúng và hoạt-động gặt gao của một thiểu-số trực-lợi, của giai-cấp tư-sản hưởng-thụ.

Pháp, như Anh và đế-quốc khác, đã nhờ một số người phiêu-lưu chiếm

đoạt một số thuộc-địa, rải trên năm châu. Lúc cực thịnh là dưới Đệ-Tam Cộng-Hoà, khi Pháp chiếm gần một nửa châu Phi và bán-đảo Đông-Dương. Nhưng nay, chỉ còn vài điểm tưng-trung ở Nam -Mỹ, Djibouti, vài đảo ở Thái-bình-dương.

Chính-sách thuộc-địa của Pháp gắt gao hơn chính-sách của Anh, nhưng lối đồng-hóa của Pháp được xem, về mặt tinh-thần, khá hơn thái độ phân chủng của người Anh. Nếu gác một bên hậu-quả tai hại của sự đồng-hóa là làm cho một dân-tộc mất cội rễ, từ-bỏ những giá-trị quý-hóa họ sẵn có, xóa bỏ dứt khoát chủ - quyền dân-tộc, có thể nói rằng chính-sách đồng hóa đã mặc-nhiên chấp nhận sự bình-đẳng giữa người với người, không phân-biệt màu da hay chủng-tộc. Tiêu-chuẩn để đồng-hóa là trình-độ văn-hóa, không phải căn-cứ nơi yếu-tố địa-lý hay nhân-chủng. Đồng-hóa cũng là một lối đón nhận không chút kỳ thị hay khinh thị nào, những dân không phải gốc ở chính-quốc, cho phép họ đạt đến trình-độ cao nhất về học vấn hay chính-trị, trên nguyên-tắc mở rộng cho tất cả công dân. Những người da đen đã giữ địa-vị quan trọng trong nội-các Pháp hay chính-quyền Pháp chứng minh điều đó. Một ông Léopold Senghor (bây giờ là Tổng-thống Sénégal) làm bộ-trưởng Pháp, một ông Félix Éboué, dân Martinique, đã làm toàn quyền ở Trung-Phi thuộc Pháp trong thế-chiến thứ hai, là những hiện-tượng mà người Anh không thể chấp nhận được. Mà không chỉ người Anh, người nhiều cường-quốc khác cũng có thể ngạc-nhiên khi người Pháp chịu cho một ông da đen như Gaston Monnerville được bầu liên-tiến

mấy mươi năm làm chủ-tịch thượng-viện, và với tư-cách đó, đương-đầu công-khai với tổng-thống người da trắng, vì khác chính-kiến.

Người Anh theo đuổi một chính-sách khuyến khích chính-thể tự-trị và sau đó độc-lập cho thuộc-địa, người Pháp lại muốn cho thuộc-địa trở nên phần đất của mình. Trực tiếp cai trị thường được dùng hơn. Nhưng chính sách đồng hóa đã thất bại hoàn-toàn tại những nơi như Việt - Nam, Maroc, Tunisie, là những quốc gia rất kiêu hãnh với nền văn minh của mình, không thể vì một ít quyền lợi mà từ bỏ quốc hồn được. Tại Algérie trước kia, một người nhập Pháp tịch sẽ mất quyền lợi dân Hồi nên nhà cai trị Pháp đã phải sửa đổi luật lệ, bày ra chế-độ lương-tịch để cho người đạo Hồi có thể trở nên công-dân Pháp mà vẫn hưởng được mọi quyền do luật Hồi định như về hôn phối ly dị, thừa kế, v.v. Sau thế chiến thứ hai tình thế mới của xã hội, sự trưởng thành chính-trị của nhiều dân-tộc thuộc-địa, đã khiến chính quyền Pháp tìm ra hình-thức mới để cố duy trì sự liên lạc với những nước «hải ngoại». Liên Hiệp Pháp, rồi đến Cộng-đồng Pháp là những cố gắng muốn mãi không thể nào vẫn hồi được tình-trạng cũ, không thể nào cứu vớt tình thân hữu đã mất vì những lỗi lầm quá nặng, không thể ngăn chặn sự vươn mình và thoát ly của những nước bảo hộ hay thuộc-địa trước kia đã tổn quá nhiều lời nói và xương máu để đòi lại tự do. Cho hay giá-trị và hiệu-năng của những biện pháp chính trị do nơi sự hợp cảnh hợp thì của chúng. Pháp đã lường lự, đã tiếc mắc tiếc rẻ không nhìn xa, thiếu óc thực-tế, nên làm mất cảm-tình các

dân tộc ngẫu nhiên đã phải tiếp xúc với họ. Còn nhớ năm 1957, khi buộc phải nhượng bộ, nhà cầm quyền Pháp chỉ thả cho người Việt-Nam hai chữ *độc-lập* viết giữa vòng kếp, mà không dám dùng trong bản văn tiếng Pháp chữ *indépendance*, có một nghĩa đầy đủ rõ ràng, không phỉnh gạt được dư-luận trong nước và ngoài nước. Nếu sự hiện-diện của người Pháp đã đem lại ít nhiều lợi ích cho dân Việt, nhờ một số giáo-sư, bác-sĩ, chuyên-viên, tu-sĩ, thật tình phụng-sự cho khoa-học, tiến-bộ, chân-lý, thì công-trình của họ đã bị mờ đi vì chính-sách cai-trị sai-lầm, thái-độ ích kỷ và hành-vi tàn-bạo của đa-số viên-chức. Chính-sách võ-lực của Pháp có khi không cần dấu mặt nữa, như một viên-chức phủ toàn-quyền năm 1937 công khai tuyên bố: « Người ta mất thì giờ và lời nói khi muốn che đậy sự thật và không cho dân bản-xứ biết chúng tôi đã nhờ võ-lực mà đến đây, và chúng tôi sẽ nhờ võ-lực để ở lại. Cần gì những diễn-từ mà chẳng ai làm hết. Nếu tôi có thể hành động đúng theo tư-tưởng của tôi, tôi sẽ nói với bọn chống Pháp; Mấy chú muốn đọc gì cũng được, quen với ai thì cứ quen, và giáo-huấn ai được thì cứ làm. Đến chừng các chú tưởng có thể, một ngày nào đó, liệu mình xuống đường, với vài trăm hay vài ngàn người, chúng tôi sẽ có sẵn tại những nơi thuận tiện với dụng-cụ cần thiết. Chúng tôi sẽ tin cho các chú biết. Sau ba lần cảnh cáo, các chú phải giải tán, và chúng tôi sẽ đếm một, hai, ba. Đến ba, mà các chú còn đó, thì một số trong các chú sẽ nằm vĩnh viễn tại chỗ và số còn lại sẽ trở về nhà và còn lâu mới dám lai vãng.» Lời tiên-tri ấy thật không may mắn chút nào. Lịch-sử tiếp diễn sau đó đã

cho thấy rõ. Mặc dù có những người ngã gục dưới mưa đạn, vẫn có người khác đứng lại đề dương đầu, và vô số người đã thay thế những người đã chết. Chính-sách võ-lực không nắm được tất cả yếu-tố đề thăng ! (4)

oOo

Theo diễn-biến của lịch-sử trong mấy mươi năm vừa qua, thì trừ một vài diêm tạm thời làm di-tích của một thời oanh liệt, vai tuồng đế-quốc thực-dân, theo chủ-trương cờ-điều, không còn tồn tại được nữa, Quả đất trở nên nhỏ bé. Biên giới các quốc-gia được vạch rõ, chẳng còn miền hoang-vu nào để dễ xâm chiếm. Nhưng vấn đề đế-quốc thực-dân khi danh-từ này bao trùm sự bành-trướng thế-lực, thực-hiện tham-vọng của nước mạnh, vẫn còn đáng lo ngại. Chắc hẳn, đế-quốc phải mượn những hình-thức mỹ miều hay kín đáo hơn.

Trong số các nước mạnh ở Đông-phương, Nhật-bản là nước đầu tiên đã mất một cơ-hội trở nên đế-quốc thực-dân như các nước Âu-Châu. Khi quân-đội Nhật-Hoàng chiếm hầu hết Thái bình-dương và Đông-Nam-Á, thuyết « Khởi thịnh-vượng chung » đã bắt đầu được tuyên truyền. Nhật đã đóng vai tuồng trợng-phu hào phóng, giải-thoát khỏi nanh vuốt của đế-quốc da trắng những dân-tộc mà Nhật-Bản sẽ thay thế người da trắng chế-ngự một cách dễ dàng. Chương-trình không thể-hiện được, mộng lớn không thành. Nhật không chiếm được Á-châu như Đức quốc-xã không nuốt được Âu-châu.

(4) Xem : Cung Giũ Nguyên, *Volontés d'existence* Ed. France-Asie, Saigon, 1954. tr.39

Nhưng vùng mà Nhật-Bản, trên hai mươi năm trước kia không chiếm giữ bằng võ-lực được, kỳ-tài và chí phấn-đấu của dân-tộc Nhật sẽ cho phép xâm nhập một cách hoà-bình, lặng lẽ hơn. Mặc dù là một nước bại trận và đã đầu hàng trước quân-đội Đồng-Minh, Nhật có đủ nhân-tài và ý-chí để trở thành một cường-quốc nhờ chính sách mềm dẻo, khôn ngoan, sự cần cù làm việc. Như một lần rồi, dưới thời Minh Trị, Nhật biết khám phá bí quyết thành-công của người Âu, không câu-nệ với thứ chí-khi xằng, không trói buộc vì những danh-từ tốt đẹp và huyền-thuyết, Nhật biết dùng mọi phương-tiện, kể cả phương-tiện đau lòng là hợp tác với dân thắng trận, với quốc-gia chiếm đóng quê-hương, để gỡ một thế cờ bế tắc. Bây giờ, với một thực-lực về kinh-tế và kỹ-thuật, Nhật đã trở nên một cường-quốc, gây ảnh-hưởng không những ở Thái bình-dương mà còn tìm đường cạnh-tranh với những quốc gia Âu-Mỹ.

« Máu loãng còn hơn nước lạnh. Chúng ta sinh sống ở Á-Châu là anh em cả. » Câu đó có thể là lời của Thủ-tướng Hideki Tojo nói năm 1943 với đại-diện năm quốc-gia Á châu, đề tuyên-bố sự thành-lập « Khối thịnh-vượng chung của Đông Nam-Á », mà Nhật sẽ là nước lãnh-đạo. Nhưng tháng 4 năm 1966, chỉ là lời tuyên - bố của Thủ-tướng Eisaku Sato khi chủ tọa một hội-nghị cấp bộ-trưởng, về sự phát-triển kinh-tế. Thương-mãi của Nhật với Á-châu là 250% tổng số thương-vụ của Nhật. Xem những hàng hóa hiện-thời tãi trên thị-trường, phần lớn là hàng Nhật. Nhưng bên-cạnh hàng-hóa, Nhật còn

gửi đến các nước cần đến những đoàn « hòa-bình » hay « chí nguyện », những chuyên-viên. (5) Có lẽ khi thấy những xe gắn máy phóng tấp nập trên các đường phố, hay máy thu thanh và tủ lạnh trong các tư-thất, người ta không sợ hãi và bất bình như khi thấy những ông hiến-binh (kempetai) thỉnh linh tuốt gươm để hăm dọa đồng bào trong một cơn phẫn nộ hay thị uy nào đó. Nhưng lòng tự-ái quốc-gia sao khỏi bị va chạm khi nhận thấy một hình-thức lệ-thuộc mới. Sự lo âu cho quyền-lợi quốc-gia sao khỏi tăng thêm khi thấy bao nhiêu lợi-tức riêng và chung phải cung ứng quá độ cho nền kỹ-nghệ và thương-mãi nước ngoài, khi nghĩ rằng vì đó, tiến bộ kỹ-thuật tại quê hương phải ngưng trệ vì những ràng buộc biết ngày nào mới gỡ được.

Mâu-thuẫn của đế-quốc cồ-diễn là chiếm lãnh-thờ của người để giúp họ trở nên tự-do. Mâu thuẫn của đế-quốc kinh-tế là chế ngự đời sống vật-chất, chi-phối sự sản-xuất và tiêu-thụ của một nước để giúp nước này đi đến tự-túc và thịnh-vượng. Hai hình-thức của đế-quốc đều bắt đầu với một « thiện chí », nhưng liệu, diễn-biến trong một tương-lai gần, có thật phù hợp với thiện-chí ấy không? Dù với những ý nghĩ tốt đẹp đến đâu về sự hợp-tác và hữu-nghị giữa các quốc-gia, người ta cũng phải nhận rằng lệ-thuộc về kinh-tế hay về chính-trị cũng chỉ là một thứ. Quốc-gia lệ-thuộc trong bất cứ phạm-vi nào cũng đã mất ít nhiều chủ-quyền và tự-do của mình. Chiếm đóng một quốc-

(5) Xem Jerrod L. Schecker, Japan forges another Asian « Co-prosperity Sphere » trong *Life*, Asia Edition, 22-8-1966.

gia, trong các chính-sách thuộc-địa thời trước, chỉ có mục-phiêu làm lợi cho mình và gián-tiếp làm lợi cho dân bị-trị, và như vậy, không thể không gây ảnh-hưởng lớn về kinh-tế. Mà giao-dịch kinh-tế với một nước kém mở mang, với những điều-kiện ưu-đãi đặc biệt, mặc nhiên ảnh-hưởng đến phạm-vi chính-trị. Định-luật kinh-tế còn gắt gao hơn những biện-pháp chính-trị và cai-trị. Khó mà tin rằng một cường-quốc kinh-tế lại vui vẻ trang-bị cho một nước nghèo yếu đủ phương-tiện để một ngày rất gần không còn tiêu-thụ hàng-hóa của mình hay cạnh-tranh với mình nữa là khác. Sự hợp-tác kinh-tế giữa các nước đặt trên luật cung cầu; giữa những quốc-gia hoàn-toàn bình-đẳng, xuất nhập cảng là một phương-sách quân-bình, bồ túc. Sự phát-triển kinh-tế của nước không thể bị gò bó như trong một kinh-tế lệ-thuộc. Quốc-gia còn đủ chủ-quyền, còn có chính-sách ngoại-giao rộng rãi, chọn lựa được những thị-trường cung cấp hay tiêu-thụ hợp với khả-năng hay quyền lợi của mình. Trong mối tương-quan giữa một nước lệ-thuộc theo chiều hướng duy-nhất với một quốc-gia mạnh, thì sự lựa chọn không còn nữa. Hàng hóa, xấu hay tốt, đắt hay rẻ, nước lệ-thuộc đành phải chịu, nhất là khi tình cảnh khốn

đốn chỉ cho phép mua chịu mà thôi. Kẻ mạnh hay chủ nợ là phe đặt điều-kiện, và điều-kiện trong trường-hợp ấy không phải là tốt đẹp cho kẻ nghèo yếu. Như thế, cũng như trước kia, nước lệ-thuộc vẫn có bổn-phận tiêu-thụ nghệ-phẩm của ngoại bang và cung cấp tài-nguyên cho chính-quốc; và trong trường-hợp nào vẫn chịu thiệt thòi, phải mua đắt và bán rẻ, đã nghèo phải nghèo thêm. Huống chi, các cường-quốc kinh-tế nếu gặp điều kiện thuận tiện, thường duy trì tình cảnh bất kham của những nước chư-hầu, chỉ khuyến khích tiêu-công-nghệ, hay kỹ-nghệ nhẹ về những ngành sản-xuất không cạnh-tranh được với chính-quốc, như chính-sách thuộc-địa cổ điển đã thi-hành triệt-đề, hoặc bày ra những nhu cầu giả tạo, xa xỉ, không hợp với phong-tục và khả-năng của đám dân nghèo, hoặc khai-thác hay dựng nên những cảnh khan hiếm trầm trọng, để dễ chứng minh sự hiện-diện và giúp đỡ cần-thiết của mình. Lo ngại về một nền kinh-tế quá lệ-thuộc tại một quốc-gia gọi là có chủ-quyền, không chỉ là chuyện tự-ái quốc-gia, mà là cả một vấn-đề sống-còn của quốc-gia ấy.

(Còn tiếp 1 kỳ)

CUNG - GIỮ - NGUYÊN

*Tìm đọc sách của nhà xuất bản SÁNG-TẠO*

Ba tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ

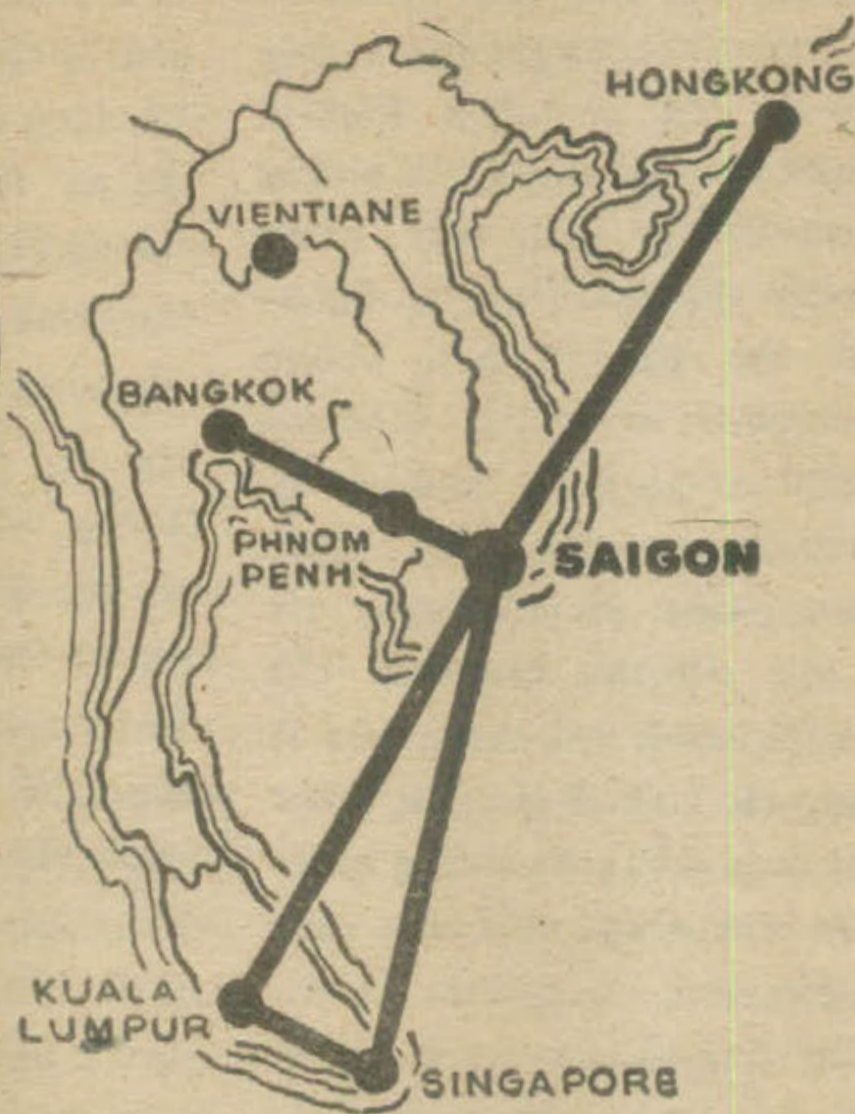
- BA SINH HƯƠNG LỬA (ấn bản mới)
- DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH (ấn bản mới)
- NHỮNG NGÃ SÔNG (truyện dài)

Hai tác phẩm của Trần Thanh Hiệp

- VÀO ĐỜI (thơ)
- (tập truyện)

# TRONG ĐÔNG-NAM Á

U  
i  
ê  
t,  
K  
a  
m  
H  
à  
n  
g  
K  
h  
ô  
n  
g



A  
I  
R  
V  
I  
E  
T  
N  
A  
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ  
LUÔN  
LUÔN  
DU NGOẠN**



bằng *Caravelle*  
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THẾ-GIỚI  
của  
ĐƯỜNG BAY *Hoasen* VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

*Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay*

**VIỆT-NAM HANG-KHÔNG**  
116, NGUYEN-HUE, SAIGON. 21.624-625-626



# NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

(Xin xem Bách Khoa từ số 228)

ĐOÀN THÊM

## CÔNG HAY TỘI

Như đã trình bày, ba nhiệm-vụ chính-yếu mà dân-chúng vùng chiếm đóng mong Cựu-hoàng sớm hoàn tất, là đối phó với Pháp, ổn định tình-thế, và kiến thiết quốc-gia.

Cựu-hoàng, cùng chánh-thể do ông sáng lập, đã làm được chừng nào ? và nếu kết-quả không như ý, thì do những sự-khiến gì đã được thời-gian xác định ?

Những câu hỏi đó không bao hàm dụng-ý phê bình sự-nghiệp của một mình công. Sự thành bại ở quốc-sự không phải là công hay tội riêng của cá-nhân nào, nhưng thuộc trách-nhiệm của nhiều hạng người trong một chế-độ.

Quyết đoán về một nhân-vật lịch-sử là việc rất khó, và càng lên tiếng mạnh càng dễ sai lầm. Ghét hay yêu khi nhìn trở lại, chỉ làm hao tâm-lực và mất thời-giờ.

Mục-dịch nên nhằm, là tìm hiểu để nhận định cho chính xác hơn, may ra rút được phần nào kinh-nghiệm cho một cuộc sống chung đã bị xáo trộn không ngọt vì những sự bỗng-bọt nhất-thời che khuất lương-tri.

oOo

Theo những giới thông-thạo, chính Quốc-Trưởng Bảo-Đại cũng không hài lòng trước những sự hạn-chế chủ-quyền, cũng như về sự thi-hành Thỏa-ước 8-3-49. Nên ông ngần ngại không muốn cử đại-biểu VN vào nghị-viện Liên-Hiệp Pháp, mặc dầu bị thúc giục nhiều lần.

Tin này được khá nhiều người rõ, nên Pháp có phản-ứng ngay. Hồi tháng 9-1949, đài Phát-thanh Sài-gòn đã lên giọng cảnh-cáo: VN đừng đòi hỏi quá nhiều, sự gia-nhập Liên-Hiệp Pháp rất cần và rất có ích, độc-lập không phải là cô lập v v...

Q.T. Bảo-Đại biết rằng, Nghị-viện L H P không có thực-quyền, và lại số ghế dành cho VN chỉ có 20. Nên ông muốn Thượng-Hội-Đồng L H P sớm được triệu tập để ấn định chính-sách về mọi phương-diện đối với VN. Pháp cứ làm ngơ mãi, đến khi mời họp, thì chỉ để uống sâm-banh và nghe diễn-văn trường-thiên của Tổng-Thống Auriol đề cao tinh-thần huynh-đệ và ý-chí hợp-tác.

Tại VN, Pháp kéo dài việc chuyển-giao các công sở và quyền hành. Mãi đến 30-12-1949 những thỏa-hiệp liên-hệ mới được ký kết, và bắt đầu từ 24-2-1950 mới được thi hành rất chậm chạp. Pháp hứa trả lại trước ngày 1-1-1951 các công-sở thuộc các Kỳ cũ, ngoại trừ các cơ-quan chung mà qui-chế còn chờ quyết-định của hội-ngị liên-quốc.

Ngày 20-6-1950, Q. T. Bảo-Đại sang Pháp theo dõi cuộc đàm-phán tứ-quốc tại Pau, và can thiệp nếu cần với Chánh-phủ Ba-Lê. Song phái đoàn VN vẫn không tránh được những sự ngoan-cố của Mên, thâm-ý của Pháp, và kết-quả bi-quan là sự cộng-tác cưỡng-bách của ba quốc gia liên-kết.

Việt, Mên, Lào bị cột vào nhau nếu một nước ngăn cản thì hai nước kia khó lòng dẫn bước. Việc tháo gỡ mối dây chằng-chịt, qua các chánh-phủ. Trần-Văn-Hữu và Nguyễn-Văn-Tâm, vẫn vô-hiệu mặc dầu Q T Bảo Đại đã vài lần thử thuyết phục trực-tiếp các Tổng-Thống Pháp.

Đến 1953, khi tình hình quân-sự đã suy sụp, Pháp biết mình yếu thế không thể theo đuổi mãi chính-sách kìm hãm, nhất là khi muốn tỏ ra rộng rãi để chiêu ý Hoa-kỳ mà nài tăng viện-trợ vũ khí. Vả lại, cần tách rời Mên Lào để còn nơi duy trì ảnh-hưởng, không để hai xứ mắc vướng vào VN mà lãnh thổ có thể bị cắt đôi. Câu chuyện bỏ hẳn Bắc-Việt, khi ấy đã được thì thầm trong chính-giới Pháp. Ngay ở Hà-Nội, giữa một tiệc trà, một nhân-viên sứ-quán ngoại-quốc đã nửa đùa nửa thiệt gạn hỏi một thương-gia Việt : bao giờ mua nhà ở Ba-Lê cho gia-đình lánh nạn?...

Dù sao, ngày 3-7-1953, Thủ-Tướng Pháp Laniel long-trọng hứa kiện toàn độc lập cho VN (*parfaire l'indépendance*). Theo chỉ-thị Quốc-Trưởng Chánh phủ Nguyễn-Văn-Tâm tổ chức tại Sài-gòn một Đại-hội Quốc-dân để các đảng phái lên tiếng yêu sách và làm hậu-thuần cho Quốc-trưởng trong việc đòi Pháp trả quyền (tháng 10-1953). Rồi chánh-phủ Bửu-Lộc cũng cố vận động cho Pháp giữ lời và chịu mở cuộc đàm-phán vào ngày 8-3-1954.

Tuy-nhiên, Pháp vẫn chưa có thái-độ rõ-rệt, và ngày 10-3. Thủ Tướng Laniel còn ngó ý trước Quốc-hội rằng Pháp cần chấm dứt chiến tranh bằng cách thỏa hiệp với đối-phương... Bởi thế, Pháp kéo dài việc thương-thuyết với chánh phủ Bửu-Lộc, và ngày 23-3 bác bỏ các đề-ngị của phái-đoàn VN.

Q. T. Bảo Đại phải tuyên bố ở Ba-Lê. VN không chịu để cho một phần lãnh-thổ biến thành nước chư-hầu của Trung-Cộng (10/4). Rồi ông thân tới gặp Tổng-Thống Coty (16/4) Thủ Tướng Laniel (21/4) để phản đối dự định nghị hòa, và đòi Pháp giữ lời cam kết. Ngày 23-4, Ông lại gửi cho Coty một công-hàm yêu cầu triệu tập Thượng Hội-Đồng Liên-Hiệp Pháp để dứt khoát lập-trường đối với VN. Ngày 25/4, ông ngó lời cùng báo giới : hiện nay độc-lập và thống-nhất của VN không được đảm bảo, và ông không chấp nhận một hiệp-ước nào do Pháp ký với đối-phương để đi ngược quyền-lợi của dân-tộc.

Đến 4/6, chắc đề gây áp-lực đối với phái-đoàn VM tại Hội-nghị Genève (khai mạc từ 26/4) Pháp mới chịu ký hai hiệp-ước với Thủ Tướng Bửu-Lộc :

— một hiệp ước mới về Độc-lập (*Traité d'indépendance*) thừa nhận VN độc lập với chủ-quyền toàn-bị theo công-pháp quốc-tế. Pháp sẽ chuyển giao hết những công-sở và thẩm-cuyền còn tạm giữ ;

— một hiệp-ước liên-kết (*Traité d'association franco vietnamienne*) VN thuận ở trong Liên-Hiệp Pháp, và có quyền bình đẳng với Pháp : hai bên hợp tác tại Thượng Hội Đồng Liên-Hiệp-Pháp. Mọi vụ xung đột sẽ được phân xử tại một Hội Đồng Trọng Tài do hai nước cử ra.

Nhưng Điện-Biên-Phủ đã thất thủ từ 8/5, và 46 ngày sau khi được độc-lập gần hoàn-toàn, thì VN bị chia đôi tại Genève (20-7)

Tuy vậy, đến cuối năm, phái đoàn Nguyễn-Văn-Thoại do chánh phủ Ngô-Đình-Diệm chỉ định, tiếp-tục điều đình với Pháp để áp dụng hai Hiệp-Uớc kể trên, mà chấm dứt chế-độ Tứ-quốc bằng một loạt hiệp-định ký ngày 29/12/54, nhân danh Quốc-Trưởng VN.

Chế-độ Ngô-Đình-Diệm thừa hưởng chủ quyền được thâu hồi trọn vẹn trên một nửa đất nước.

Ngày 20/11/54, một bạn di-cư từ Hải-phòng chuyển cho bà con đã sớm vô Nam, bức thư của Xuân, một thanh niên hăng hái đã ra khu kháng-chiến từ 1946. Xuân cho hiểu rằng : giá thử Độc-lập 1949 cũng như Độc-lập 1954 mà Xuân có nghe nói, chắc từ 1950 anh đã trở về Hà-Nội.

Anh có về đấy chứ, như về với Già.

oOo

Hy-vọng mà chính-giới Pháp cùng nhiều người Việt ôn-hòa đặt vào Cựu-hoàng, là chính cá-nhân ông sẽ đủ uy-tín, và chánh-thề do ông sáng lập sẽ đủ năng-lực, để thu hút các tầng lớp dân-chúng, nhất là những phần-tử quốc-gia trong phe kháng-chiến,

Pháp mong lắm, mong quá nên dễ nản lòng. Ngay từ tháng.. 8-1949. Bộ-Trưởng Hải-Ngoại Coste Floret đã phúc trình lên Chánh-phủ Ba-Lê rằng Cựu-hoàng không thâu lượm được kết-quả chờ đợi : người kháng-chiến không chịu trở về, du-kích vẫn lan tràn vv... Nhận xét đó có phần quá đáng, tỏ rằng nhà đương-cuộc Pháp không hiểu rõ tổ-chức kiểm-chế ngặt-nghèo của đối-phương Ly khai hàng ngũ VM đâu phải là chuyện dễ-dàng ? Vả lại, một số người trước kia chống Pháp cũng đã vào vùng chiếm đóng, nhưng còn nghe ngóng, chưa chịu tham gia hoặc ủng hộ chánh-quyền mới. Dân-chúng thì kéo ò-ạt về nhiều tỉnh trung-châu Bắc-Việt và duyên-hải Trung-Việt. Tình-hình chánh-trị cuối 1949 và đầu 1950 quả có phần sáng sủa hơn trước.

Chỉ từ giữa 1950, dư-luận và dân-tình mới bắt đầu chuyển hướng, song mỗi ngày xem chừng càng bất-lợi cho chế-độ. Tiếng khen thì ít, còn bao nhiêu lời chê

trách không cánh mà hay khắp gần xa; dù cố tóm tắt và có gạt bỏ những câu chuyện mặt sát cá-nhân, chắc vẫn thiếu sót rất nhiều.

Đối với một số người thuộc các đảng-phái chánh-trị, thì Q. T. Bảo-Đại đã không tránh khỏi nhiều nhược-điểm : ít đi lại, xa dân nên không lôi cuốn được quần-chúng ; đề mặc cho các nhóm chia rẽ, mượn sức phe này chế ngự phái kia chớ không kết hợp thành một khối mà gây hậu-thuần chống cộng và đối phó với Pháp ; hay dùng những nhân-vật quá thân Pháp, tưởng họ được việc vì dễ nói chuyện với Pháp, nhưng họ nể Pháp không dám đòi hỏi gì; không chịu can thiệp thúc đẩy cho công việc tiến hành mau lẹ, đề xảy ra nhiều sự thất-sách rồi cứ phải thay đổi nhiều Thủ-Hiến và Thủ-Tướng...

Những người vì nghề-nghiệp hay phải tiếp xúc với chánh-quyền, và ngay cả những công-chức đã quen lối làm việc ở vùng kháng-chiến, thường trách các chánh-phủ là nhu-nhược, thủ-cựu và bị-động. Theo họ, người cầm quyền không biết áp dụng chính-sách thích ứng với thời loạn, chỉ ngẩn cảm chớ không kích thích, chẳng dám làm cho sợ mà cũng không gây được thiện-cảm. Các cơ-quan thừa hành lẫn quần trong thường-vụ, theo những luật-lệ và thủ-tục lạc-hậu thời Pháp-thuộc, không thực hiện nổi công-cuộc nào có ảnh-hưởng mạnh vào tâm-lý mọi người để phát động các phong-trào tranh đấu cho Quốc-gia.

Song nhiều cấp hữu-trách ở Trung-ương cho biết: sở-di kết-quả hoạt-động không đáp ứng nguyện-vọng chung, là vì phần lớn công việc liên quan trực-tiếp đến dân-chúng, chiều qui-chế biện hành, lại thuộc các vị Thủ Hiến. Các cấp địa-phương hay dựa vào thực-trạng đặc-biệt ở mỗi miền để vượt khỏi luật-lệ ; họ còn hay lợi dụng sự xa vắng của Trung-ương mà làm những việc bất-hợp-pháp, hoặc dung túng những vụ hề-lạm và hao phí công-nho.

Nhưng các cấp Phần đầu có chịu sự lên án như vậy? Họ khiêu nại luôn luôn rằng các Chánh-phủ ở tận Sài-gòn, không trông rõ nhu-cầu địa-phương và những sự biến-chuyển của tình-thế, nên không dành cho miền Bắc và miền Trung đủ phương-tiện tổ chức và hoạt động mạnh mẽ : cứ ngồi ở dinh Gia-Long mà trách, thì dễ quá !

Các Tỉnh-trưởng, Quận-trưởng cũng oán các Thủ-Hiến như các vị này oán các Thủ-Tướng: không cấp đủ tiền đủ súng, làm thế nào giúp đỡ và che chở dân-chúng? Cho vài ông thư-ký công nhật, thì cớ gì đáng làm sao hàng trăm việc rắc-rối? Thuế không thu được : công-vấn quở. Mất đồn : giấy khiển-trách. Dịch tấn công bằng tiểu-liên và bazookas, mình chống trả bằng súng bắn chim hoặc Lebel 1914, không chết cả là phước : cấp trên bèn phóng chỉ-thị ba trang xuống bắt... đề cao cảnh-giác ! Cứ ngồi ở Hà-Nội mà thét, thì dễ quá !

Thế còn dân? Dân-chúng ở các thành-thị tuy được tương-đối yên ổn, cũng không vì thế mà tỏ ý ủng hộ chánh-quyền. Trái lại, ở mọi giới, trong các gia-đình, giữa tiệc cưới, đám ma, hay buổi họp bạn, câu chuyện chỉ chạy quanh thời-sự. Mà thời-sự là : Thủ-Tướng này sắp đổ, vì De Lattre không ưa ; Thủ-Hiến kia mắc

việc bê-bối đờng cầu cứu Đức Từ ; chạy Tỉnh-trưởng hay xin giấy nhập-cảng phải tặng bao nhiêu tiền; lại còn đầu-cơ, tích-trữ, chuyên-ngân lậu, trốn quân-dịch, tuyền linh ma, biển-thủ, hối-lộ, v.v... Tỉnh-từ hay đờng dùng nhất, là thối nát.

Đờng-bào thôn quê không biết những chuyện đó, nhưng lại ta thán về bao nhiêu tai ương dồn dập : càn quét, đốt phá, hãm hiếp, giam giữ, tra tấn ; Tây tha Ta bắt, bắt đi làm xâu hay đắp ụ, xẻ đờng, khuôn xác chết ; gần ngày gặt hái, vẫn phải chạy lánh bom đạn ; có chút tiền hay con gái lớn thì đành đem gửi trên tỉnh-ly ; sợ lắm, sợ quá, sợ tất cả mọi người, ông Xã-ủy, ông Đờn, ông Lê-dương, ông Quận, ông du-kích, ông cán-bộ... vì ai cũng có thể đánh trời hay bắn giết, theo ngoài kia thì khó sống, theo trong này cũng dễ chết toi.

Trong những trình - trạng bị phơi bày, những gì có thật hay phần nào sai ? Nếu xét một cách khoa-học thì phải nhận rằng ở nhiều trường-hợp, ít ai có đủ yếu-tố xác thực để phán đoán, vì không đâu có nhiều vắn-khúc như ở lãnh-vực chánh-trị nói riêng và hoàn-cảnh nhiều-loạ nói chung. Người ở địa-vị cao thường có khuynh-hướng coi như phản-động hoặc vô căn-cứ những tin-tức cùng những lời lẽ bất-lợi cho mình. Nhưng phần đông dân-chúng lại sẵn lòng tin những chuyện không hay cho giới hữu trách. Dù sao, những luận-điều chỉ trích và mọi tiếng thị-phi đều chứng tỏ những tâm-trạng mất bình-tĩnh, những nỗi bất-mản ngấm ngấm trong chính-giới và tràn đầy giữa dân-gian. Bầu không-khí thành ra nặng nề khó thở, chứa đựng toàn những oán thán, đổ ky, hoang-mang và hoài-nghi. Nếu có một Viện Gallup VN để đo lường tâm-ly quần-chúng, chắc hẳn đã thấy uy-tín của Quốc-Trưởng hạ thấp mất nhiều phần trăm, nhất là từ 1951.

Điều chắc chắn nữa, là cũng từ năm đó, tình-hình an-ninh sút kém rõ-rệt ở Bắc-Việt. Không kể những trận tấn-công lớn mà tướng De Lattre phải xuất toàn lực đối phó, như trận Vinh-Yên, Mạo-Khê, Ninh-Bình, những vụ đột-kích, phá-hoại và khủng-bố hàng ngày cũng tăng gấp bội ở hầu hết các xã thuộc khu-vực quốc gia. Công cuộc trị an và bình định mà Pháp trút cho VN, vượt quá lực-lượng của các nhà chức-trách cấp Tỉnh, cấp Quận, mặc dầu không thiếu những trường hợp nỗ-lực hoặc hy-sinh. Những vùng yên ổn thu hẹp dần vào các tỉnh ly quận-ly. Ngay các ngoại-ô thành thị cũng hay bị quấy rối, trước về ban đêm, sau về cả ban ngày. Đờng xá bị cắt đứt, gài mìn, ngăn chặn bằng ụ đất. Sự liên-lạc rất khó-khẩn, nhân-viên đi công cán nếu không được hộ-tống mạnh, ít khi dám về làng xóm, nên ảnh-hưởng của chánh-quyền gần như không có, tuy theo các bản phúc-trình hay báo-cáo, thì ở mỗi ngành hoạt-động, kết-quả vẫn khả-quan và dân - chúng rất tin tưởng vào chính-nghĩa quốc-gia.

Chính-nghĩa quốc-gia chỉ đờng thấy rõ trên các công-văn, diễn-từ, bích-chương, biểu-ngữ. Còn ở thôn quê, đầu óc nào nghĩ đến những chuyện cao xa ? Còn phải tránh Pháp, trốn dân-quân, sống ngày nào hay ngày ấy trong cảnh một cồ mấy tròng, biết trông cậy vào ai sau lũy tre tàn ? Thảng-hoặc phải gần gửi các đại-diện chánh-quyền, thì để khát thuế, xin tha cho bà con bị bắt, lãnh vài tặng-phẩm cứu-tế không chắc đủ số, nghe những hiệu-triệu kêu vang và rất khó hiểu,

gọi mưa phơi nắng nửa ngày để tiếp đón nồng-nhiệt cụ Thủ-Hiến, ngài Thủ-Tướng hay Đức Quốc-Trưởng...

Tóm lại, nếu ổn-định tình-thế có nghĩa là trấn tĩnh nhân-tâm, đoàn kết các giới, tái lập an-ninh và điều-hòa sinh-hoạt, thì chế-độ 1949-1954 đã không đáp lại sự mong ước của mọi người, kể cả QT Bảo-Đại.

oOo

Công việc đầu tiên mà người sáng-lập chế-độ phải lo, là sự ban-bổ thể-chế qui định cơ-cấu quốc-gia. Nhưng từ 1949 đến 1954, thay vì Hiến-Pháp, vẫn chỉ có hai đạo Dụ ngày 1-7-1949 về tổ-chức công-quyền và qui-chế công-sở.

Theo các văn-kiến căn-bản này, thì quyền lập-pháp thuộc Quốc-trưởng, quyền hành-pháp được ủy cho chánh-phủ do Quốc-Trưởng bổ nhiệm và chịu trách-nhiệm trước Quốc-trưởng. Dân-chúng chỉ được đại diện bằng những Hội-đồng tư-vấn do chánh-quyền chỉ định, hoặc những Hội-đồng Địa-phương do dân bầu nhưng chỉ có thẩm quyền hạn-chế về hành-chánh, tài-chánh, kinh-tế và xã-hội.

Một chánh-thề như vậy đã bị nhiều người trách là thiếu căn-bản pháp-lý và trái các nguyên-tắc dân-chủ. Có người đã ví chế-độ Bảo-Đại với chế-độ Pétain ở Pháp (1940-1944) nghĩa là do một cá-nhân nắm toàn-quyền lãnh-đạo, ban hành một số Dụ có tính-cách và hiệu-lực những hiến-luật, và mang danh-hiệu hàm-hồ là Quốc-Trưởng (Chef de l'Etat).

Song nhiều người khác lại tỏ ý thông-cảm và thấy chưa nên nêu ra vấn-đề lập-hiến : vì số-phận đất nước còn tùy kết-quả chiến-tranh, và hiện nay tổ-chức quốc-gia còn phải chằm chước theo Thỏa-ước Việt-Pháp; chủ-quyền đã thâu hồi được hết đâu mà muốn phân phối ? Và chẳng, muốn có Hiến pháp hẳn hoi, phải tổng tuyển cử một Quốc-hội Lập-hiến, nhưng tình-thế chưa cho phép. Vậy hãy tạm sắp đặt gọn gẽ mà bắt tay vào việc đã; pháp-lý có thể đi sau thực-tế, và hợp-pháp-hóa là sự thường trong hoạt-động quốc-gia

Nhiều thanh niên lại đặt câu hỏi : Quốc-Trưởng là người đứng đầu một nước; ở nước quân-chủ là Đế hay Vương, ở nước cộng-hòa là Tổng-Thống hay Chủ-Tịch. Còn nếu Quốc-Trưởng là Quốc-Trưởng, thì có nghĩa gì ? Một số công-chức cũng thắc mắc : Cựu hoàng không còn là vua, sao Văn-Phòng Đalạt lại ra chỉ thị cho mọi người và mọi cấp phải gọi là «Đức» Q.T. Nếu dùng tiếng Đức để tỏ lòng tôn-kính như đối với các Đức Giám-Mục, thì thôi cũng được đi ! Nhưng trong Thỏa ước 1949 hay trên các công-hàm, Pháp và các đại-dien ngoại giao cứ «tâu Bệ-Hạ, Sire» và hô chánh thức là «Đức Hoàng-Đế, Sa Majesté» thì phải chăng là có sự chuẩn bị dư luận để khôi phục nhà Nguyễn ?

Một cao-cấp trong chính giới đã giải-thích : nhân dịp hiệu triệu quốc-dân tại tòa Đô-sảnh Saigon ngày 14 6-1949, Cựu hoàng đã nói rõ rằng ông chỉ tạm mang đế-hiệu để cho danh chính ngôn thuận trong cuộc điều-đình với Pháp và sự giao thiệp quốc-tế, còn chánh-thề sau này sẽ do toàn-dân quyết định. Như thế, tư-cách

của ông đã được minh định rồi. Còn lối xưng hô thường theo tập quán: ở các nước Âu-Châu hiện nay, các phế-đế vẫn được gọi là Đức Vua, các hoàng-thân củ vẫn là những Đức Ông Altesse...

• Đã sao ? Riêng tôi cũng trộm nghĩ như vậy ở xứ nhà ngay trong dân gian còn có tục tặng bốc nhau cho oai, nên ai đã có chức tước gì thì cứ phải chịu đựng chung thân : đã làm Tuần-phủ, thì suốt đời thành cụ Tuần, dù đã về hưu trí mười lăm năm hay hai mươi năm... Vậy mới mất ngôi từ 1945 mà vẫn là Đức thì có chi lạ ? Vài bạn tôi vẫn không đồng ý. Vì theo họ, lối xưng hô đối với Cựu hoàng hình như không phải cách giữ lễ mà thôi. Trong thực tế, người ta coi «Ngài» là Vua, Những «tắc lòng trung thành bất diệt» mà người ta thi nhau dâng lên, «Ngài», tất sẽ được tiếp tục bày tỏ trên các Sớ các Biếu sau này. Ngôn ngữ và thái độ tôn thờ, báo hiệu một sự trở về ngôi mà lắm kẻ chờ mong, Ấy là chưa kể những chiếc lọng vàng che nắng ở Phú Văn Lâu, bộ áo vàng khăn vàng trong ngày lễ thái-miếu... Gió sông Hương lại thoả ng mùi cung-điện, và những sự len lõi châu hầu ở ĐàLạt gây lại không-khí triều-đình..

S. của tôi lại chép miệng an ủi mọi người : nếu cứ lo như thế, thì ở nước mình sẽ phải lo không biết đến bao giờ ! Chẳng có Vua, hay vắng Tây rồi, giống nịnh-thần vẫn mọc nham nhảm như loài thiêu-thân, chung quanh những cá-nhân nào có thể ban chức, cho tiền hay cho đi an trí.

Kề ra thì lời S. cũng không sai mấy, nhất là từ khi không còn Đức QT.

oOo

Nếu vấn-đề chánh-thề chưa được giải quyết, thì nhà cầm quyền đã xây dựng những cơ-sở nào cho Quốc-gia ? Sau 5 năm lãnh đạo, liệu còn để lại được gì không ?

Chỉ đáng kể, nhưng cũng nên kể những thành-quả, công-cuộc hay tổ-chức nào mà giá-trị còn được các chế-độ sau mặc-nhiên thừa nhận, nghĩa là thừa hưởng duy trì hoặc tiếp tục dù có chằm chước hay-sửa đổi.

— Từ 1949, sau khi được một số khá đông cường-quốc công nhận, VN mới bước chân ra chính-trường ngoại-giao ; và tuy chưa thề vào Liên-Hiệp-Quốc vì sự ngăn-cản của Nga-sô, cũng được gia nhập 35 cơ-quan quốc-tế với tư-cách hội-viên như Ủy-Hội Kinh-Tế Viễn-Đông ECAFE (từ 21-10-49) Tổ-chức Y-Tế Quốc-Tế OMS (17-5-50). Lao-Động Quốc-Tế OIT (20-6-50) Cơ-quan Kế-Hoạch phát-triển Colombo (31-10-50) Lương-Nông Quốc-Tế FAO (11-11-50) Văn-Hóa Quốc-Tế UNESCO (18-6-50) v. v... Hoa-Kỳ đặt phái-bộ viện-trợ quân-sự từ 6-3-50 và phái-bộ viện-trợ quân-sự từ 21-7-50 ; số ngoại-viện thương-mại và cứu-tế từ 8. 650.000 Mỹ-kim (1950-51) tăng lên 23 500.000 Mỹ-kim (1951-52) và một hiệp-ước tương-trợ Việt-Mỹ được ký ngày 7-9-1951.

— Quân-đội quốc-gia thành-lập và phát-triển mau lẹ : từ 5 tiểu-đoàn (1950), lên 26 tiểu-đoàn (1951) và 6 sư-đoàn (1953) gồm 167 000 binh-sĩ kể cả Phụ lực với 3500 sĩ-quan. Các cấp chỉ-huy được đào tạo tại các trường Võ-Bị Liên-Quân Đà-Lạt khai giảng ngày 5-11-1950 ; trường Cao-Đẳng Võ-Bị thành-lập ngày 25-5-50,

trường Quân-Y (7-8-50) trường Không-Quân (25-6-51) và Hải-Quân (1-1-52). Các tổ-chức quân-sự khác cũng được xúc tiến: như Toà án quân-sự (22-11-51) Bộ Tổng-nham-Muru (12. 4. 52). Nhiều luật-lệ Quân-sự được ban-hành: Qui chế quân-Đội (Dự số 1, 30-1-51) Bộ Quân-Luật (Dự số 8, 14-5-51). Chế-độ quân-dịch (Dự số 29, 29-6-53) Thẻ-thức sáp nhập các lực-lượng giáo-phái vào quân-đội Quốc-gia (Sắc-lệnh ngày 10-4-54)

Tổ-chức tư-pháp và các toà án VN được ấn định do Dự số 4 ngày 18-10-49, và qui-chế các thẩm-phán, do các Sắc-lệnh ngày 1-12-50. Toà án Hành Chánh được thiếp lập từ 5-1-50.

— *Hành-chánh địa phương*: Các Hội-Đồng Đô-thành, thành-phố và thị-xã được tổ-chức từ 1952, và bầu cử lần đầu tiên ngày 25-1-53.

— *Các tổ chức khác trên địa-hạt chuyên-môn và hành-chánh*: Viện Thống-Kê (10-12- 9) Việt-Nam Thông Tấn-Xã (22-1-51) Quốc-gia kiến-ốc-cuộc (15-6-51) và Vé số Kiến-thiết quốc-gia (16-8-51) Sở Du-lich quốc-gia (50-6-51) Công-Ty Hàng-Không Air VN (30-10-51) Trung-tu Điện-lực-cuộc (30-12-51) trường Quốc-Gia Hành-Chánh (7-4-52).

— *Giáo-dục văn-hóa*: Trường Đại-học văn-khoa và Sở Bảo-Tồn Cổ-tích (4-1-50) trường Cao-đẳng Sư-phạm (16- 1-50) Văn-hóa Nguyệt-San (5-5-52).

*Kinh-tế xã-hội*: Bộ luật Lao-động được ban hành ngày 10-7-52; bộ luật Cải-cách Điền địa ngày 4-6-53;

Qui-chế Nghiệp-đoàn (16-11-52) Chế-độ bảo vệ quyền phát minh sáng chế công-nghệ (1-4-52). Chế-độ Phim ảnh và quay phim (30-7-52).

— *Các-thiết-bị và Qui-chế quan-trọng*:

— Bảo-quốc Huân-chương và Anh-dũng Bội-tinh (Các Dự ngày 15-8-50).

— Ngày Phụ-Nữ VN mừng 6 tháng 2 Âm-Lịch (1-3-52)

— Qui-chế công-chức Quốc-gia Dự số 9, (14-7-50)

— Qui-chế các Hiệp-hội (Dự số 10, 6-8-50)

— Qui-chế thể-thao thanh-niên (Sắc-lệnh 53, 17-6-50)

— Qui-chế Hàng-hải (Dự số 6, 19-4-51)

— Chế-độ thuê nhà và quyền lưu cư (Dự số 4, 2-4-53)

— Bộ luật thuế trực thu và gián-thu (Dự số 4, 13-4-53)

oOo

Những tài-liệu kể trên đã do tôi thâu thập giữa năm 1955, khi những trào-lưu phản đối Q. T. Bảo-Đại đang ào.ạt lan tràn. Nhiều tờ báo chứa đầy căm hờn với những lời đả kích dữ-dội. Vấn-đề gạt bỏ ông được chánh-thức đặt ra, ai nấy đều tin rằng ông không thể đứng vững. Riêng tôi thấy ông cũng nên lui.

Song đối với kẻ đem tâm thành tìm hiểu việc nước, thiết nghĩ bình tĩnh nhận xét là điều-kiện ưu-tiên để tới gần sự thật. Nên tôi đã lặng-lẽ kiểm-điểm một mình công-cuộc của ông và của một lớp người, để tự soi sáng cho tôi. Vì đối với bất-cứ nhân-vật hay chánh-thê nào, tôi không muốn nghĩ ác vì tưởng lầm. hoặc nói ác vì không biết rõ.

Đ. T.

Kỳ tới: Các chánh-phủ 1949-1954



# Thử chia thời-đại trong Việt-sử

• NGUYỄN-PHƯƠNG

(xin xem BK. TĐ, từ số 237)

## 1. Việt nam, thời khai sinh.

Đó là thời đại lâu dài kể từ khi mảnh đất, mà nay chúng ta gọi là Việt nam, bắt đầu được bàn tay con người khai khẩn, cho đến khi trên đó một quốc gia được thành hình, vào hạ bán thế kỷ thứ X. Tiếng khai sinh, như thế, gồm hai ý nghĩa, khai khẩn và sinh thành. Trong đợt khai khẩn, một đợt chưa có gì hoàn toàn quyết định, chúng ta thấy nhiều loại người đã xuất hiện rồi biến đi, chỉ để lại một ít di tích, như di cốt và thạch khí, đồ đồng gặp được ở các trạm tiền sử, hay một ít rơm rớt của giống nòi, như những sắc dân một thuộc loại Ma-la-nê, Anh-đô-nê, Lạc Việt, ở các vùng rừng núi hoặc duyên Sơn. Họ cũng đã cạnh tranh nhau, chiến đấu với nhau để sinh tồn. Nhưng một thứ người đã khai khẩn ở dải đất chúng ta một cách có tổ chức hơn, có phương pháp hơn, đó là hạng quan lại và thần dân của Trung hoa. Đã từ lâu, Trung hoa là một quốc gia mạnh, và sức bành trướng của họ cũng mạnh, nhất là về hướng nam. Họ đã đến vùng này chiếm lấy làm đất đai của họ. Họ tổ chức hành chánh, họ tổ chức lực lượng, họ mở mang nông nghiệp, họ gieo rắc văn hóa. Dân được tổ chức như thế sinh sống ở vùng đồng bằng, và đồng ruộng họ gia tăng diện tích, đang lúc đó người họ gặp khi họ mới đến vẫn bám lấy vùng duyên sơn hay không chịu lìa rừng núi. Không bao lâu họ trở thành đông đảo nhờ sinh sản, một phần, và phần khác, nhờ những người mới di cư tới, càng đông, cuộc

sống chung của họ càng sầm uất, và càng lâu, họ càng tha thiết với mảnh đất họ ở. Cha ông họ, tổ tiên họ, dần dần đã nghỉ an dưới những nắm mồ cũ mới bên cạnh những thửa ruộng mà ngày ngày mồ hôi họ làm cho trở thành phì nhiêu. Không phải đời sống họ bao giờ cũng yên ổn, vì họ bị quấy phá bởi nhiều hướng. Đứng trước sự bành trướng của họ, những giống người vùng duyên sơn tất phải ái ngại, và tổ chức đánh họ. Rồi người Lâm ấp, một giống người đã sống thành đoàn thể kể từ thế kỷ thứ II rải rác từ Đèo Ngang trở vào và nhất là từ Đèo Hải vân, thường cướp phá họ ở quận Nhật nam và đôi khi đi đường biển ra gieo tai họa dọc bờ biển Cửu châu, Giao chỉ. Để sợ hơn hết là nước láng giềng về phía Tây bắc, nước Nam chiếu, Người Nam chiếu không những đánh phá, mà từ năm 1862 đến 1864 đã chiếm cả Giao chỉ làm thuộc thổ. Thật là nhục nhã cho dân vùng Giao chỉ. Họ đau đớn nhìn cảnh của mất nhà tan, họ ái ngại nhận thấy chính quyền trung ương vừa xa, vừa bất lực. Để bảo vệ cho quê nhà, có lần một người trong bọn họ, Lý Bí, đã đứng lên, nhưng đã thất bại. Nay, sau kinh nghiệm Nam chiếu, vấn đề tự vệ đã trở nên một vấn đề mất còn, và họ phải quyết định. Tùy thời thế, tùy trường hợp, họ Khúc đã ra tay, rồi họ Ngô rồi họ Đinh. Giữa hỗn độn và hấp hối của Trung quốc của thời Ngũ Đại, một nước mới đã thành hình. Nhà Tống, khi bình định được các

nơi và đã lên ngôi Thiên tử, đã phải công nhận Đại cồ việt, và từ đó chúng ta đã có một nước gọi là «nước ta»

## 2. Việt nam, thời củng cố.

Thời này ăn qua các triều Đinh, Lê, Lý, Trần. Mỗi triều đại như thế đã củng cố quốc gia bằng một cách, và thêm một bậc Dầu ít lâu nhiều, họ đã tổ chức các ngành, đã tô điểm núi sông, đã trao đổi văn hóa, đã mở rộng biên cương. Nhờ ý thức mạnh mẽ chủ quyền đất nước, họ đã thắng kẻ thù bất cứ từ đâu đến và dầu cho nguy hiểm đến đâu. Thời nhà Đinh, cái gì cũng còn sơ sài, chưa rõ rệt, vì đó là buổi đầu. Nhưng thế không phải là chưa bắt đầu. Bây giờ, nếu việc tổ chức triều đình mới được nói đến bằng tiếng «bách quan», thì quân đội đã có rõ rệt chức tướng quân của thập đạo, và đây mới là vấn đề cấp thiết. Lê Hoàn thắng nhà Tống năm 981 chính là nhờ lực lượng đã được tập luyện trong thời Đinh. Sau trận đó, nhà Tống biết rằng khó mà khuất phục được Đại cồ việt, vì người Việt đã có lực, lại có mưu. Bớt được ngoại xâm, Lê Hoàn lo việc chinh đốn. Triều ông đã có một thái sư, một thái úy, một đại tổng quản, một đô chỉ huy sứ. Ông đã nhận được sự quan trọng của miền nam, nên chuẩn bị phương tiện để tiến vào, ví dụ, năm 983, Ngô Tử Yên được lệnh đem ba vạn quân đi đắp đường từ Nam giới đến Địa lý. Vì mới khởi sự, nhà Đinh và nhà Lê chưa quen với chế độ kế tập, nhưng đến nhà Lý thì quốc gia rõ là sở hữu của nhà vua, và nhà vua cố giữ lấy. Lý triều đã kéo dài được hơn một thế kỷ. Có thể nói Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn, không được huấn luyện trước về

nghề làm vua, còn Lý công Uẩn đã được chuẩn bị lâu dài trước. Rồi khi ở ngôi báu, ông lại có những bậc thầy nhiều mưu. Vì vậy, ngoài sự truyền kế lâu dài, nhà Lý đã củng cố Đại việt (tên đời từ 1054) ở nhiều điểm khác, chẳng hạn đóng đô ở Thăng Long (1010), xây dựng cung điện, dựng chùa tháp, cổ võ phật giáo, đặt phẩm cấp tăng đạo. Nếu tổ chức tôn giáo là đặc sắc của Lý triều, thì công nghiệp nhà Lý cũng không phải ít trong việc sắp đặt quan chức, chinh đốn võ bị, san định hình thư, lập văn miếu (1070), Quốc tử giám (tháng 4-1076), đặc các chức học sĩ. Mặc dầu kết quả không có bao lắm, Đại Việt đã nổi tiếng dưới đời Lý Nhân tông vì tấn công vào đất Trung hoa. Đối với Chiêm thành, cuộc viễn chinh của Lý Thánh tông đã thêm vào cho bờ cõi nước ta ba châu Địa lý, Ma linh, Bố chính (1069). Nhà Trần đã tỏ ra mạnh hơn về tổ chức cũng như về binh bị. Phật giáo, mà nhà Lý đã phổ biến, nhà Trần sẽ thanh lọc. Nho học, mà nhà Lý đã bắt đầu, nhà Trần sẽ phát triển. Đất Chàm, mà nhà Lý đã lấy được, nhà Trần sẽ khai thác và mở thêm, như châu Ô, châu Lý (1305). Nhà Trần định luật pháp nghiêm hơn, đặt quan chức nề nếp hơn, nhất là tổ chức quân đội hữu hiệu hơn. Quân đội bây giờ giao cho tông thất giữ, nên họ giữ nước chẳng khác gì giữ nhà. Nhờ đó Đại việt đã mấy lần vinh quang thắng được những cuộc tấn công quyết liệt của một sức mạnh đối phương chưa hề thấy (trận thắng cuối cùng là vào năm 1288). Như thế, Đại việt đã được thiếp lập vững vàng, mọi mặt của đời sống nhân dân đã được tổ chức, và cuối triều đại nhà

Trần, chúng ta có thể dừng lại đã chấm dứt thời củng cố.

### 3. — Việt Nam thời phục hưng.

Nhận định rằng Đại Việt đã được củng cố không phải là quả quyết rằng đất nước đã hết kẻ thù, hay nạn nguy vong không còn rình chực nữa. Nhưng sức củng cố sẽ nổi lên cao hơn, chính khi vượt được kẻ thù và thoát được nguy vong. Cho giang sơn Đại-Việt nguy vong đã đến thật với Hồ Quý Ly Nhà Minh đã hùng hổ sang đây và toàn thắng một thời gian. Dầu vậy đâu họ có thể lưu lại được lâu. Từ nền móng dân tộc và quốc gia đã được kiên thủ, Lê Lợi đã đứng lên khôi phục và Lê Thánh Tông đã ra tay chấn hưng. Thời đại từ đầu thế kỷ XV cho đến nhà Mạc, có lẽ không thể diễn tả bằng tiếng nào đầy đủ hơn tiếng phục hưng. Về phần khôi phục tính cách đặc biệt của Lê Lợi, chắc chắn không ai chối cãi. Không phải ông đã khôi phục sự nghiệp của cha ông, mà chính là sự nghiệp của dân tộc ông. Ông đã kháng chiến suốt mười năm, trong đất mình mà không khác gì giữa đất người, ném đủ mùi chua cay, trải muôn ngàn gian khổ. Nhưng cuối cùng ông đã thắng. Tiếng reo hò của quân ta ở trận Chi-Lăng (10-10-1427) cùng một lúc đã hạ thành Đông-Quan và đuổi lão tướng Mộc-Thạnh về nước. Và từ đó nguồn sinh lực của giống nòi lại được lưu thông... Về mặt chấn hưng, Lê Thánh Tông đã đạt đến chỗ phát huy cao độ. Chẳng những ông đã tiếp tục một cách vẻ vang những gì Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông, Lê Nhân Tông đã bắt đầu, mà ông còn lập lại và vượt qua công cuộc để lại do các triều đại trước. Dưới đời ông, văn học hưng thịnh, luật pháp nghiêm minh, triều nghi huy hoàng. Ông

đã có một đạo binh uy hùng, một chiến công rực rỡ (thắng Chiêm ngày 8-4-1470,) một cương giới mở mang (đạo Quảng Nam).

### 4. Việt Nam thời bành trướng.

Giai đoạn lịch sử kể từ Nguyễn-Kim lập Lê Ninh (1533) cho đến cái chết của Quang Trung (1792) đã được tạo nên bởi những biến cố bề ngoài xem ra rời rạc, nào là Nam Bắc triều, nào là Nam Bắc phân tranh, nào là Tây Sơn. Đó lại còn là một giai đoạn phần nhiều dệt bằng chiến tranh, nhân dân phần nhiều lâm than, giang sơn phần nhiều rách nát. Nhưng nhìn kỹ một tính cách chung, đầy an ủi và xây dựng, đã trùm phủ cả giai đoạn đó, đó là Đại Việt đã bành trướng mạnh liệt hơn bao giờ hết. Quyền bính bấy giờ bị phân chia, điều này buồn thật. Nhưng họ phân chia để có thể mở mang. Mỗi họ làm chúa một vùng, điều này không hay thật, nhưng vùng đất họ làm chủ có thể là vùng đất cũ do các triều đại trước để lại, mà cũng có thể là vùng đất mới chiếm thêm. Rời Thanh-Hóa vào năm 1558, Nguyễn Hoàng đã lấy Thuận Hóa làm nơi «vạn đại dung thân». Ở Ái-tử, rồi ở Trà-bát (từ 1600), ông đã ra lệnh cho những kẻ thuộc về ông phải khai thác miền Thuận, Quảng. Lệnh này không phải chỉ có ý nghĩa thông thường của một kẻ làm quan đi trấn nhậm miền xa, và vì lương tâm chức nghiệp, ân cần nhắc nhở con dân. Lệnh đó bao hàm khẩu khí một ông chúa, hay nói đúng hơn, khẩu khí một kẻ gây dựng nghiệp chúa. Và bởi lãnh thế của Nguyễn chúa phải bành trướng về phía Nam, nên trụ sở của họ cũng dịch dần vào Nam, rồi từ 1687, đóng bản ở Phú

Xuân. Bấy giờ cuộc tranh chấp đã xong, bắc biên của họ đã rõ là từ sông Gia h. Nhưng cuộc Nam tiến sẽ lấy đâu làm giới hạn? Từ 1611, Nguyễn Hoàng đã lấy Phú Yên và «Đá Bia» là Nam cương. Năm 1652, Hiền vương chiếm vùng Nha trang, Phan rang, đặt tên cho nó là Thái-khang. Năm 1693, Minh vương lập trấn Thuận-thành, sau đổi là Phú thuận, và lập Biên trấn. Đến đây họ vẫn chưa dừng, vì đất Chân-lạp còn rộng. Lúc đầu, họ phạm vào đất Chân-lạp một cách gián tiếp. Năm 1698, các quan nhà Minh là Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên với ba nghìn quân và 50 chiếc thuyền, vào cửa Tur-dung xin Hiền Vương tỵ nạn. Để vớt vớt một mối ngờ vực, nhà Chúa cho phép họ vào khai khẩn các vùng Đồng-nai, Mỹ-tho, Bắng-lắng. Nhờ nguyên do này hai mươi năm sau, Minh vương đã tồ chức được phủ Gia định, gồm Phước long (tức Đồng nai) và Tân bình (tức Saigon). Vùng Hả-tiên đã được một người Tàu khác mở mang trước và đã lập được bảy xã thôn. Năm 1708, ông này xin thần phục Chúa Nguyễn, nhận chức Tổng binh, và đất ông thuộc về của Chúa. Đến năm 1744, Võ vương nghĩ rằng đã đến thời lập lãnh thổ thành một nước và tự xưng là quốc-vương. Dịp đó, kiểm điểm lại, ông thấy dưới quyền ông đã có 12 dinh, là : 1.) Ai tử 2.) Quảng bình, 3.) Võ xá, 4.) Bốc hình, 5) Quảng nam, 6.) Phú yên, 7.) Bình khang, 8.) Bình thuận, 9.) Trấn biên, 10.) Phiên trấn, 11.) Long hồ (từ 1732, trấn Gia định đã được chia hai thành hai dinh 10 và 11), 12.) Phú xuân. (1) (Phú xuân cũng gọi là Dinh Chánh và năm 1744 đổi thành Kinh đô). Trong 12 dinh này, một nửa (kể từ Phú yên trở vào) là

đất tân tạo dưới thời Nguyễn Chúa. Thật là một công trình khuếch trương to lớn.

Nhưng, ở miền Nam, ngoài các dinh Trấn biên, Phiên trấn, Long hồ, lãnh thổ chưa khai thác còn rộng, hay còn thuộc về Chân-lạp. Đàng khác, dân cư tại đây, nói là thuộc về Chúa, mà tình quốc gia đang còn lỏng lẻo, vì bờ cõi mới mở mang. Để thắt chặt tình quân dân và để nối rộng bờ cõi, Chúa Nguyễn đã phải vào Gia định. Bị Tây sơn nổi dậy từ Qui-nhơn đánh ra, bị Chúa Trịnh từ Thăng long cho ồ ạt kéo quân vào, Duệ-ông đã phải rời Phú xuân trong đêm 29 lấy làm 30 Tết năm Đinh Dậu (1777) để trốn vào Nam. Từ đó Gia định trở thành một chiến trường hoen máu người Việt. Sau khi vị Chúa cuối cùng của họ Nguyễn bị hại Nguyễn Ánh, cháu Võ vương, đã đứng lên từ Long xuyên, rồi xưng vương ở Gia định năm 1780. Ông là đối thủ lợi hại tại vùng này của Tây sơn. Bảy năm lao đao, nhiều lần chìm nổi, Nguyễn Ánh đã đuổi được đối phương ra khỏi vùng, lập thành năm trấn, gây dựng một cơ sở vững chắc, dưới quyền ông.

Nói tóm lại, khi Quang Trung từ trần, giang sơn chúng ta có cả thảy là ba nước: nước Đại Việt cũ, từ Bắc vào cho đến Quảng Nam thuộc về Quang Toản, con của Nguyễn Huệ, một nước của Thái Đức, ăn từ Quảng Ngãi đến Bình thuận, và vùng Gia định của Nguyễn Ánh. Ba nước biệt lập, nhưng cùng là của người Việt Nam, đều thuộc về đó. Về trước, người Việt Nam chưa bao giờ

(1) Thứ tự các dinh kê theo Thực-lục.

làm chủ được một giang sơn rộng lớn bằng.

### 5. Việt Nam, thời thống nhất.

Quang Trung mất, nước của Nguyễn Nhạc bắt đầu lung lay. Gọng kìm của Nguyễn Ánh một bên, và bên kia của Quang Toàn, đang mau chóng khép chặt lại. Uy tín của Gia định lên mạnh, đang được gió nồm thổi ra dọc duyên hải miền Trung. Xuất quân 1793, Nguyễn Ánh lấy Diên Khánh, Phan Rang, Bình Khang, Bình Thuận, Phú Yên, rồi vây Qui Nhơn. Bị cháu dõ trò bất nghĩa, Nguyễn Nhạc hộc máu chết. Từ đó, Toàn và Ánh giành nhau dải đất từ Diên Khánh trở ra. Năm 1799, quân Gia định hạ thành Qui Nhơn, đổi là Bình định, gizo cho Võ Tánh giữ, rồi rút về. Năm sau, Tây Sơn vây Võ Tánh đại quân Gia định lại kéo ra. Đang khi hai bên cầm cự tại đây, thì Nguyễn Ánh ra lấy Phú xuân, ngày Mậu Dần tháng 5 năm Tân Dậu (13-6-1801). Quang Toàn chạy ra Bắc hà. Ở Bình định, Võ Tánh tự tử, để thành lại cho Trần Quang Diệu, một tướng kỳ tài của Tây Sơn. Vợ của Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, cũng tài ba không kém chồng. Bà xui vua của bà lập thế trận ở Đồng Hới, chặn đường Bắc tiến của nhà Nguyễn. Nhưng vận Tây Sơn đã suy, vợ chồng bà không sao cố thủ được. Đồng-hới vỡ (tháng 2, 1802) Bình định mất (tháng 4-1802), và Gia long, tức Nguyễn Ánh cũ, thẳng đường vào Thăng long ngày Canh thân, tháng sáu, âm lịch (21-7-1802). Từ đó, ai còn cấm được người Việt Nam nói rằng nước họ kéo dài từ Nan quan đến mãi Cà mau.

Sau Gia long, các vua Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, đã càng ngày càng

làm cho nước Việt Nam nằm trong tay họ. Họ cố gắng cho nước họ, cả Nam lẫn Bắc, không đâu khác với đâu. Dinh, trấn, đạo sẽ nhất tề trở thành tỉnh. Không còn Bắc thành hay Gia định thành, mà tất cả phải trực thuộc trung ương. Không may, vì cố siết chặt, họ đã chóng tỏ ra không đủ sức. Loạn trong nước nổi lên. Và nạn ngoại xâm cũng đến. Để giữ cho chặt, họ đã đóng các cửa thông thương lại. Họ có ngờ đâu bấy giờ lại là lúc Tây phương đang lùng khắp thế giới để tìm cửa thông thương. Một bên cố đóng, đang khi bên kia lại cố mở. Kết quả là tai hại cho bên nào yếu, và đối với Tây phương, Việt nam đã chứng minh rằng mình không đủ võ lực, mặc dầu có thừa khí-tiết...

### 6. Việt Nam, thời Pháp thuộc.

Từ chỗ thống nhất quý đẹp nhất, Việt Nam đã bị Tự-đức không khôn khéo đánh rơi vào miệng một con Gà đói, nó mổ ra thành từng miếng để ăn lấy chất ngon. Tuy nhiên, nếu có những ông vua ít cương nghị, như Khải-định, Bảo-đại, thì lại cũng có những sĩ phu anh dũng như Phan đình Phùng, Hoàng hoa Thám... Thời Pháp thuộc, Việt Nam đâu có hoàn toàn thuộc Pháp. Vẫn có các nhà chức trách bảo hộ, vẫn có các hạng quan lại xu thời, nhưng cũng còn có đại chúng âm thầm nén sức quật cường xuống để đợi thời cơ. Họ phải nén lòng đợi, vì trước mắt họ đang loé ra nhiều ngã đường, và họ khó định hướng. Ngã đường rộng rãi của sự tiếp xúc với thế giới bên ngoài, mà đó không phải là một nguồn nên ngăn chặn. Ngã đường của đà mở mang kiến thức theo

văn minh Tây phương, mà đó không phải là một ánh sáng nên dập tắt. Rồi nẻo đường loáng nhoáng của chủ nghĩa xã hội, mà họ chưa nhận chân được, vì họ chưa mua được kịp cặp kính màu để che bớt sức loáng nhoáng. Nhưng năm tháng qua, mặc dầu chậm, khí quật cường đã thắng. Năm 1954, một ngày đã đến, ngày đó, toàn dân Việt Nam đã sung sướng nguyền nhìn theo bóng bộ đội viễn chinh Pháp lui thủi kéo về. Khốn một nỗi, lòng thâm độc của hạng đế quốc vô lương đã cố chờ một đòn sau hết trước khi rời miệng mồi ngon: Pháp đã cố chặt đôi giang sơn chúng ta để giao lại thành hai phần rướm máu.

### 7. Việt Nam ngày nay.

Thực dân chặt, nhưng Việt Nam đâu có đứt. Từ 1954, Việt Nam đang sống trong một cơn hấp hối dài, nhưng cố

sống. Ung mủ thối tha đang chắt lên và cơn đau đớn đang tiếp diễn, nhưng người dân Việt không mất hy vọng. Bởi vì ung có thể chữa, mủ có thể rửa sạch và vết thương Việt Nam có thể liền lại để người dân Việt Nam có thể sống lành mạnh đời sống quốc gia thống nhất...

Cái nhìn tổng quát vào lịch sử Việt Nam qua việc chia thời-đại như vừa trình bày, chắc có người sẽ cho là quá tích cực. Nhưng nếu tích cực vẫn có sự cần thiết của nó đôi khi, thì tích cực bao giờ cũng nên xét đến, vì tích cực là xây dựng, tích cực là sống. Và nếu tính cách tích cực đi đôi với tính cách chính xác của sự việc, thì thật là một may mắn lớn. Tôi luôn luôn ao ước đạt được chỗ may mắn đó.

NGUYỄN-PHƯƠNG

Tăng cường sinh lực

bằng

**CETONIC**

VITAMINE C 250mg

B.Y.T-DPC14 Đ 8



Petru Dumitriu

(Xin xem BK.TĐ. từ số 237)

Đến đây tác giả cuốn « Ẩn danh » bỏ tập tự thuật của Sébastien xuống để dẫn chúng ta vào cái xã hội mà Sébastien đang sống, nói đúng hơn : đang ngộp thở. Tác giả chiếu một luồng ánh sáng xiên chéo vào cái xã hội bí ẩn của các nhân viên cao cấp cộng sản đang hăm hè thanh toán nhau một cách đầy « tình đồng chí ». Đề nguyên, có lẽ Sébastien chưa đến nỗi phải chịu những cực hình quá như vậy, nhưng anh là em rể Morcovici (chồng Valentine), một ngôi sao đang lên quá mau lẹ, làm Bộ-trưởng Paraschiv e ngại cho địa vị của mình. Nhất là hai người lại thường không giấu nỗi sự ghét nhau và không bỏ qua cơ hội nào để hất cẳng nhau. Về phía Paraschiv có Malvolio, tổ trưởng tổ cộng

TRẦN-HƯƠNG-TỬ (2)

Đọc sách :

## INCOGNITO

Tác giả : Petru DUMITRIU

Nhà xuất bản : Seuil

Paris 1962

sản tại Bộ kỹ-nghệ của Paraschiv, rồi có Héradlès Nitzelus, Giám-đốc cơ xưởng, Léopold cán-bộ văn-hóa của tổ. Về phía Morcovici, chính trị viên của tổ, có Arthur Zodie một cán bộ rất thông minh và văn-hóa cao, rồi có Erasme, anh ruột Sébastien và là một Ủy viên Trung-ương Đảng bộ. Ngoài ra, trong tổ còn thấy Christian, em ruột Sébastien, một cán bộ quá lý thuyết và cư xử rất mực lạnh lùng với bạn bè, kể cả với Sébastien. Paraschiv không ra mặt sát phạt Morcovici hẳn xúi đàn em của hẳn tìm mọi cách làm khổ và phá hoại thanh danh Morcovici : Malvolio đã báo cáo thành tích khả nghi của Sébastien. Léopold đã phản bạn : Sébastien đã tin tưởng và thờ lộ tâm tình với hẳn, đã than thở với hẳn

về những đau khổ do chủ-nghĩa cộng-sản gây nên cho con người : Léopold đã bá cáo Sébastien. Bởi thế, Đảng chờ dịp bắt giam anh này. Cái truyện lò thép sập chỉ là một dịp. Nếu không có truyện lò sập, cũng không thiếu gì những máy điện này hư, cầu sắt kia sập, và người ta luôn sẵn có dịp tố cáo anh là « phá hoại ».

Tác giả tả lại hai buổi bình nghị tại tổ của Bộ. Buổi thứ nhất do Morcovici triệu tập để nhận định về đường lối của tổ. Sau mấy câu gằn phư ở các biểu-ngữ ra, Morcovici đi thẳng vào vấn đề : « Công việc các đồng chí làm rất đúng đường lối của Trung-ương. Nhưng phải trừ trường hợp đồng chí Nitzelus. Đồng chí này làm việc hoàn toàn theo cảm tình và độc tài... Tôi có thể đưa ra những bằng chứng cụ thể. Nhiều bằng chứng. Nhưng chỉ xin đưa ra đây hai cái nhỏ nhỏ thôi, để còn giữ danh dự cho đồng chí. Air cũng biết tuần qua, tài xế của đồng chí Nitzelus đã đến họp tác xã lấy một chiếc bánh ngọt to ketch cho 10 người. Đồng chí còn gửi biểu đồng chí Léopold một con gà quay và một món sà-lách. Khi vợ đồng chí Nitzelus đi chợ, đã lấy xe của sở để dùng, và còn bắt tài xế chờ hàng giờ. Và mới ba hôm trước đây, tài xế phải chờ 4 giờ đồng hồ trong khi vợ đồng chí Nitzelus thử áo thử sống ở khu Hợp-tác-xã... Morcovici cứ thao thao như thế, tố cáo Nitzelus, đàn em của Paraschiv. Morcovici vừa ngắt lời, một người trong hội nghị đứng lên : « Ít lâu nay không thấy đồng chí Nitzelus đi theo học các lớp Nga ngữ nữa. Xin đồng chí cho biết lý do ». Morcovici không giữ nổi sự vui mừng khi thấy Nitzelus tái mét. « Còn đồng chí nào có ý kiến xây dựng cho đồng chí Nitzelus

xin cứ phát biểu. » Morcovici vừa nói thế, một nữ cán bộ to như cái bồ đứng lên : « Từ sáu tháng nay không thấy mặt đồng-chí Nitzelus ở các lớp sử-học. Một người cộng sản mà không thông duy-vật sử quan thì hành động sao cho đúng đường lối được. Xin đồng chí Nitzelus cho biết tại sao không đi họp ».

Sau buổi họp đó, phe Paraschiv đuổi hẳn đi. Ai cũng sợ cái tài « vận động biện chứng » của Morcovici. Nhưng Malvolio không phải tay vừa. Hẳn nhất định tổ chức một buổi bình-nghị để bắt đối phương ăn đòn. Mở đầu, Malvolio nhấn mạnh : « Thừa các đồng chí, hôm nay chúng ta hội thảo luận về những vấn đề tổ chức. Trước đây mấy đồng chí đã chỉ trích cá nhân đồng chí Nitzelus, thay vì phê bình đường lối và phương thức tổ chức. Phê bình cá-nhân không mang lại kết quả cho Đảng mà còn gây khó dễ cho tình đồng chí... Tôi biết một nhóm đồng chí không ưa đồng chí Nitzelus vì không được hưởng những đặc ân họ xin.. » Malvolio nói thật to, dằn từng tiếng nhưng hẳn như cảm thấy đơn thân độc mã, và hẳn không đưa ra được những gì cụ thể. Hẳn vừa ngồi xuống thì một đồng chí ăn mặc xú xờ đứng lên : « Tôi vừa ở nhà quê tới đô-thành. Tôi là đảng viên và thắc mắc một điều đã lâu, nhân hôm nay tôi biết các đồng chí bình nghị và có mặt đồng chí Nitzelus... Tôi gặp đồng chí Nitzelus cách đây hai mươi năm, hồi còn chiến tranh. Tôi tranh đấu trong hàng ngũ cộng sản, còn đồng chí Nitzelus lúc đó chỉ huy một đội thân-binh phản động chuyên môn xử tử anh em cộng sản. Tôi không hiểu tại sao một kẻ như vậy mà



được nhận vào đảng, và nhất là lại được giữ những nhiệm vụ quan trọng như thế." Malvolio tái mét. Nitzelus đứng sỗ lên: "Nói vu khống". Rồi anh ngồi xuống như người không hồn. Hội nghị xôn xao. Một lúc sau, Malvolio nói: «Thưa các đồng chí chúng ta vừa nghe một lời tố cáo ghê sợ. Vì là một việc vô cùng quan trọng, cần điều tra cẩn kẽ trước khi có thể bành nghi, nên tôi tuyên bố tạm chấm hết phiên hội hôm nay».

oOo

Trở lại bản tự thuật của Sébastien :

Sau đó, họ không đánh đập và cũng không điều tra tôi nữa. Họ cho tôi ra khỏi tù và chở sang phía Hắc-Hải, nơi làm việc của những người khổ sai. Chúng tôi bị coi như những con vật, luôn bị đánh đập, chửi rủa, và cho ăn không bằng phần con chó nhà tôi. Viên trung-úy chỉ huy trại lao tác chúng tôi tên là Luca, một hiện thân của Ác thần. Trong trại tôi có một bác-sĩ, một cựu bộ trưởng, hai linh mục chính thống Nga, một linh mục công-giáo, một tên sát nhân, còn toàn là hạng vô lại, ăn cướp, giết người. Đêm nào thường cũng có một hai người chết rét, nhưng trại giam vẫn mỗi ngày nhận thêm nhân viên mới từ các miền gửi tới. Tôi thích nói truyện với linh mục Daniel và linh Onuphre. Một hôm trại sinh đi làm đường, ông cựu bộ-trưởng và tôi đun một xe bò đầy đá giãm. Nhọc quá, chúng tôi ngồi nghỉ. Họ cũng nghỉ từ lâu quanh chúng tôi. "Lão trung úy đến đây". Một người nói, tất cả đều gặng đứng lên làm đường. Tôi kéo cụ già bộ trưởng đứng lên (cụ đã ngoài bảy chục rồi), nhưng cụ không

đứng lên được, lại còn nằm lăn ra. Anh em chung quanh chạy lại nâng lên, nhưng bỏ tay ra, cụ lại xỉu xuống như một tấm áo Lão trung úy đến, quát, chửi thề, mũi giày sắt của lão đá ông cụ năm sáu cái liền. Ông cụ vẫn không nhúc nhích. Lão Luca giằng lấy chiếc xẻng trong tay một trại sinh, bỏ lia lia lên đầu ông cụ. Ông cụ la hét càng to, lão trung úy càng chửi thề lớn. Tôi nhảy vào ôm lấy ông cụ, đỡ đòn cho cụ. Lão Luca phang cho tôi hai cái, một vào lưng làm tôi quần người đi, và cái thứ hai hấn bổ vào đầu tôi. Tôi thấy lòe, rồi tôi ngất đi. Lúc sau tỉnh dậy tôi thấy mình đang ngồi trên xe cút kít, do hai tên lính đùn về nhà tù. Chiều đó anh em trại giam đi chôn ông cụ già. Tôi đau nhức. Nhưng tôi gắng không chịu thua, không chịu để hận-thù chi-phối tư-tưởng tôi. Không nên để mình bị lôi cuốn vào biện chứng của thương-ghét. Phải thương mọi người. Thương trung úy Luca không phải một giây, nhưng thương luôn. Đầy hồn tôi tiến lên, nhưng nó li ra như chiếc xe chết máy. Dầu sao tôi dần dần "thông cảm" với Luca, hiểu rằng anh không được giáo-dục, không có tình-thương đời anh. Khi thấy khó thương Luca quá, tôi tạm quên anh để nhớ đến những người đáng yêu như linh-mục Onuphre và bác-sĩ Popp cùng bị giam với tôi trong trại. Và lúc sau tôi đã thấy dễ có thể thương trung-úy Luca hơn.

Sau mấy tháng tôi bị chuyển sang một trại cơ-cực hơn, tù nhân chết mỗi đêm nhiều hơn. Tôi cảm chắc sẽ bỏ xác nơi đây. Sức tôi đã giảm sút trông thấy. Nhưng tôi hy vọng sẽ kinh nghiệm một cái gì huyền-nhiệm hơn. Chẳng lẽ vũ-trụ chỉ có cái bộ mặt mà loài người vẫn thấy từ trước đến nay. Tôi nghĩ ta mới nhìn phía má trái của vũ-trụ, và ta "nghĩ"

phía mặt của nó cũng thế. Chỉ có nguyện cầu mới cho ta thấy chân tướng vũ-trụ (trg 388). Tôi vừa bắt đầu làm quen với mấy người trong trại mới này, trong đó có mấy tay «bự» của Trung-ương Đảng-bộ xưa kia, thì bỗng một hôm tôi được sĩ-quan giám-đốc trại đưa cho tờ chứng-thư: «Anh bị giam oan. Thôi, xong rồi, anh được về gia-đình tự-do». Tôi nhớ đồng chí Bussuic đang bị giam với tôi ở đây. Ảnh luôn thóa mạ thế-giới, thóa mạ nhân-loại. Một hôm ảnh tỏ ra vui vẻ với tôi và hỏi tại sao tôi khổ như thân con chó mà vẫn vui tươi. Tôi nói cho ảnh nghe bí-quyết của tôi: yêu thương. Thù oán không giải quyết được gì, yêu thương giải quyết được tất cả. Ảnh chửi thề một hồi. Đó là tất cả phản-ứng của ảnh. Nhưng mấy lần sau, chúng tôi cũng nói chuyện ấy với nhau, và Bussuic không chửi thề nữa. «Mùa xuân năm ấy, chúng tôi chia tay, vì ảnh phải dời sang một trại khác. Ngay quăng ấy, ảnh luôn bình thản, vui tươi, cũng chứa chan hy-vọng và tình-thương như tôi» (trg 392).

Về đến Bucarest, tôi đi ngay tới nhà. Sabina không còn đó. Nhà chúng tôi nay có chủ khác. Hỏi thăm, tôi biết Sabina đã xin ly-dị với tôi, và hiện nàng bán vé số kiến-thiết ở bàn giấy xã-hội. Chúng tôi mừng rỡ gặp lại nhau. Nàng tưởng nàng mơ. Nàng hỏi tôi có giận vì nàng xin ly-dị không. Tôi biết nàng làm thế để tạm yên thân lo cho đứa con nhỏ của chúng tôi. Tôi đã nói nhiều, nhất là nói cho nàng nghe bí-quyết tình-thương của tôi, ý nghĩa của huyền-nhiệm vũ-trụ mà tôi đã khám phá được trong lao-tù và cực hình. Nàng khoái-chí và rung-cảm khi nghe tôi. «Sao bây giờ anh

mới nói cho em nghe lý-tưởng đó của anh. Anh về đã hai ba tháng nay rồi... — Vì bây giờ em mới cần biết điều đó để có nghị-lực. — Em không còn nghị-lực gì hết. Em chỉ muốn yên thân lo cho con chúng ta, rồi già, rồi chết yên hàn. — Anh vừa cho em biết phương-pháp để có nghị-lực. — Khó quá anh ạ. Nhưng anh cứ làm đi. Em sẽ luôn ở bên cạnh anh để giúp anh. Mà anh cũng phải nói cho người khác nghe biết bí quyết này, như anh đã cho em biết chứ! — Có, anh vẫn làm» (trg 398).

Một trong những người tôi đàm luận đầu tiên về bí-quyết yêu-thương là anh Erasme của tôi. Anh vẫn là một nhân viên cao cấp Trung-ương đảng-bộ. Nhà anh là một biệt-thự cạnh hồ lớn và viên-lộ Bonaparte. Chúng tôi nói chuyện từ 8 giờ tối đến 4 giờ sáng trong thư-phòng lộng lẫy, ngập những sách Mác-Lê của Erasme. Anh cho tôi là bị bệnh thần-kinh. Anh chỉ tin vào chủ-nghĩa cộng-sản: đối với anh, đó là giải pháp duy nhất cứu vãn nhân-loại khỏi oán-thù và đau-khổ. Tôi nói cộng-sản đã chẳng giải quyết gì hết, đau khổ và oán thù tràn lan và bao bọc dân chúng Lỗ từ khi đảng lên cầm quyền. Sau cùng Erasme không phản đối, nhưng anh cho điều tôi nói là viển-vông. Khi đưa chân tôi ra cổng, trời ửng sáng dưới sương mù, anh nói: «Chú đòi tôi phải yêu thương. Như thế cũng vô lý như đòi phải tin. Chú không đòi tôi cưỡng lại lý trí, nhưng phải lấn át quả tim. Nhưng tôi không thể yêu tha-nhân. Tôi ghét. — Nhưng ghét, thì anh bị trừng phạt. Và vũ trụ đã trừng phạt anh rồi. — Còn chú? — Tôi được an vui trong tình thương. — Nhưng chú nghĩ phải nguyện-cầu ai?

thừa thốt với ai? — Nếu anh muốn, anh cứ nói bằng «biểu ngữ» như người ta làm trong các cuộc hội thảo! Nhưng anh đây khác. Anh cứ nói với Ngài như nói với một người, mặc dầu anh chưa biết Ngài là một hữu-thể, một toàn-thể, hay một ngã-vị. Ngài đau khổ khi anh đau khổ. Ngài tự ghét mình, khi anh ghét Ngài và tự ghét mình anh. Ngài yêu thương anh, khi anh yêu Ngài. Đây không phải «câu đố của Pascal», vì không phải cuộc đời sau, nhưng là đời này. — Khó quá! — Cũng không khó lắm đâu anh ạ. — Thôi, chú cầu nguyện cho tôi nhé» (trg 412). Và anh quay vào nhà. Tôi bước đi trên đường phố vắng tanh, ướt sương mai. Tôi không thất vọng về Erasme. Anh đã xiêu lòng.

Tôi còn thuyết phục Christian. Cậu em của tôi chỉ xua tay, bảo rằng tôi điên. Và nó giải-nghĩa-hiện tượng trong tù của tôi là chứng-bệnh. Nhưng Christian đã trầm ngâm khi tôi bảo nó: «Chúng điên bao giờ cũng làm cho ta xa lạ và ghét tha-nhân. Lời nguyện-cầu đưa ta lại gần gũi nhau và yêu-thương vũ-trụ. Chúng điên làm người ta trưởng-già, hách dịch và cô đơn. Lời nguyện cầu làm người ta sống bình dân, hòa hợp nhau hơn cả đôi uyên ương, vì tình yêu trai gái vẫn phần nào ích kỷ, làm hai người sống biệt xa vũ-trụ» (trg 418). Christian không có vẻ muốn tin tôi. Nhưng mấy bạn cũ khác của tôi, như Arthur Zodie, Prospero Dobre đã thực tình cùng tôi đàm đạo về ý nghĩa của vũ-trụ, và họ dần dần khám phá ra rằng: phải đi tới chỗ mang yêu thương vào trong cái vũ-trụ đầy oán thù này. Tóm lại «đã có giai đoạn của sự khám phá bí quyết trong ngục tối, và nay là giai đoạn truyền thông

cho người khác. Và giai đoạn cuối cùng là giai-đoạn đưa tôi đến ngày hôm nay» (trg 437). Ngày hôm nay là ngày tôi bị Đảng điều tra về ý-thức-hệ Nay mai tôi có thể bị giam và tra tấn, không phải vì «phá hoại» như lần trước, nhưng vì đã dám hoài nghi sức vạn-năng của chủ nghĩa cộng sản. Cũng chỉ vì tôi đã gặp lại Léopold. Tôi đã ngần ngại lắm, vì biết tâm địa không cao thượng gì của Léopold, nhưng thấy phải yêu thương mọi người. Tôi nói với anh về những hoài nghi của tôi đối với thuyết Cộng-sản và bí quyết yêu-thương tôi đã khám phá khi ở trong tù. Léopold chỉ mỉm cười mỉa mai. Sau khi gặp Léopold, tôi vô cùng lo ngại cho số phận Sabina và đứa bé: chúng tôi ít gặp nhau, và sau cùng làm bộ ly dị nhau để nàng về sống dưới tỉnh. Thỉnh thoảng tôi về thăm nàng trong những chuyến xe đêm.

oOo

Đến đây, tác giả cuốn «Ẩn danh» lại ngắt bản tự thuật của Sébastien để dẫn chúng ta vào những diễn-biến tại Trung-ương Đảng-bộ Bucarest. Tác-giả (đừng quên tác giả là một nhân viên cao cấp của Trung-ương Đảng bộ) được cô thư ký cho biết đồng chí Nuzelus xin vào nằm tại bệnh-viện đêm qua. Không tin, tác-giả gọi điện-thoại hỏi Arthur Zodie và được trả lời: «Đúng, và hẳn mắc một bệnh không có trong bảng-kê y-học.» Đến bệnh viện, tác-giả lại biết thêm: Erasme cũng vào nằm điều trị đó từ một hôm. Vợ Erasme bảo mọi người là chồng nàng bị ung-thư, nhưng không ai tin hết. Họ chỉ cười thăm. Erasme luôn lăm lét nhìn mọi người, đôi mắt trắng dã như người điên. Nhè lúc vắng người, một lúc sau, tác-giả lại ghé thăm Erasme, ngồi sát

giường : "Đồng chí Erasme, chúng tôi còn cần đồng chí lắm. - Đời này, chẳng đũa nào là cần thiết hết. Đồng chí đã toan tự tử bao giờ chưa? Tôi nghĩ tự tử cũng chẳng giải quyết được gì hết. Sống với chết cũng thế thôi. Ở nghĩa địa, vẫn phải nằm chung, cạnh nhau, vẫn cộng-sản, và vẫn họp tiêu-tồ ở dưới âm phủ" (trg 441). Lúc sau, Christian vào ngồi cạnh tôi, sát giường Erasme. Christian nói: "Anh đừng buồn làm gì. Sébastien luôn nguyện cầu cho chúng ta. Rồi câu truyện sẽ xếp xong".

Giữa các đồng-chí tổ kỹ nghệ, mấy hôm nay thường có truyện xì xạo. Sau hai cuộc binh-nghị của Morcovici và của Malvolio, hình như Nitzelus mất ăn mất ngủ. Nhưng một con người Cộng-sản, « có gang thép », không dễ bị bệnh. Các đồng chí xì xạo với nhau: bệnh chính trị. Rê Paraschiv lùi một bước đó. Họ còn lùi thêm một bước nữa, khi người ta thấy ba má Sébastien, Sabina và con nhỏ được thả ra (họ đã bị giam mấy tuần qua). Xem ra hai phe muốn nhân nhượng nhau. Họ không chịu nghe bị quyết yêu thương của Sébastien, nhưng họ cũng miễn cưỡng phải thu xếp ổn thỏa với nhau.

oOo

Trở lại bản tự thuật, thiên XX. IX, thiên chót :

"Phép lạ là gì, nếu không phải là những biến-ố ta trực tiếp gán cho Thượng-đế? Nếu chúng ta đủ ý thức, bất cứ biến cố nào ở đời cũng là một phép lạ cho ta. Với những tâm hồn ngay thẳng, mọi biến cố ở đời đều là dấu hiệu của Thượng-đế. Những dấu hiệu lợi khẩu.

Một hôm tôi ngồi ở công viên. Mấy cụ già ngồi cạnh đó nói truyện với nhau về một tù nhân: ông là kỹ-sư, và khi ông chết, người ta mới biết ông mang áo nhảm. Khi còn sống, ông vẫn bảo mỗi người phải hăm-xác để đền những tội ác của nhân loại. Ông còn hay nói: "Thượng đế ở khắp cả. Ta phải cảm tạ Ngài về những ân huệ Ngài ban cho nhân-loại. Phải xin Ngài giúp thần lực cho ta thi hành việc thiện và tránh đừng khi nào làm anh em mình đau khổ" (trg 451).

Cũng trong kỳ này, tôi gặp lại Prospero Dobre tại nhà tôi. "Anh ở nhà một mình hả? — Tôi không bao giờ ở một mình, tôi trả lời. — Tôi không phải là thánh, nhưng tôi sẵn sàng nghe theo những điều anh nói với tôi đạo nọ. Tôi muốn yêu-thương mọi người và sống trong tình thương đối với mọi người (Rồi anh nói vào tai tôi) Tôi tính chuẩn đây. Ở lại đây vô ích quá. Có lúc tôi tưởng mình sống trong thứ văn-minh trước năm một ngàn. Ngồi nghe các đồng-chí thảo-luận về xã-hội tương lai, mình có cảm tưởng như nghe mấy ông thần học cãi nhau có thiên-thần cái, thiên-thần đực không (trg 453). Sau mấy tháng Prospero được xuất ngoại trong một phái đoàn khoa-học. Lỗ Và anh không bao giờ trở về quê hương.

Phần tôi vẫn thỉnh thoảng về thăm Sabina. Một hôm trời đã khuya, nghe có tiếng gõ cửa. Sabina ra xem. Nằm trong giường, tôi nghe có tiếng đàn bà nói: "Tôi đến gọi đồng chí đi họp buổi chiều mai. Tôi không đi nữa. (Thiếu phụ nghẹn ngào: ) Em là vợ

đồng chí Bussuic. Chúng nó vừa bắt giam anh. Từ hồi anh đi đày về, anh rất dễ thương, luôn nói yêu thương mọi người. Anh nói thù oán không tốt và không giải quyết được gì. A h đã chính phục em theo lý-tưởng đó. Những người chung quanh ai cũng coi anh là người bạn quý yêu». (Có tiếng khóc sụt sịt). Im lặng. Lúc sau Sabina trở vào. Nàng hỏi Bussuic là ai. Tôi kể lại lịch Bussuic Mitu cho nàng nghe. Bussuic là một trong những người có công đầu và công lớn đối với Đảng Cộng sản Lỗ. Anh đã tham gia cướp chính quyền. Sau đó anh được đề cử làm Đô trưởng Bucarest. Rồi chính tôi đã bị cưỡng bách thi hành lệnh bắt giam anh. Khi bị đày sang miền Hắc-Hải, tôi đã gặp lại anh và thuyết phục anh về bị quyết yêu thương của tôi để giải quyết những vấn đề xã-hội, Nghe đến đây, nàng xúc động, hiểu Bussuic là người đã thực hành lý-tưởng tôi truyền thống cho anh. Nàng ghen ngào kể lại cho tôi câu nói cuối cùng của vợ Bussuic vừa thì thầm với nàng "Chúng tra tấn anh. Anh là người hùng mạnh, thừa sức vóc, vậy mà anh đã trả lời họ khiêm tốn, dịu dàng. Chúng làm chết anh trong tù. Nhưng anh không coi sao. Anh có Trời ở với anh. Anh ở với Trời luôn. Em cũng vậy. Và chúng chẳng làm gì được em» (trg 457). Và nàng bảo tôi phải thông truyền lý-tưởng nhân-đạo đó cho nhiều người đi. «Công việc anh phải làm, anh cứ can đảm mà làm».

Sau mấy tháng, tôi lại bị bắt để điều tra. Lần này chính thiếu tá Irod, chuyên viên phòng điều tra của Trung-Ương Đảng bộ lãnh việc. Cũng cái trò cũ: người ta cho một công-nhân, tên Martin

Purdel, uống say, rồi còn đánh đập cho hẳn hoảng hốt, bắt tố cáo tôi. Bắt đầu hẳn tố tôi đồng tình để hẳn ăn cắp vật dụng trong kho Nhà Nước. Rồi hẳn tố cáo tôi giảng những lý-thuyết tôn-giáo kỳ lạ. Trước mặt những kẻ hăm dọa hẳn và tôi, tôi đã xin lỗi hẳn, làm hẳn bối rối và tình ngộ. Hẳn lè nhè van lơn: «Anh có lỗi gì mà phải xin tôi. Tôi phải xin lỗi anh». Và tôi biết chiều đó anh thất cỡ tự tử vì quá hối hận. Lúc đó tôi chưa bị gì mà hẳn, tôi đã đi thăm anh và tha thứ cho anh. Chúng tôi càng thương nhau hơn.

Tôi đau khổ trên thân xác và trong tâm hồn. Nhiều lúc tôi lại muốn bỏ trôi xuôi. Tôi có thể đề mặc kệ cho tam-thức dần dần tan rã để thành người điên. Điên sẽ là luồng gió nhẹ dẫn dắt làm tôi thấy vũ trụ vạn vật trở nên huyền-ảo, mờ mờ, mềm và lỏng, không thật nữa. Và con người tôi có thể tan hòa trong mây khói vật vờ của giấc mộng người điên...

Tôi thấy tất cả những giải pháp đó, điên và tự tử, không giải quyết được vấn đề đau khổ. Và tôi lại cảm thấy tiếng nói của Ngài trong tôi. Tôi thu hết tàn lực để thẳng sức nặng trệ đang lôi tôi xuống vực ích kỷ. Cái gì khó nhất? Khó nhất là yêu đời trong lúc này, lúc mà đời hành hạ đánh đập mình và những người thân yêu của mình. Khó nhất là chú: phúc cho Đảng, cho cái thế giới sinh hoạt của Đảng cùng với những công-an và hoi-thảo. Khó nhất là tha thứ và yêu thương họ. Mà tôi phải tha thứ, yêu thương họ, chúc phúc cho họ, vì họ cũng là một bộ mặt của Trời, bộ mặt buồn thảm và ghê sợ.

Cái khó nhất là giữ cho tình thương đừng tắt đi trong tôi. Đừng lao đầu vào đoàn toa xe lửa, đầu là để giải-thoát cho người khác khỏi liên-lụy về mình. Ánh sáng của Thượng-đế, tình thương của Ngài len lỏi vào ngay giữa cơn buồn nản và cơn hung-giận của ta, cũng như nụ cười nhẹ nhàng trên nét mặt thường xóa nhòa những nét cau có.

Cái gì khó nhất? Cái khó nhất là đừng ước mong cho đời hoặc cho tình-trạng của tôi thay đổi, nhưng làm cho nó đổi bằng cách thành tâm đặt tất cả định-mệnh của tôi, số phận những người thân yêu và số phận cả thế-giới trong bàn tay của Thượng-đế. Tôi ép tình Thượng đế nghe tôi, khi tôi thành tâm vâng ý Ngài. Vâng, xin vâng như thế, nếu Ngài muốn như vậy, Tôi sẽ chúc tụng Ngài. Lạy Ngài, tôi là của Ngài. Làm gì, tôi cũng chỉ làm vì mến yêu Ngài. Dầu sự gì xảy đến, cũng đều do hành động của Ngài. Cảm tạ Ngài, vì tất cả những gì may lành và rủi ro đã xảy đến cho tôi. Tôi chúc tụng Ngài vì những cái Ngài đã làm và sẽ làm cho tôi. Tôi thương Ngài lắm, và tôi tha thứ cho Ngài vì sự độc ác và nỗi đau thương của Ngài ở trong tôi và ở trong những người khác. Lạy Ngài, tôi yêu mến Ngài. Tôi là của Ngài. Không còn tôi nữa, chỉ còn Ngài. Chiến thắng của tôi là của Ngài vì tôi hiến dâng Ngài và chính vì chiến thắng của Ngài ở trong tim tôi. Lạy Thượng đế, xin chúc tụng Ngài, Ngài là tình thương của tôi, hạnh phúc của tôi, đau khổ của tôi, tình thương của của vũ trụ, đau khổ của vũ trụ, hạnh phúc của vũ trụ. Xin chúc tụng Ngài, lạy Ngài. (trg 463).

Trên đây là những trang cuối cùng bản tự thuật. Tác giả cuốn "Ăn danh"

chỉ còn việc kết thúc cuốn tiểu thuyết của ông bằng chương 13, phần kể truyện. Hôm ấy trời nắng sớm. Hai vợ chồng tác giả đã sửa soạn xong hành-lý. Chiếc xe của Nhà nước chờ dưới sân rồi. Khi xe đi qua trước toà thị-chính, tác-giả thấy cờ Lỗ và cờ các nước bạn bay rợp, từng đoàn dân chúng đang hô những khẩu hiệu, chen nhau đi về phía có mét-tinh. Nhạc trông thấy mấy người quen, hai vợ chồng xuống chào tạm biệt. Christian cho biết hình như Sébastien đã được thả rồi. Bắt tay lia lịa mấy người, rồi rúc lên xe như đi trốn. Giữa lúc ấy Léopold chạy lại bắt tay và cũng nói về Sébastien: theo ảnh thì Sébastien có lẽ chưa được thả. Chiếc xe chở hai vợ chồng lại rồ máy chạy ra phi trường giữa một làn mây bụi.

oOo

Cảm nghĩ của tôi khi đọc cuốn "Ăn danh"? Thật là khoái. Tôi đã đọc đi đọc lại ba lần. Hai lần cách đây hơn ba năm, và lần thứ ba trong mấy tuần qua. Cảm nghĩ đầu tiên của tôi là Dumitriu xứng đáng với những lời ca tụng của giới văn học Tây Phương. Và càng đọc, tôi càng thấy ông ở vào truyền thống những tiểu-thuyết gia như Dostoievsky, Balzac, Faulkner, những người đã đau khổ vì nhân-tình thế-thái và đã dùng ngòi bút vẽ nên những bức tranh xã-hội kỳ-quái, hung tợn, với những nét đậm như máu tươi. Sébastien đã hăng say đi tìm lý-tưởng, tìm trong sạch, tìm lương thiện và hạnh phúc ở tất cả những nẻo đường mà anh nghe thấy tiếng gọi. Anh đã đặt rất nhiều tin-tưởng vào chủ-nghĩa và xã-hội cộng-sản. Anh đã hy-sinh tất cả cho xã-hội đó. Nhưng chính ở đây anh đã gạt

hái nhều ~~thất~~ <sup>đ</sup>ong chua cay nhất. Phải chăng chính tác giả, một văn-hào cộng-sản Lỗ, đã gửi nơi nhân vật Sébastien tất cả những mộng đẹp, rồi những thất vọng chán chường của ông đối với xã-hội cộng-sản? Sébastien đã kinh nghiệm rằng oán thù và giai cấp đấu tranh không giải-quyết được vấn-đề xã-hội. Chỉ yêu thương, yêu thương và tha thứ mới là con đường sống của xã-hội loài người.

Về nội-dung, cuốn Ấn-danh đã đặt những vấn đề siêu-hình về ý nghĩa cuộc đời, ý nghĩa vũ-trụ, vấn đề Thượng-đế. Dostoievsky đã luôn đặt những vấn đề ấy trong các tiểu thuyết của ông. Chẳng hạn nhân vật Ivan Karamazov luôn nói: « Nếu thật có Thượng đế, thì chết bỏ mẹ tao rồi ». Hoặc những câu khác nhau: « Tôi không phủ nhận Thượng-đế, nhưng phủ nhận cái vũ-trụ mà Ngài đã sáng tạo đây. Cái vũ trụ này kỳ quá, tôi không thể nào chấp nhận được » (*Les frères Karamazov*, nhà xuất bản F. Hazan, Paris 19 8, trg 306). Nhân vật Christian trong cuốn Ấn-danh cũng một giọng như thế và cũng những suy nghĩ như thế: « Nếu có Thượng đế, thì bỏ tiên-sư rồi » (*Incognito*, trg 344). Và cả hai cùng tượng-trưng cho tinh thần chống đối và óc vô-thần. Hai văn-hào, Dostoievsky và Dumitriu, mỗi người đã sống trong một xã-hội khác nhau, văn hào Nga sống trong xã-hội phong-kiến của đế-quốc Nga cuối thế-kỷ 19, Dumitriu sống trong xã-hội cộng sản giữa thế kỷ 20. Dumitriu đã đặt vấn đề xã-hội, vấn đề ý nghĩa con người và vấn đề Thượng-đế một cách mới mẻ, đúng như một con người thẩm nhuần thuyết cộng-sản có thể làm. Thượng đế của ông

không rõ mặt là một ngã-vị, một toàn thể vô ngã, hay một huyền-nhiệm. Giá trị của ông là đã đặt vấn đề đó trong tương quan với ý nghĩa đời sống con người.

Về hình thức, cũng khá nhiều nét vô tình hai văn hào đó rất giống nhau. Dumitriu nói mình ghi lại những « mảnh đời của mấy nhân vật đã tự thuật đời họ và trao cho ông » (đầu cuốn *Incognito*). Đầu cuốn « *Anh em Karamazov* », Dostoievsky viết: « Viết lại đây bản tự thuật của Alexis Karamazov, tôi cảm thấy lúng túng ». Hai ông cũng giống nhau ở truyền thống Đông-Âu, thích kể lại lịch cha ông của nhân vật chính, hình như huyết-nhục tổ tiên có chuyên chở những mầm tội-ác vào trong cái thân của con cháu. Hai cuốn tiểu-thuyết còn giống nhau ở chỗ vị anh-hùng luôn cùng xuất hiện với mấy anh em ruột. Rồi trong truyện mấy anh em Karamazov có bóng vị tu-sĩ chính thống Zossima, thì trong truyện mấy anh em Inesco của Sébastien cũng có bóng tu-sĩ Onuphre, tu sĩ Daniel. Nhưng nhìn sâu vào những động cơ làm chuyển tiến những biến cố, người ta chứng kiến hai thế giới khác hẳn nhau: nơi truyện « những anh em Karamazov », hai động lực thúc đẩy con người hành động là ái tình nhục-dục, ái tình thô bạo và tiền tài để thi hành những ý-định dục-tình. Nơi cuốn « Ấn danh », tiền tài hoàn toàn vắng bóng, ái tình cũng ở thế mà nơi trang đầu cuốn tự-thuật, Sébastien gọi là « những hình-thái âm-ý của dục-ước ». Đọc đi đọc lại, người ta thấy rõ thế giới bàng bạc của Sébastien thời niên-thiếu một thế-giới say nhựa sống, một nhân sinh-quan rất mực sinh-lý, thần ni iên không tội không

phúc. Khi chính-thể cộng-sản được thiết lập, những nhu cầu sinh lý kia bị chìm vào trong, để thỉnh thoảng bột phát (như cảnh thăm vụng của Sébastien với cô y-tá Silvia khi anh nằm điều trị ở quân y viện, và nhất là sau khi các đồng chí vừa chiếm được chính quyền ở Bucarest. Các đồng chí khác cũng có em nhỏ, và họ lần lượt diu nhau vào làm ái-tình trong một căn phòng kín đáo ở cư-xá sinh viên, trg 264 ). Sự âm ý của sinh-lý kia cũng bộc lộ ra, một cách chính thức, qua những thủ hãn và tranh đấu: đó không là những hình thái của bạo dâm ư? Con người tài ác là con người thiếu tình yêu đau khổ vì thiếu tình yêu. Và Sébastien đi khám phá ra tình yêu như khám phá ra bí quyết giải quyết

mọi hận thù xã-hội. Và đây không còn là thứ tình yêu nhục-dục (tình yêu trai gái thường ích kỷ và ly gián hai người ra khỏi vũ trụ, Sébastien đã trả lời Christian thế). Đây là thứ tình yêu nhân-loại, tình yêu có căn bản rất sâu nơi thái-độ đầy tha-thứ và yêu thương của mỗi người chúng ta đối với tha-nhân và vũ-trụ. Sébastien thấy rằng từ trước đến nay con người chỉ quen nhìn vũ trụ bằng phía má trái, và tưởng phía má mặt của vũ-trụ vạ vật cũng thế, toàn là nghi kỵ và tranh dành, ghen ghét và oán thù. Cần phải đổi cái nhìn, phải gắng nhìn thực sự phía kia của hiện-hữu: phía yêu thương và tha thứ.

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẪM TẠI THỤY-SƠN

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Téléphone : 20.851 — SAIGON



10

NẾP SỐNG NƯỚC NGƯỜI

BÙI - HỒNG - CẨM

## Thư Tân - Tây - Lan

Em....

Em còn nhớ ngày nào năm năm về trước, anh 18 tuổi bỏ ngõ ra sân bay ? Con người anh nhỏ lại trước chiếc phi cơ khổng lồ ; Anh biết kiến thức anh cũng nhỏ hẹp như cuộc đời anh ở Saigòn đối với thế giới bao la bên ngoài mà chuyến đi này lần đầu tiên cho anh tiếp xúc.

Anh ra đi tràn đầy ước nguyện. Tâm hồn anh như miếng đất phì nhiêu chờ bất cứ hạt giống nào tràn đầy nhựa sống. Anh đi, khi về sẽ không còn là anh nữa, nhưng, những mộng mà chúng ta mơ thực hiện cho quê hương vẫn ở mãi với anh, vẫn là bàn tay vô hình hướng anh đi trong rừng kiến-thức ; Anh muốn tìm đường đi ngẫu nhất.

Khi còn ở Saigòn, còn ba mẹ gia đình và em nữa, Anh thấy cuộc đời đầy đủ trong no trong đói. Cuộc sống Saigon nhộn nhịp, việc ít người nhiều ; cuộc sống con người như con ong cái kiến anh vẫn có thời giờ ngâm thơ Tân-Đà và nhả lá đến thăm em Sang đây, anh tị h từng giờ, canh sợ phí từng phút vì thời gian thì ngắn mà kiến thức trào giang thì nhiều. Đôi khi anh không cho phép a h ngồi nhớ em nữa.

Cái hăng say ban đầu qua đi. Cuộc sống hàng ngày cấp sách đến trường lắng tai nghe giáo sư giảng câu được câu chăng, lạ lùng với mọi sự mọi vật và không một liên lạc tự nhiên với con người, làm anh thấy cô đơn — cái cô đơn của kẻ bơ vơ trong đám đông người không nói cùng thứ tiếng. Những lá thư của em là cây cầu nối giữa anh và quê hương, vì đồng thời là mả thuận gó hoa cho cây bắt rễ vào lòng đất mới.

Những lá thư thưa dần trong khi anh thấy gần hơn với nếp sống mới, với những bộ mặt mới. Anh không còn bơ vơ, anh viết thư này cảm ơn em.

Em còn nhớ anh thường thắc mắc và chính em đã hỏi anh : « Có sự gì khác biệt giữa người và ta đến nỗi quê hương mình mãi mãi trong lầm than khói lửa, trong nghèo nàn, đói, lụt, trong lúc người đã tiến vượt bậc ; người ta sống cuộc sống mà ta chỉ dám mong thực hiện trong mơ ? Anh không biết nên không dám trả lời em khi chúng ta còn trao đổi thư từ nhưng lần này anh sẽ trả món nợ ấy cho em.

Em vẫn bảo anh không biết viết thư. Anh thú thực mới viết cho em là người thứ nhất. Thư anh thường không có mở đầu và kết luận, anh ghi lại những cảm nghĩ khi viết cho em. Nhưng lần này anh sẽ viết như một bài luận để chứng tỏ rằng anh cũng làm được như thế.

Lời tiên đoán của em . « Rồi một ngày kia thời gian sẽ nối liền tâm hồn anh với tâm hồn dân bản xứ. Những cá h biệt ngày nay sẽ bị rơi vào quên lãng khi hồn mình cảm thông được với người. Chỉ khi mình cảm thông được với người, mình mới có thể hiểu được người mà xét đoán. Anh sẽ kể cho em nhưng gì anh mắt thấy tai nghe trong khoản 5 năm vừa qua nhưng anh chỉ e rằng anh đã ở đây khá lâu nên cảm xúc không còn bén nhạy nữa chăng ! ?

Từ phi trường đến quán trọ anh không khỏi ngạc nhiên thấy những «villa» với vườn hoa bao bọc, ở hai bên đường. Sau này anh được biết người Tân Tây-Lan cũng như tổ tiên họ ở quần đảo Anh, thích thảo mộc. Vườn hoa quanh nhà là cái hãnh diện của các bà nội trợ và là một môi trường sáng tạo của họ Dân Tân-Tây-Lan thích trang hoàng nhà cửa, cả g những bên trong mà cả bên ngoài nữa.

Hầu hết dân chúng theo Ky-tô giáo, phái Tin-lành hay Thệ-phản. Một số nhỏ theo công-giáo khi còn bé, họ đi học những lớp giảng kinh ngày Chúa nhật, lớn lên phần lớn lớp trẻ vẫn thắc mắc về tín ngưỡng của mình nên họ luôn luôn bàn đến vấn đề tôn-giáo.

Người Tân Tây Lan trong khi ý thức được sự trẻ trung của quốc gia mình, luôn luôn hãnh diện về những tiến bộ họ đã đạt. được với số dân chưa quá hai triệu rưỡi, trên hai hòn đảo trong Thái Bình Dương, xa cách nền văn minh lục địa.

Người thanh niên Tân Tây-Lan tin rằng nước họ là một nước tiến bộ nhất trên thế giới, họ thích so sánh họ với người và hãnh diện đóng vai trò người chủ rộng lượng và niềm nở với du khách. Kể ra cái hãnh diện của họ rất có lý vì Tân-Tây-Lan có một mức sống cao nhất nhì trên thế giới, không ai quá giàu mà chẳng ai quá nghèo. Một người thợ dù là thợ không tinh nghề, nếu làm ăn cần cù, vẫn có thể có được một chiếc nhà ba gian với một mảnh vườn nhỏ, xe hơi, máy lạnh v.v.

Tân Tây Lan không mơ đến những bà tiên đem đến cho các em qua cha mẹ, qua giao tiếp xã hội và học đường, rằng hay buồn, nằm trong tay các em. Anh đã gặp rất nhiều đã định nghề các em sẽ chọn, tìm hiểu về vai trò của em Tân Tây-Lan không có sự phân biệt giá trị giữa kẻ làm việc chân hãnh diện về khả năng nghề nghiệp hầu như ai cũng

em hạnh phúc. cuộc sống xấu h em nhỏ, tám, m trong tương lai. tay kẻ bằng cấp

có. Giá trị cá nhân đối với họ nằm ở nhân cách chứ không ở địa vị. Cái việc một cô gái đậu cao-học văn khoa (M. A.) lấy một anh bán vé xe lửa là một truyện thông thường và Tân-Tây-Lan là một quốc gia có công vụ xã hội (Social welfare) ở trình độ cao nhất đạt được hiện thời trên thế giới, ngoài Thụy Điển.

Anh có nói ở trên rằng nhân cách là thước đo giá trị con người, chứ không phải địa vị tiền tài. Việc làm để kiếm ăn chỉ là một phần của cuộc sống. — cuộc sống chính là cuộc sống xã hội, những hoạt động trong những hội clubs. Các ông ngoài các hội thể thao ra có Thanh thương hội, Lion's club, hội bàn tròn (Round table) v.v. Các bà nhập các hội tôn giáo, Pax pacifice, Victoria league hội Liên hiệp quốc v.v.. Mục đích của các hội là sự trao đổi tư-tưởng, làm việc công ích, học hỏi lẫn nhau và bàn về sự việc xảy ra quanh họ. Giá trị giáo dục của các hội trên trong thái độ sống không phải là nhỏ. Chính vì người dân trực tiếp lo về những vấn đề chung, hiểu biết về sự việc xảy ra trong xã hội mà truyền thống dân-chủ mỗi lúc một ăn sâu vào cuộc sống người Tân-Tây-Lan.

Em còn nhớ khi còn bên em, trong Sài-Thành oi bức, anh thường rất ghét những người ngoại quốc? Dưới mắt anh thời đó họ là thực dân, biểu hiệu cho những ý-hướng xấu xa những tâm hồn sa đọa. Trước họ, anh có một mặc cảm tự ti, khó chịu. Có lẽ bẩm sinh con người dễ có cảm tình với người khi biết họ đã sống trong khó khăn cực nhọc, nên anh thấy dễ chấp thuận họ hơn khi biết rằng cách đây chẳng bao lâu, so với lịch sử loài người, họ cũng khổ như mình. Phần đông người Tân Tây Lan di cư từ quần đảo Anh Cát-Lý trong vòng hai trăm năm trở lại. Họ ra đi vì điều kiện sống khó khăn của một nước Anh trong bước đầu cuộc cách mạng kỹ-nghệ. Song đây họ đã bấn hai hòn đảo hoang vu với núi rừng trùng điệp thành một xứ phong cảnh tuyệt vời với những cánh đồng cỏ xanh bát ngát, những hải cảng tối tân, những thành thị sầm uất. Ở Tân-Tây-Lan không có một mảnh đất có thể cấy mà chưa được khai khẩn. Họ mang gỗ giống từ lục-địa đến trồng thành rừng. Đất cằn cỗi không trồng cây được họ trồng cỏ để nuôi bò, cừu. Hiện giờ số cừu gấp hơn hai mươi lần dân số! Họ đi thẳng thiên nhiên bằng những cố gắng của con người. Anh đã từng gặp những ông già nhìn lại thời tuổi trẻ của mình thềm thường điều kiện sống của đám trẻ hiện tại, trách bọn trẻ không còn biết tôn trọng những đức tính ngày xưa. Mấy ngày nào, không quá ba mươi năm về trước, bao nhiêu người thất nghiệp, bao nhiêu gia đình phải chui rúc trong những căn nhà lụp sụp lợp tôn, và còn điều kiện làm việc nữa! Bây giờ xe hơi, máy lạnh và điện thoại là những cần thiết cần bả ở ngay cả những vùng xa thành thị. Ba mươi năm về trước họ lo từng bữa ăn, ngày nay họ lo đến những kỳ nghỉ hè những chuyến du-lịch trong nước và trên thế-giới!!

Người Tân-Tây-Lan rất thích âm nhạc, hầu như mỗi gia đình anh đã đến thăm có một chiếc dương cầm.

Mỗi thành phố lớn có những ban nhạc hòa tấu — Symphony Orchestra — mà những nhạc sĩ phần đông là tài tử. Ngoài những ban nhạc, kịch hội, người Tân-Tây-

Lan thích leo núi, đi bộ trong rừng — trượt tuyết, bơi lội, chạy thuyền yachting và các môn thể thao thông dụng. Có thể nói không có một chàng trai trẻ nào ở Tân-Tây-Lan mà không chơi một môn thể thao — phần đông chơi hai môn rugby và cricket. Với đám trẻ còn có những giải trí như khiêu vũ, ponty, và lái xe hơi chạy nhanh. Một môn chơi khá phổ thông trong đám thanh niên và sinh viên Đại-học là chơi xe cũ. Xe càng cũ càng hay. Một phần lớn của cái thú chơi xe cũ là ở trong lúc nằm dưới gầm xe để sửa !

Với môi trường sống thuận tiện, sẵn sàng khen thưởng những kẻ có tài, ta không lấy làm lạ khi thấy Tân-Tây-Lan, với dân số hơn hai triệu, đã chiếm nhiều giải thưởng trong các kỳ thi đua quốc tế về thể thao cũng như về nghệ thuật.

Đối với người Tân-Tây-Lan, ngoài việc tin vào lời Chúa dạy, điều quan trọng là sống cho đầy thời gian còn trên trái đất. Sống với họ là hoạt động là làm một cái gì, là sáng tạo. Người thợ làm một việc hoàn hảo, người nghệ sĩ tạo một tác phẩm hay hay chơi một bản nhạc có hồn, một lực sĩ phá kỷ lục, bà nội trợ trang bày căn nhà cho đẹp để ngăn nắp, người chủ nhà cho khách một buổi tối hứng thú. Vui thú là được người khác tán thưởng và chấp nhận mình, hạnh phúc là sự thấy mình có một chỗ đứng trong tâm hồn người thương và sự tự chấp thuận.

Vì tin tưởng vào khả năng con người trong việc hoàn thiện cuộc sống, vì tin rằng xã hội là kết quả của tương quan nhân bản đồng thời là môi trường uốn nắn con người, người Tân Tây Lan hoạch định lối tiến của xã-hội. Trên phương diện cá nhân họ tôn trọng ý tưởng của nhau, trên phương diện quốc gia họ không quan tâm lắm về phán đoán của ngoại quốc. Họ sống cho họ trước đã. Điều quan trọng là mỗi người công dân có dịp sống cuộc đời thoải mái với những yếu tố cần thiết cho cuộc sống được đầy đủ.

Vì dân-trí cao và các hội-quán tạo áp lực, chính quyền chỉ đứng vững được nếu tỏ ra hữu hiệu trong việc nâng cao đời sống dân chúng bằng những phương cách không động chạm đến tự do cá nhân. Chính khách ở đây luôn luôn phải chạy đua với biến chuyển thời cuộc, luôn luôn phải tiến. Lương một vị dân biểu quốc hội ở đây chỉ bằng lương một sinh viên kỹ-sư mới ra trường được 2,3 năm. Lương của Thủ tướng chỉ bằng lương một ông giám-đốc một xí nghiệp hạng trung ! Cái tiềm lực thúc đẩy con người vào chính trị là niềm vinh-dự đã được người dân tín nhiệm và thứ đến là dịp sống một cuộc sống hào hứng đầy thử thách. Lối tổ chức các đảng phái chính trị ở đây đòi hỏi rằng trước khi lên được đến ghế Bộ trưởng, người chính-khách đã làm quen với mọi khía cạnh của hoạt động xã hội ảnh hưởng đến việc làm của mình. Nói tóm lại nguồn gốc của quyền-uy là trách nhiệm mà bản phận đòi hỏi ở người chấp hành.

Anh phải ngừng ở đây đề đề cập đến vấn đề khác, vả lại em cũng chẳng thích gì về vấn đề kỹ thuật trong tổ chức chính trị nên anh chẳng làm mệt óc em. Anh muốn nói một chút về tổ chức Đại học.

Đại học ở đây có hai nhiệm vụ :

1. — Là trung tâm tìm hiểu về đời sống, lịch sử, văn hóa xưa và nay của dân tộc trong khung cảnh văn minh nhân loại.

2. — Trung tâm đào tạo những khả năng chuyên môn để giải quyết vấn đề xã hội, vấn đề đời sống hiện tại, hướng tới tương lai.

Vai trò Đại học Tân-Tây-Lan được tóm tắt như sau trong bài báo cáo của Hội-đồng nghiên cứu về Đại học năm 1962.

« Đại học phải được coi như trung tâm của những tư tưởng độc lập, kho tàng của những nền văn minh trong quá khứ, những trải nghiệm tiên phong — để áp dụng kiến thức mới trong việc giải đáp các vấn đề kinh tế, kỹ-thuật, xã hội vầu hóa... Muốn thế Đại học phải là một xã hội trong chính nó, nhân viên của Đại học (giáo sư và sinh viên) phải cảm thấy như thành phần của một nhóm để tạo một cộng đồng trong đó kiến thức chuyên môn được khai thác mà không trở thành hẹp hòi thiên cận. Kiến thức được nhân bản hóa trong việc giao tiếp hàng ngày trong giảng-đường, trong hội quán, ở nhà ở trại, giữa giáo-sư và sinh viên từ những môn khác nhau, với những tư tưởng và cứu cánh khác biệt ».

Đại học hoàn toàn tự trị về điều hành và quản trị. Chính phủ trợ giúp tài-chánh tùy theo số sinh viên và chương-trình mở mang đòi hỏi bởi sự bành trướng xã hội. Việc đề cử giáo sư, việc thăng chức hay giảm trật là việc riêng của mỗi Đại học. Hội đồng giáo sư và Công Chương lý cùng nhân viên định đoạt mọi hoạt động của Đại học.

Các giảng sư về kinh tế, hành chính đã góp phần không nhỏ vào việc hoạch định kinh-tế quốc gia. Các trường kỹ-sư và phân-khoa khoa-học góp công sức rất nhiều vào việc nâng cao năng-xuất kỹ nghệ. Các phân khoa Thương-mại và các trường Canh-nông tạo những cán bộ nòng cốt cho nền thịnh vượng của Tân-Tây-Lan mà nền kinh tế dựa vào nông nghiệp và khả năng chiếm thị trường cho sản phẩm.

Khác với ta mà Đại-học là cơ quan cao xa, Đại-học Tân-Tây-Lan là một công cụ đưa đến thịnh-vượng xã-hội.

Anh không gặp ai ở đây phàn nàn về cuộc đời phi-lý. Họ quá bận rộn sống, quá bận rộn mở rộng chân trời cuộc sống bằng cách mạo hiểm vào những miền kiến thức mới, đề hiểu thêm về sự sống, hiểu con người để vui sống. Chẳng khác gì kiến thức về nhạc lý và hội họa giúp ta hưởng nhiều hơn về nghệ-thuật biểu-tượng. Chẳng những họ mạo hiểm trong môi trường kiến thức, họ hưởng trong việc thí nghiệm cuộc sống, đo sức mình với thiên nhiên. Họ enjoy. Họ enjoy làm việc, enjoy thể thao và nghệ thuật. Họ không coi những hoạt động văn hóa, coi sự đạt bằng cấp, sự thắng lợi trong cuộc đời như những biểu-tượng cho giá trị cá nhân, như một vinh-hạnh, một cùng đích. Họ làm mọi sự vì trong khi hành động họ thực hiện cuộc đời, họ làm đầy cái « Tôi » trống rỗng, họ « enjoy » !

Anh đã hùng biện, một việc mà chẳng mấy khi anh làm. Tuy nhiên anh thấy anh cần phải nói với em những điều trên vì đó là chìa khóa mở cái ngục tù mà dân tộc Á-Phi đang cố gắng giải thoát.

Ta đã phí một thế kỷ, ta đã bị bỏ rơi khá xa bởi một phần của nhân loại. Họ không khác gì mình, họ nhìn thấy giải đáp cho giải thoát trước mình và mở ngục ngay khi tìm được chìa khóa. Họ đã không do dự chạy ra, họ tự do. Bây giờ là lượt mình!

Anh đã nói nhiều, anh thấy tạm đủ. Nợ với em anh dần trả qua bức thư này, nợ quê hương và thế-hệ tương-lai anh sẽ trả dần trong thời gian còn tại thế.

Christchurch 26-7-66

**BÙI-HỒNG-CẨM**

*Đón đọc:*

### **Tạp - chí TIN VĂN**

do một nhóm trí thức và văn nghệ sĩ chủ trương

Kể từ số 7, Tin Văn sẽ phát hành vào ngày 10 và 25 mỗi tháng.

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

# **DESCOURS & CABAUD**

## **Bảo Hiểm**

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai Nạn

Hỏa Hoạn

Hàng Hải

Linh Tinh

**ĐẠI LÝ CỦA**

**MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS**

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

*Chi Nhánh :* Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane

— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

## ● MỘNG-TRUNG

(Bài đăng BK.TĐ, từ số 215)

# Hôn nhân dị chủng

Lý-do chống-đối hôn nhân dị chủng của cha mẹ.

(Xin xem BK.TĐ, từ số 220)

Bà Đ. vừa thấy tôi liền hỏi ;

— Bà có hỏi giùm cái phòng bà mượn giùm tôi chưa thừa bà? Tôi đau quá leo thang lâu không nổi. Ở ngoại ô tuy yên tĩnh nhưng đi và về mất nhiều thì giờ quá. Tôi cần phải ở tại Balê thì tới lui với con tôi mới tiện.

Thấy bà Đ. xanh xao tôi không dẫn được một câu mà tôi muốn hỏi thăm bà từ lâu :

— Thừa bà, sao bà không ở với con dâu cho đỡ hiu quạnh trong lúc ốm đau ?  
Bà Đ. nhăn nhó lắc đầu :

— Bà cũng biết, dễ gì mà kiếm ra một cô dâu dám chịu nuôi cơm không, chịu mất một phòng và mất tự do để phục dịch một bà mẹ chồng, lại là bà mẹ chồng Việt ốm đau như tôi ; đã không nhờ cậy được mà còn bực bội, cực khổ là khác. Phần tôi, tôi cũng không thể ở chung với nó được. Chướng mắt quá, nó hốt cổ chồng trước mặt mình, thị mình như không có. Xưng hô thì không thượng hạ tôn ti, ai cũng mầy tao hết.

— Phong tục xứ người ta như vậy, chỉ tại mình không quen; chớ nếu quen thì. . .

— Tôi không thể nào quen nổi bà ơi. Nhất là quen cái cách tiêu xài của nó và cách nó đối đãi với cha mẹ, dẫu là cha mẹ của nó. Rất lịch sự nhưng nhà ai nấy ở, cơm ai nấy ăn. Tôi đã từng thấy cái cảnh con thì làm bà kỹ sư, ông chủ hãng mà cha mẹ già phải đi làm vú em để tự túc, hoặc ở hiu quạnh, lùm cùm đi mua sắm tự lo ăn mặc cho mình, lúc chết một thân, có khi không thấy mặt con cháu, hay thì xác ở nhà thương.

— Thiên hạ đã chịu cảnh như vậy, mình khó mà gặp được may. Nhưng nếu không thể ở chung được thì mỗi tháng bà cũng có một số tiền nhất định do các con bà cấp dưỡng để bà lo liệu cách ăn ở của bà cho yên ổn chứ ?

— Không dễ như bà tưởng đâu. Tôi tiện tặn, thắt lưng buộc bụng cực khổ nuôi con, bây giờ nó nên danh phận, làm thầy, làm ông, làm ra tiền như thiên hạ, mà con tôi không có quyền lấy đồng lương của nó mà cho tôi một đồng, một cắc trước mặt vợ nó cho mát bụng mình. Cái giẻ lau bàn của vợ nó màu mè còn sang đẹp hơn cái khăn lau trầu của mình nữa đó chứ !

— Thưa bà, cha mẹ nuôi con, đàn ông nuôi vợ cũng chuyện thường, bà nghi xa xôi làm gì.

Bà Đ. tức tưởi :

— Tôi cưng trọng con tôi hết tình. Có hai thằng con trai mà ngày già yếu một thân không ai phụ giúp đỡ; bà nghi có thối tha không ? Đã vậy, mình còn phải thấy nó phung phí sức lực cho vợ con tiêu xài. Nay tiệc tùng, mai khiêu vũ một « xọt-ti ». Mình một đời lo chén cơm, tích nước, manh quần, tấm áo cho con, mà nay thấy con mình trong nhà phải pha cà-phê, rửa chén, giặt đồ cho vợ, ra ngoài đi dạo phải xách tá, đẩy xe cho con thì còn trời đất nào nữa bà ! ...

— Đâu riêng chỉ mấy cậu mà bà buồn. Các ông bên này xem thường những công việc đó. Nhiều khi hoàn cảnh sống bắt buộc họ phải như vậy; đó cũng là thói quen nữa...

— Tôi đã nói tôi không chịu nổi những thói quen và phong tục đó mà. Nó làm cho con tôi thành kẻ bất hiếu vô nghĩa, thành thằng hầu của thiên hạ, mà người sanh dưỡng thì mỗi tháng phải đến gõ cửa mấy lần để xin tiền những đứa con trai ! Các con tôi nhìn nhúc tiền túi rỉ cho tôi từng giọt như nước mắt nhĩ, vì lương tháng hai dẫu tôi đều đếm đủ; bà xem có chua chát cho con tôi và tủi hổ thân tôi không ?

Không có cách nào làm dịu bớt buồn khổ của bà Đ. tôi đành bông lông một câu :

— Bà C. cũng buồn nỗi con có vợ dị chung mà đã về Việt-Nam hôm tháng rồi. Bề nào xứ mình trời cũng ấm cúng hơn ở đây, lại có bà con thân thuộc cũng ít buồn. Sao bà không nghĩ chuyện trở về bên dưỡng già ?

— Con tôi nó không nuôi được tôi thì tôi hòng nhờ vả ai thưa bà, xấu hổ chết !

— Bà ở lại đây, trong hoàn cảnh này thì cũng như không có con ?

— Người ta mất con nên bỏ về xứ. Tôi ở lại đây cũng mất con, nhưng trước kia mình có bần phận với nó thì bây giờ nó có bần phận với mình. Đã không tình nghĩa thì mình phải ở lại đây mà đòi nó chứ, về bên làm chi. Trước kia mình có nuôi ai ngoài chúng nó đâu mà bây giờ về để nhờ vả lại người ta bà ơi !



— Tôi nghe thánh thiếu niên Âu-châu thường nói rằng : Tại cha mẹ đem con vào đời, tại cha mẹ vì hạnh phúc ích kỷ của mình nên mới có mặt chúng trên trái đất. Như vậy, bổn phận cha mẹ là phải nuôi con, hoàn thành cái trách nhiệm của mình. Con không cần gì phải nghĩ đến công ơn chi hết. Ý kiến bà như thế nào về luận điệu này.

— Tôi không thể hiểu nổi điều đó bởi tôi là người mẹ Việt. Sự có mặt của tôi trong gia đình chồng tôi, ngoài tình thương, điều quan trọng là nối giòng họ cho chồng. Những người mẹ Việt chưa nhiễm Âu học như tôi xem con như hạt giống, như ngọc quý. Có khi đi cầu chùa, khấn Phật mong mỗi có con là cầu phúc cho nhà, cho nước, cho kiến họ, cho cuộc đời. Dưỡng dục con trước tiên là cho chúng nó và vì chúng nó, cho nên lúc thụ thai thì giáo thai bằng cách làm lành và thỉnh thoảng chay lạt. Sinh con ra rồi có thiếu cơm, thiếu áo cũng vẫn ca cùm nuôi con. Chúng tôi không vì hạnh phúc ích kỷ mà phá thai lúc con còn trứng nước, không bỏ con hay cho con cho sở Cứu tế công cộng để mình được thông thả sung sướng, đi tái giá như những bà mẹ Âu châu thường làm. Tình nghĩa mẹ con, theo tôi, là tận tụy là đùm bọc là vị tha là hy sinh ; nó phải được gắn liền như xương và thịt. Tôi không thể nào hiểu, chịu hiểu và chịu nổi khi thấy con tôi chấp nhận luận điệu bội bạc đó.

— Nhưng làm sao thay đổi được thừa bà ? Đó là một trong những nỗi đau của thể hệ này và nó sẽ lan tràn cùng khắp như bao nhiêu nỗi đau khác.

— Tôi biết vậy thì trước kia tôi không chịu cực khổ chật mót từng đồng, quần còn lưng, áo còn bầu để cho con tôi đi du học. Tôi để nó trong đồng áng với tôi làm thẳng nhà quê dốt nát, mà nó còn học được nhân nghĩa của ông bà. Tôi rau mắm với dâu Việt quê mùa, sống bầm hiu với một ít ruộng vườn mà còn ấm cúng vui vẻ hơn cái cảnh đi Tây-u mà cô độc như vậy.

— Bà có chắc dâu Việt thời này không giống dâu dằm và sẽ hiểu thuận với bà không ?

— Dầu sao tôi chắc sẽ đúng phần nào theo lời bà nói khi này, tức là « cái thói quen » đó. Có biết bao nhiêu người như tôi : Khi con gái phụng dưỡng cha mẹ mình, lúc có chồng làm dâu sói trán, hầu hạ thương lo cho chồng con không kể thân mình. Tập tục cứ vậy mà luân phiên, không nhiễm nhiều cũng nhiễm ít. Có lý nào gái Việt thời này không có được một phần mười cái thói quen đó sao ? Ở tại đất nước nhà, chung quanh gần xa còn có thiên hạ, bè bạn, bà con người ta trông vào, có bao nhiêu gương tốt cho nó soi để ăn ở cho phải đạo. Dầu có tự do vẫn không mất hết nhân hậu. Nếu có, cũng chỉ là thảm cảnh rất hiếm của những gia đình không may mà thôi.

Con tôi mà về xứ cưới vợ Việt, thì bây giờ dầu tôi vô phước đến đâu cũng không phải ở trong cảnh tứ cố vô thân, đói no, đau mạnh, chịu lấy một mình như vậy. Bà xem, chung quanh ai ai cũng vậy, tôi kêu ca vào đâu được bây giờ ? !

— Thưa bà, như vậy « mất con » là lý do của bà chống lại hôn nhân di chúng ?

Bà Đ. không nóng nảy mà bình tĩnh chậm rãi :

— Chống đối ? Có nhiều cơ quá ! Xài lớn, xa hoa, ích kỷ tột độ, không đạo đức, thiếu nhân hậu. Hai giáo dục Đông và Tây khác biệt nó đẻ ra bao nhiêu thảm cảnh ngày nay mà phần đau khổ về phía người sanh dưỡng phải chịu. Các cô, các cậu thời này lại còn cho kẻ làm mẹ như chúng tôi là ích kỷ, không chú trọng đến hạnh phúc của con cái mà chỉ nghĩ đến mình, nghĩ đến cái thân già của mình ! Nhưng thật ra, các bà mẹ như chúng tôi, trước kia chịu cực khổ thiếu thốn cho con mình được ấm no, học hỏi để mở mắt đi lên với đời. Ngày nay, chúng tôi không có đòi nhà sang, xe đẹp, tiền của mà chỉ đòi cái tình thương tối thiểu hay vừa đủ (!) rất chánh đáng mà các cô, các cậu không cho. Đối xử như vậy, các cô, các cậu không tự biết mình còn ích kỷ hơn kẻ làm cha mẹ thập phần mà lại trái với nhân đạo và luật trả vay là khác...

Bà Đ. nín giây lát rồi lẩm bầm vừa thất vọng vừa oán hờn :

— Thật bà ơi, mất con thật ! mất hết... Nếu có ai làm cách nào để chống lại thì tôi cũng chống tới cùng

Những lý do chống đối hôn nhân di chúng của các bà trên đây chánh đáng hay không tôi xin nhường lại cho bạn phần nhận xét và phê phán. Tôi chỉ là người thuật lại những mẫu chuyện thương tâm mà tôi đã mắt thấy tai nghe.

Bạn đã thấy bà C. đành chịu qui hàng bỏ về Việt Nam khi đã mất đứa con độc nhất, Bà Đ. ốm đau — cô độc vẫn phải ở lại x' người, ôm hy vọng tìm lại những đứa con đã mất, nhưng bạn không thể nào hình dung nổi cái cảnh một bà mẹ ngày ngày chung sống với con mình, mỗi mong con từng giờ phút mà không bao giờ bà thấy nó trở lại trong khối xương thịt mà bà đã bẻ bồng nuôi nấng thưở còn thơ.

(còn tiếp)

**MỘNG - TRUNG**

**SÁCH HAY, MỚI XUẤT BẢN  
GIÁ ĐẶC BIỆT (I.C.)**

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

**VIỆT - BẮNG**

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học, Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

## ĐỌC THƠ

### Nguyễn Đức Sơn

Đã lâu chúng ta sống không có thơ. Ý tôi chỉ muốn nói ta không đọc thơ, không tìm thấy mấy lăm thơ để đọc. Bởi vì chỉ thiếu có thơ để đọc chứ thơ làm ra thì không thiếu, chỉ thiếu việc đọc thơ chứ việc làm thơ thì lúc nào cũng vẫn nhộn nhịp. Nhưng thơ làm ra rồi để đó, hoặc trình bày trước sự thờ hững: in thơ thường được kể như là một chuyện hy sinh.

Hiềm nhiên đó là điều buồn. Nhưng có phải điều buồn của thi giới? Không đâu: buồn chung của cuộc sống, của quần chúng, hơn là riêng của giới thơ. Thi sĩ cần thơ thì lúc nào cũng có thể làm được; cái cần của họ là cần làm ra, cái đó họ tự thỏa mãn lấy được. Chỉ có chúng ta là đáng buồn: cần mà thiếu. Nghe nói André Maurois đêm nào trước khi ngủ cũng học thuộc mấy mươi câu thơ mà thèm.

Thiếu thơ, đó cũng là điều bất lợi làm phong phú thêm những luận điệu kẻ xấu thời kỳ này. Thật vậy, thời kỳ này, đặt biệt là ở xứ ta, bị chê bai quá nhiều. Nào là điều linh cảm khóc, nào là bơ vơ mất hướng. Trên chính trường, nhiều chuyện rối ren ngán ngẫm. Hoạt động quân sự thì cứ liên miên bất tuyệt. Trong xã hội những thành phần bất

hạnh, nạn nhân của bom đạn càng ngày càng tăng, làm nên mối lo lớn; đã vậy hạng con nít, đàn bà không bị nạn lại đua nhau hư hỏng lu bù, không sao mà can thiệp, mà cứu vãn kịp. Thế rồi văn-chương nghệ-thuật, theo ý nhiều người, cũng lại tồi nữa. Kể thì kêu nó đòi truy, mất gốc; kể thì r hất định rằng nó đã bẽ tắc từ lâu rồi, ít ra là trong mười năm nay nó không có cái gì đáng giá.

Kiểu đó e không thể tìm ra tình trạng nào tệ hơn, và nên có một thành-ngữ mới: « Tệ như Việt-Nam hôm nay ».

Và như vậy thật bối rối. Người ta sẽ tự hỏi: « Thế đâu là lý do kiêu-hãnh của thế-hệ này? » Bởi vì quả thế-hệ này vẫn có niềm kiêu-hãnh không cần giấu giếm. Trong địa hạt nào cũng chỉ có giới trẻ cảm thấy sự cần thiết tự xác nhận, lớp già mất hẳn tự tin. Riêng trong phạm vi văn-nghệ, sáng tác hôm nay coi thường rõ rệt những sáng-tác trước nó.

oOo

Không quá tin vào những lời rẻ rúng tàn tệ đối với thời kỳ này, cũng không dám quyết hôm nay có gì đáng hãnh diện, tôi thấy mình bất nhất. Lắm lúc buồn lòng vì không đọc được thơ như

trước kia hồi còn nhỏ, nhưng thỉnh thoảng lại gặp một trường-hợp tuyệt-vời : Nguyễn đức Sơn.

Tập thứ nhất của *Những bài tình đầu* ra đời từ năm ngoái. Đến cuối năm nay *Những bài tình đầu* đã in đến tập thứ ba. (1) nhưng có vẻ ít được nói đến. Những tác phẩm ấy đều do Mặt đất xuất bản, mang ở bìa trước bìa sau đầy những lời tuyên bố kỳ quặc. Có phải vì mãi chú ý tới những cái kỳ quặc ấy mà ít người kịp chú ý đến cái hay trong tác-phẩm. Nếu quả vậy, thật đáng tiếc.

Bởi vì mặc dù bề ngoài Nguyễn-đức-Sơn có những điều bộ lạ mắt, nhưng quát tháo hung dữ, nhưng kỳ thực đó là rất gần gũi với chúng ta. Một người con người trai mới lớn, bỡ ngỡ đối với thân xác mình, tha thiết mà rụt rè trong tình yêu, thèm muốn mà e ngại đối với người yêu ; một người con trai mới lớn, rạo rức tung bừng dưới cuộc sống huy hoàng, mà đồng thời lặng người đau xót trước cái tịch-liêu của mệnh mông, cái hư ảo vô nghĩa của cuộc đời.

Nguyễn đức Sơn là như thế, có gì kỳ cục đâu. Anh trích hai câu của Huy-Cận đề lên đầu sách mình, rất thích hợp :

« một chiếc linh hồn nhỏ  
mang mang thiên cổ sầu »

Thực ra Nguyễn-đức-Sơn không những chỉ gặp Huy Cận. Cùng với Huy-Cận, anh đã gặp mới « thiên cổ sầu », anh xúc động vì những gì đã xúc động các thi sĩ từ muôn đời trước. Tuy nhiên trước một vài bản khoản căn-bản, mỗi thể-hệ có một cách phản-ứng riêng, một lối phát-biểu riêng. Trần Tử Ngang, Lý-Bạch v. v. . . cũng kêu than trước vũ

trụ bao la, trước cuộc đời ngắn ngủi ; nhưng phải đến Huy-Cận, đến thời kỳ của cá-nhân chủ-nghĩa, con người bị lạc loài bơ vơ ngoài tập thể, tiếng kêu mới mang thêm nỗi run sợ khiếp hoàng. Từ Huy-Cận đến Nguyễn-đức-Sơn không cách xa đến thế. Tuy vậy sự khác nhau cũng đã rõ rệt.

Chúng ta, những độc giả của hôm nay, chúng ta yêu Nguyễn-đức-Sơn vừa ở chỗ anh giống vừa ở chỗ anh khác với các thế hệ trước. Chỗ giống ấy làm cho lớp người này không đến nỗi ngàn ngo, tự thấy quái dị trước lịch-sử, chỗ khác ấy làm nên cái thích thú riêng của những kẻ đồng cảnh hiểu nhau.

oOo

Trông thấy Nguyễn-đức-Sơn khoa trương về những tác phẩm « ngợp mắt » của mình và xỉ vả tất cả những ai, « bất luận già hay trẻ, đực hay cái », muốn lợi dụng tài năng mình, người ta tưởng tượng anh ngồ ngáo không ai bằng. Nhưng hãy đến gần một chút, sẽ thấy anh hiền lành dễ mến biết chừng nào. Con người ta chỉ làm bộ làm tịch lúc bình thường, chứ một khi có điều trọng đại xảy đến, lay động sâu xa, thì liền quên hết bộ tịch mà xuất lộ ngay chân tướng. Chuyện quan trọng trong đời có lẽ không gì hơn là cái chết của người thân và tình yêu của mình.

Tôi không biết sinh mệnh thân mẫu của Nguyễn đức Sơn có lần nào bị nguy ngập thực chẳng (2) hay là anh chỉ mơ thấy mẹ qua đời mà những lời anh thốt ra chẵn chẵn ai nghe cũng phải cảm động. Toàn bài *Mây trắng* chỉ có câu :

(1) Tôi rái tiếc không tìm gặp tập thứ hai

(2) Có chỗ anh viết : « cha mẹ anh em còn đông đủ » (bọt nước)

« huyết dài bóng xế lấp đời con » là có dùng đến hình ảnh tu từ. Ngoài ra, toàn thị là giản dị hết sức, cũng giản dị như những tình cảm chân thành trên đời.

« hình bóng ngày xưa khuất núi rồi  
còn đây khăn trắng vấn đầu thôi  
còn đây một mảnh hồn đơn chiếc  
như cánh chim cô bạt cuối trời ».

Những câu như thế tưởng ai cũng viết được : chẳng những không có gì cao kỳ, lại còn cũ kỹ, khuôn sáo. Nhưng truyền được nỗi buồn ngùi vào những lời tầm thường như thế thì phải là một xúc cảm thật chân thành mới truyền nổi.

Hàng ngày bước giữa phố phường ai nấy đều không ngớt chạm mặt người xa kẻ lạ, nhưng mấy ai phát giác được cái điều giản dị mà lạ lùng này :

« hờ hững bao người đâu phải mẹ ».

Nguyễn đức Sơn đáng mến trong trường hợp đau xót ấy, mà còn đáng mến ngay cả khi anh yêu đương. Đến cái tuổi mà mọi thiếu niên bắt đầu nghĩ về người bạn khác giống thì mỗi lần.

« áo ai bay hờ trên xe lửa »

Nguyễn đức Sơn cũng tưởng tượng xa xôi và mơ ước. Anh không giấu giếm gì hết về sự thèm muốn da thịt, cái da thịt đàn bà nó là một bí mật huyền diệu đối với anh con trai cỡ tuổi đó :

« tôi rất thèm và rất xoắn xang  
ước ao một phút cũng thiên đàng  
trời hơi từng đêm ôm gối lạnh  
đã xoắn xang càng thêm xoắn xang ».

Lớn hơn nữa thì mỗi khi « xoắn xang » như thế người ta sẽ không do dự gì cả, thế nhưng đối với các cậu dưới tuổi hai mươi mọi sự đều rắc rối :

« dù rất thèm và muốn biết qua  
nhưng sẽ muôn đời tôi trốn xa  
tôi nguyện làm một người độc nhất  
hoàn toàn trong sạch cho đến già ».

(CÁM THƯƠNG)

Di nhiên không bao giờ nên tin ở lời « nguyện » ấy. Khi mới bắt đầu yêu, mỗi anh con trai mỗi cô con gái đều là một người trong sạch độc nhất. Tất cả những trường hợp độc nhất ấy đều giống nhau, giống ở sở nguyện mà cũng giống luôn ở sự lỗi nguyện. Sự tất nhiên gì vẫn đến với mọi kẻ khác rồi cũng đến với Nguyễn đức Sơn, điều ấy không đáng trách. Đáng chú ý chẳng là nỗi luyến tiếc chân thành của anh đối với thời trong trắng đã mất: giới thiệu tập *Cát bụi một đời* anh ghi rằng đó là tập truyện ngắn đầu tiên « viết trước khi trở thành đàn ông ». Thời buổi bây giờ đến con gái lắm người họ cũng không buồn ghi nhớ và không nhớ nổi họ thành đàn bà lúc nào, thế mà có anh con trai lấy cái ngày thành đàn ông làm ngày trọng đại thì có phải là ngoan không chớ.

oOo

Yêu người thì thèm thì muốn người con trai ấy yêu đời cũng mãnh liệt, cũng nồng nàn dữ lắm.

Một buổi mai, trời đẹp, cây xanh, rừng xanh, một bầy nai kéo nhau đi ăn cỏ, có con nai mẹ :

« vú lê dài rung rinh rung rinh »

trước cảnh ấy :

« tôi bỗng thấy mạch đời bưng chảy  
như nhựa xuân tràn lên đầu cành  
rồi tôi thấy mạch đời đang chảy  
ở trong tôi mà sao (3) mong manh. »

(THANH THẮN)

(3) Mà sao, hay sao mà ?

Khi say sưa, ngây ngất, không ai bằng anh:

*«chiều êm hơn cả gió lùa  
tôi ra cuối bãi tôi đùa với trăng  
tay choàng lên với môi hồng  
tôi mượn gió lả tôi mượn vú đời  
có hương có nhạc trên trời  
tóc tôi se gió mắt ngời ánh sao*

(TRÊN RỪNG THU A)

Đã lâu trong thơ văn chúng ta, thiên nhiên lẫn lộn mất chỗ. Một phần vì ai nấy dồn về đô thị, xa rời cỏ cây trăng sao, một phần vì các mối tương quan giữa người với người càng ngày càng gay gắt, choáng hết đã óc tâm trí ta, ta không còn mấy cơ hội vúc cảm trước tạo vật. Trăng gió, núi, sông v.v... chỉ còn là những ký hiệu vô vị. Ở Nguyễn đức Sơn thì không như vậy. Thiên nhiên trong thơ anh là những cái gì rất cụ thể: con nai vú dài rung rinh, vài « chú dã tràng » bu quanh khi anh giả vờ chết trên bờ biển v.vt.. Anh nói rất nhiều đến sông mưa, biển hoang, cồn lạnh, nhất là đến cái bãi biển trên đó anh làm nhiều trò lạ, nhưng không bao giờ nói bằng giọng hồ hững; anh động đến cái gì là y như cảm quan anh tràn ngập vì cái ấy, từ đám mây bạc bay giữa trời trong lúc anh nằm giả chết trên cát mà cứ ngỡ mây phiêu phiêu kia đang đưa mình « về cõi tuyết với mai sau », cho đến cái « nắng rụng vô thường dưới khe » ở Dran. Anh viết:

*...« tôi về lắng cả buổi chiều  
nghe chim ăn trái rụng đều như kinh  
còn một mình hỏi một mình  
có chẳng hồn với dáng hình là hai  
từng trưa nằm nghĩ đất dài  
phiêu diêu nhẹ cái hình hài bay lên »...*

(MANG MANG)

Mấy ai trong chúng ta giữa cuộc sống náo nhiệt ngày nay còn lắng nghe được một buổi chiều một buổi trưa như thế? Mà những buổi chiều buổi trưa kỳ diệu ấy ở đâu vậy? đến hồi nào vậy? Có lẽ chẳng ai bắt gặp. Nó là công trình dựng nên

do một tâm hồn còn nhiều mật thiết với cuộc sống thiên nhiên. Nguyễn đức Sơn có lý khi anh nghĩ mình sẽ có thể đồng hóa với ngọn rêu, với ánh nắng chiều. Anh có hy vọng trở về nguồn:

*«mai tôi về nằm giữa rong rêu  
tôi trải thân tôi xuống giữa chiều  
sưởi nắng tà huy lên mái tóc  
khi trời vang lạnh tiếng chim kêu  
mai tôi về nằm giữa hoang liêu.  
tôi trải cô đơn xuống giữa chiều...»*

(MAI TÔI VỀ)

Nguyễn đức Sơn mà trở về nguồn anh sẽ hòa tan vào vạn vật, « óc tim » anh sẽ « hòa vào một khối », « hòa vào giữa mát lạnh rong rêu », trong khi óc tim nhiều kẻ khác lúc tan rã bày ra ngồn ngang những bận bịu lung tung, những con toán, không hòa vào đâu được.

oOo

Càng nồng nàn thì càng thất vọng về cuộc sống: cái huy hoàng của nó thật ngắn ngủi và vô nghĩa. Những giác quan tinh nhạy đã xúc động vì cái tung bừng náo nức ngụ trong một tiếng chim hót, một ánh nắng mai, những giác quan ấy cũng tinh nhạy trong việc cảm nhận ra cái vắng vẻ tịch liêu xung quanh kiếp sống.

Có lẽ những câu thơ hay nhất của Nguyễn đức Sơn là liên quan đến nỗi ám ảnh thường xuyên ấy. Nhớ tới Quách Thoại, anh tự hỏi:

*«không biết từ đâu ta đến đây  
mang mang trời thăm đất xanh đầy  
lớn lên mang nghiệp làm thi-sỹ  
sống điêu linh rồi chết đọa đầy »*

(HOÀI NIỆM)

Nhân nghĩ đến một người bạn thơ đã khuất, đến một cái chết, thì bàng khuâng như vậy cũng cho là lẽ thường. Đang này đang nằm trên bờ biển, thở ra hít vào thích thú, anh cũng chợt thần thờ:

«mai sau này chỗ tôi nằm  
sao rơi lạnh lẽo âm thầm biển ru.»  
(MỘT MÌNH NĂM THỞ ĐỦ KIỀU  
TRÊN BỜ BIỂN).

Buồn thảm thật.

Một tâm hồn trót đã có lần chạm mặt với Hư vô, thì bất cứ lúc nào, có duyên cớ hay không có duyên cớ chính đáng, đều có thể bị nó sừng sững hiện đến đe dọa, ngay cả khi đời chớm nở, ngay giữa hạnh phúc gia đình:

« tôi dòm đời khi tuổi sắp hai mươi  
thấy vắng tan hoang ngụt đất trời  
cha mẹ anh em còn đông đủ  
mình tôi sao mỗi sầu không người  
ngập ngừng chân bước con đường vắng  
mây trắng bay lên oà đất trời  
tôi cúi đầu nghe mình nhỏ lệ  
biết chuyện gì rồi cũng buồn thôi»  
(BỘT NƯỚC)

«ngựa chùn bước gập hoang sơ  
tôi dừng chân thấy hư vô bủa đầy»  
(TÂM TƯ)

Trích dẫn câu này câu nọ là chuyện làm bất đắc dĩ và tai hại. Một câu thơ, một đoạn thơ, bị bứng ra khỏi toàn thể, khỏi cái không khí của nó, nó biến dạng, mất đi cái đặc sắc của nó. Chẳng qua trong khi biện luận chúng ta bị bắt buộc phải lôi ra dí tận mắt kẻ đối thoại những bằng chứng cụ thể để có thể nói: «Này, coi có quả không nào.» Những cái lôi ra đó phải xác thực, phải rõ ràng, nhưng không phải là cái tinh vi đẹp đẽ nhất. Thật ra cái «mây trắng oà đất trời», cái «hư vô bủa đầy», nó bàng bạc, tràn ngập khắp tác phẩm của Nguyễn Đức Sơn, nó ngấm vào từng giọng chữ, từng lời thơ của anh. Vì vậy mà dù anh «một mình đuổi

theo mây bạc bay trên biển», anh «qua thung lũng cũ» anh «lăn cù trên bờ biển» anh nghe một «tiếng gà rừng gáy» hay chỉ làm một cái việc đơn giản là «khép cửa» v.v..., đó vẫn không phải là những chuyện tầm thường vu vơ, phía sau chúng lúc nào cũng rờn rờn cái hư vô đe dọa. Những chuyện khép cửa, nghe gà... không phải đề thuật lại cuộc sống thường nhật, mà gọi lên cái bao la hiu quạnh ngoài cuộc sống thường nhật. Thứ «mây trắng oà đất trời» ở đây nó mở rộng kích thước tâm hồn người thơ thành mênh mông.

Trước kia, có lần Huy-Cận chia thi-sĩ làm hai hạng: một hạng mô tả cuộc đời, một hạng nữa, tò mò hơn, không bằng lòng nhìn cuộc sống đã thành hình mà còn muốn dự biết đến công cuộc sáng tạo của Hóa công, nói cách khác, một hạng nhấp rượu thường thức ngon dở, còn một hạng nữa thì hé nhìn vào lò xem cái lúc hạt gạo đang lên men. Huy Cận tự xếp vào hạng sau và dĩ nhiên là lấy làm kiêu hãnh về sự tò mò của mình.

Sau cách mạng tháng tám 1945, có một hiện tượng đáng chú ý trong văn học ta, là những thắc mắc siêu-hình tiêu tan hết, bị quét một loạt như những bóng ma Dân tộc nhào vô cuộc chiến tranh với Pháp, lao mình vào công việc gian lao, nguy hiểm và quên hết những suy-tư viễn vông. (Cũng như anh chàng Duy trong *Con đường sáng* của Hoàng Đạo, khi còn chơi bời trác táng thấy đời mình thừa thãi, nghi ngại vợ vẫn xa xôi, nhưng đến lúc bắt tay vào công việc xã hội liền tẩy tâm hồn thanh thản hơn). Thế nhưng ở Huy Cận thì sự chuyển biến trong tâm tư chậm chạp lắm. Sau 1945 khá lâu, nghe một tiếng hát ru trong

đêm vắng, ông còn có cảm tưởng :

«Buồn sao như dạ héo hon,  
Đời nghe ú ở hầy còn sơ khai,  
Nghe đời đau quặn trong thai  
Tiếng ru chan chứa đêm dài còn mang»...

### TIẾNG RU EM

Ngày nay tình hình xứ sở rắc rối không kém hai mươi năm trước, thế-hệ này bận rộn không kém thế hệ Huy Cận Thế mà Nguyễn đức-Sơn cũng lại cảm thấy « hư vô búa đầy ».

Dấu sao có lẽ lúc nào cũng có kẻ cúi đầu xuống công việc, và có kẻ nghênh đầu lên khỏi công việc.

oOo

Lại vừa nhắc tới Huy Cận nữa ! Chúng ta có vẻ chú ý quá nhiều đến chỗ giống nhau giữa Nguyễn đức-Sơn và các lớp người trước. Thực ra, không ai có bản sắc riêng rõ rệt, có cá tính mạnh mẽ bằng anh Bản sắc và cá tính có nhiều dính líu đến thời đại này.

Hầu hết những ai bắt đầu xun xoe vào làng văn đều muốn tỏ ra khác người, nghĩa là ngông nghênh. Để có thể tha thứ những bậy bạ hư hỏng ở một kẻ nào, ta tắc lưỡi kêu : hần trót có « tí máu văn nghệ » trong người. Trong đám văn nghệ với nhau, thì nhớ nhãng nhất phải thú thật là những chàng thi sĩ. Một nhà nho như ông Tản Đà mà để cho xứng danh thi sĩ cũng làm trò con nít : gửi thư lên chị Hằng, gánh thơ đi bán chợ trời v.v... Còn Chế lan Viên thì thấy trắng sáng vội kêu :

« Ta cỡi trường ra, ta cỡi trường ra »

Nguyễn đức Sơn không cần gì phải làm như thế. Hãy xem cốt cách của anh : điềm nhiên giản dị hơn biết bao.

«Đầu tiên tôi thở cái phào

bao nhiêu phiền não như trào ra theo  
nín hơi tôi thở cái phèo

bao nhiêu mộng ảo bay vào hư không »...

### MỘT MÌNH NĂM THỞ ĐỦ KIỀU TRÊN BỜ BIỂN

Cứ thế anh thở «đủ kiều». Rồi qua một bài thơ khác anh lại « khoái trí năm thở nữa ».

Một đàng cố gắng làm ra lạ đời nên phải cời trường, phải chọc Trời gheo Trăng cho to chuyện, một đàng vốn có bản lĩnh tự nhiên, nên chỉ nằm mà thở thông thả cũng đủ độc đáo chán. Trong thơ ta, đã mấy ai nghe những tiếng thở cái phào, cái phèo, ngang tàng như vậy (Nhất là đọc cho đến hết bài «thở đủ hiểu» ta giật mình thấy không phải đó là cái ngông vô cơ, không ngờ những hơi thở ấy lại đưa ta đi xa đến thế).

Vậy ra chỉ có hạng Tản-Đà, Chế lan viên là ưa đóng trò, còn Nguyễn đức-Sơn thì hồn nhiên lắm sao ? Không phải vậy. Nhưng khi Chế lan viên muốn cho khác thường, ông đòi :

«Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh» còn Nguyễn đức Sơn thì chẳng xin một tinh cầu nào, cứ việc nằm ngay trên bờ biển mà vọc c... Khi Chế lan viên muốn tỏ ra ngông, ông đòi cời trường để tắm trăng ; còn Nguyễn đức Sơn thì lại «lấn cù» trên bờ biển, rồi ngủ quên trên bờ biển, nửa khuya bị mưa ướt, thức dậy tự hỏi mình : « đã đời chưa con ? »

Tất cả những cái ấy cho thấy lớp người trước trong những lúc muốn làm ra quái dị nhất vẫn không quái dị bằng lớp người «hôm nay», và ngay khi muốn tỏ ra quái dị các thi sĩ trước vẫn hướng về cái thanh nhã còn các thi sĩ «hôm nay» không hề kiêng kỵ tục tũ. Bích Khê có lần nói cái «sự thực trần trường nằm giữa háng



nhưng sự thực đó được Bích Khê tô vẽ thành ngọc thành ngà thành hương thành tuyết, nên dầu nó nằm ở đâu nó cũng hóa ra một bửu vật cao quý.

Hoặc lên trời, lên trăng, lên một tinh cầu giá lạnh nào đó, hoặc tắm trăng, hoặc đòi hỏi thứ nhan sắc lên hương, thứ sự thực tuyết điểm v.v... đều là không chịu cái thực tại quanh mình, mơ ước vượt thoát lên khỏi cái thực tại ấy. Mặt khác, thờ cái phào cái phèo, lẩn cù, vọc c... v.v... cũng là một thái độ bất cần, không bằng lòng thực tại. Nhưng một lên ước mơ thoát ly có tính cách lãng mạn, một bên là sự hực hực vùng vãng, cộc cằn, thô tục.

Nguyễn Đức Sơn không hực hực một mình. Xung quanh anh, một thế hệ cũng làm như anh. Tóc mà để dài bù xù như tổ quạ, con trai mà ăn bận như con gái, con gái căng căng như con trai đó cũng là bất thường chớ. Trong phạm vi âm nhạc thì gào thét inh ỏi, nhức tai, man rợ; khiêu vũ thì nhảy múa loạn xạ như điên; vậy cũng là một cách hực hực. Nói về tranh vẽ của Klee, Miro, Dubuffet, nhà phê bình Joseph-Emile Muller cho rằng tính cách man dại (primitivisme) trong họa phẩm của họ chính là hậu quả của văn minh. Vì sống giữa một xã hội quá văn minh mà họ nhại nét vẽ của con nit ngây ngô, của người bàn cõ sơ khai. Cuộc sống ngày nay, nhất là ở đô thị, quá phiền toái, quá chặt chẽ kỷ luật, khiến con người ta bực bội, cáu kỉnh, phản ứng mãnh liệt, quá đà.

Di nhiên ta nêu lên những cái ấy không phải như là những ưu điểm, càng không phải là những ưu điểm về thơ. «Lẩn cù» cũng vậy, mà ngầm nghĩa «sự thực» cũng

vậy : thi ca không vì đó mà thêm hay. Nêu lên là để cảm thông nét tâm trạng của một thời, để cho người đứng ngoài cảnh ngộ dầu không tán thành cũng chỉ mỉm cười mà không đến nỗi chê trách.

oOo

Kề ra, làm thơ không phải chỉ nhằm mục đích cho có được b i hay. Sáng tác vì thế thôi thì «cơm gạo» quá. Làm như vậy quả đáng gọi là sản xuất : sản xuất tác phẩm.

Viết, hay vẽ, hay đàn hát v.v..., đành là để tạo ra một hình thức đẹp, nhưng trước hết là vì muốn biểu hiện một tâm trạng, muốn thoát ra ngoài một chứa đựng gì trong lòng. Hai ý định có khi không gặp nhau. Có những hình thức đẹp mà không chứa đựng. Lại có những trường hợp cái chứa đựng phong phú không tìm được hình thức thích nghi. Riêng về chuyện bực dọc trước nếp sống ngày nay, có lẽ Nguyễn Đức Sơn của chúng ta không phải táo tợn hơn hết đâu. Trên các tạp chí, trên những tác phẩm xuất bản năm bảy năm nay, thiếu gì quái dị được bày ra. Kẻ thường thức không phải ai nấy đều hẹp hòi không chấp nhận được những quái dị đó ; có điều đáng tiếc là ít khi nó gặp được một hình thức biểu hiệu đẹp đẽ.

Bởi vì dù để diễn tả sự phản nộ, cuồng loạn, cách diễn tả cũng phải vâng theo một kỷ luật, cái kỷ luật tự nó tìm ra. Không thể không thành được nghệ-thuật, dù là nghệ-thuật điên loạn. Vứt màu loạn xạ lên khung vải là một hoạt-động có thể rất bổ ích đối với nghệ-sĩ nhưng rất cuộc không đưa tới thành công nghệ-thuật nào. Bước nhảy Twist có

loạn tới đâu cũng không phải là thứ bước chân vô kỷ luật chen nhau chỗ chọi trời. Những hò hét, những inh ỏi của nhạc jazz không giống tiếng dẫu khầu ngoài công lộ; nó vẫn có tiết điệu riêng của nó. Nghệ phẩm nào dù có cốt giải tỏa một ẩn-ức, đồng thời cũng phải thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ.

Ở xứ ta, sau ngày đình chiến 1954 giới văn nghệ bị phân hóa rõ rệt. Các thi sĩ cao niên có khuynh hướng ý lại vào kỹ thuật, mài dũa nên những công trình khéo léo mà ít sinh-khí. Trái lại, lớp trẻ mang những tình cảm sôi nổi, mà thường khi chưa kịp tìm ra cách thể hiện, cho nên tiếng hò hét rầm rộ của họ thừa huyên náo, thừa sức gây ngạc nhiên, bắt buộc ai nấy phải chú ý, nhưng rồi không mấy ai thưởng thức, vì nó chưa có cái đẹp, đức tính thiết yếu của nghệ-phẩm. Phải chăng vì vậy mà một thời kỳ dỗi dào xúc động như thời kỳ này lại cứ kêu là nghèo sáng tác?

Nguyễn Đức Sơn thuộc lớp trẻ, rất trẻ. Nhưng anh không quá bận tâm về những bực dọc ray rứt của mình đến nỗi cầu thả trong kỹ-thuật thể hiện. Trái lại, bút pháp của anh tài tình có lẽ không kém các bậc đàn anh lão luyện. Đọc đi đọc lại bài *đau đớn* (ở tập *Bọt nước*), ta bị mê hoặc vì cái tác dụng ma quái của những câu thơ lặp nhau thoăn thoắt tiếp nối nhau, lướt tới không ngừng như nước chảy sông trôi. Không cần biết có câu nào xuất sắc, có ý tưởng nào thâm trầm hay cao siêu, cũng không kịp dừng lại để phân tích những chi tiết ấy, người đọc cứ đọc lên là bị lôi cuốn ngay, triền miên trong niềm đau dằng dặc, người đọc cứ việc tự phó thác vào cái nhịp điệu lạ lùng của bài thơ, rồi tự nhiên nhận thấy sức tác động có tính cách như bùa chú của nó.

Đây đó trong tác phẩm, chúng ta có nhiều dịp sững sờ trước một mỹ-quan mới mẻ như thế.

oOo

Nguyễn Đức-Sơn có những ý tưởng đặc cơ :

*«nhiều khi đợi nắng chiều tan  
tôi mộng lung nghi theo làn mây trôi  
ngày kia nếu ở trên đời  
cha tôi không cưới mẹ tôi bây giờ  
sinh ra tôi có làm thơ  
đề điều linh vẫn như chờ riêng thôi  
những đêm sao sáng đầy trời  
bỗng nhiên tôi khóc trên đời hư không»*

(HỒI TƯỞNG)

«Nếu» mà xảy ra cái điều tai hại nọ khiến trên đời không có thơ Nguyễn Đức Sơn, thì đối với «trời đất mang mang» chắc chắn là chuyện không đáng kể. Nhưng với chúng ta, hàng ngày vẫn khao khát mần mò tìm văn thơ để đọc, thỏa mãn thêm một thứ nhu cầu của một kiếp nhân sinh vẫn đã mang nhiều hệ lụy. Đối với chúng ta sự vắng thiếu anh sẽ là một thiệt thòi đáng kể. Bởi vậy mà mặc dù anh đe dọa, cấm đoán cả việc phê bình, sau khi đọc mấy tập thơ anh tôi vẫn đánh liều bày tỏ nỗi sung sướng của mình.

Làm thơ là chuyện muôn vàn khổ đau. Khen thơ, nếu có tự chuốc lấy ít nhiều nguy-hiểm, đã sao!

11-1966

TRÀNG-THIÊN

# Tiền đồn

Truyện dài của **THẾ - UYÊN** (13)

(Xin xem BK.TĐ: từ số 224)

Các cử động và di chuyển bây giờ phân tán làm nhiều hướng, vội vã và im lặng. Định nhìn quanh quần và sau cùng nhận ra quanh bàn chỉ còn tiểu đoàn trưởng, viên cố vấn, hiệu trưởng viên đang lúi húi cạnh máy và viên trung úy già vừa rời thành đồn tiến lại. Chàng đứng dậy lại chiếc cột lấy khẩu súng, hiệu trưởng viên từ buồng truyền tin thò đầu ra nói lớn :

— Đại úy ! Ông Hy cho biết có địch xuất hiện phía gần ngôi chùa, chưa rõ quân số.

Chàng nghiêng người vào buồng đầy dụng cụ và dây ngang dọc, Xuân ngừng đầu lên cười, đưa ống liên hợp lên :

— Nghe coi ! Như thế này sẽ lộn xộn là cái chắc.

Định đeo súng lên vai, cầm ống lắng nghe và nhận ra chính giọng Hy đang gọi trung đội Vũ một cách hối hả : « Vinh ba bắt đầu zoulou cải cách chưa, Vinh ba bắt đầu zoulou cải cách chưa... » Định rời buồng ra cửa đồn. Các binh sĩ ngồi rải rác dưới ánh trăng, nói chuyện rì rào. Chàng nhận ra tiểu đoàn phó đang tỉ hai cánh tay trên mặt bức tường gạch thấp :

— Đại úy có tin chắc đêm nay có đánh lớn không ?

— Một tiếng nữa là cùng, khi trung đội đi kích rút về qua chỗ địch đang đắp đường. Tụi chúng không thể ngờ toán kích lại ở hướng đó... Hơn nữa, cứ mỗi lần Vũ dẫn quân đi là y như có truyện, không lớn thì nhỏ... Anh cứ đợi xem tôi nói có đúng không. Cho tôi điều thuốc... thuốc đen hả. Tốt quá ! Từ hồi thoát chết ở Điện biên phủ, tôi chỉ ghiền thứ này... Đúng đấy anh, Vũ, Vinh ban 2 và Đắc đại đội trưởng đại đội 2 hiện đóng ở Tân đông là những sĩ quan khá của tiểu đoàn. Riêng Vũ, hẳn chưa hề mất một binh sĩ nào từ hồi đến đây. Lĩnh bảo nhau hẳn không có tướng sát quân nên chịu lắm.

— Tôi có cảm tưởng Vũ đêm nay không còn may mắn cũ.

Định lắng nghe câu nói của mình đang rơi vào khoảng không, nhận ra nó cầu kỳ và trình trọng kỳ dị. Viên đại úy già lặng im hút thuốc làm xuất hiện trong

chàng nổi lo ngại vẫn vờ đồng thời với ao ước muốn được hiểu nửa câu nói sau cùng của Vũ đã mất hút vĩnh viễn trong tiếng động cơ của một chiếc xe vô định tình cò chạy qua. Chàng tháo khẩu súng khỏi vai, đặt nằm ngang trên thành tường. Bên kia lộ, mái chợ lợp tôn tung bừng ánh sáng trắng. Một con mèo lững thững đi, bóng chập chờn lướt từng khoảng đều rồi mất tăm tích đột nhiên vào vùng bóng tối phía dưới. Hai dãy nhà song song chạy dài hai bên chợ, các ngọn đèn chai treo lơ lửng trong khối bóng tối mái hiên, những đốm vàng mờ nhạt hiện diện như không hề soi sáng bất cứ cái gì khác ngoài chính mình. Con mèo uyển chuyển từ một vũng tối bước ra đứng sững, chàng tỉ mỉ cầm lên cánh tay, chăm chú quan sát con vật nhỏ, tự hỏi nó không biết có phải vừa lững thững đi trên mái chợ hay không.

Khối sáng bùng ra trên cao, vàng nhạt bao phủ không gian nhưng chị vẫn ngồi bất động trên thềm. Có tiếng người gọi con thất thanh từ một nhà nào làm một thói quen thức tỉnh chị, muốn đưa chị vọt vào trong nhà ôm con nhào xuống hầm. Nhưng cơ thể vẫn lặng thinh, tê dại, rũ rượi và nhòn chơn trên nệm đất có khí lạnh thấm ướt át qua vải quần. Hải chưa chết như người ta đồn, Hải đã trở lại như những bàn tay sờ soạng lục lạo với khối nặng co quắp sức mạnh trên da thịt... Khối sáng vàng sát xuống ngang các ngọn cây, những bóng đen dài ngắn lộn xộn của cành lá nhào dài như lao vào mái hiên. Không có tiếng nổ, không có tiếng súng nào tiếp theo cả — khu đồn tiếp tục nín im. Nguồn sáng vàng sát xuống đất một nơi nào bên kia, ánh trắng hiện ra nhàn nhạt rồi trở sáng trắng tràn đầy trong sân, trên tóc, trên toàn thân đang tê dại, ướt nhòn trong chờ đợi... Chị chờ đợi, không thể làm gì khác hơn là chờ đợi cái mà rõ ràng, thật rõ ràng chị không hề mong ước hay thích thú. Nó sẽ đến, Hải sẽ đến, tất cả sẽ đến không thể tránh được, mạnh mẽ vô cùng, đến nỗi không thể làm gì hơn là gục xuống, là ngửa ra, tứ chi rũ rời không còn sai khiến nổi. Một luồng gió luồn từ phía sau tới làm mát da lưng, mang theo thấp thoáng âm thanh lộn xộn của những kẻ đang đào đường đắp ụ. Chị bưng tỉnh, thì thào : đi chỗ khác, vào nhà bằng thẳng nhỏ đi chỗ khác. Ra vườn, vào ruộng miá... Hẳn sẽ không thể nào tìm ra trong đêm. Ngày mai trời sáng, chị là của Ba, của Tiá, của một thứ quyền lực khác nhưng trong đó chị còn có thể cử động, lá hét, chối từ. Chối từ kể cả Ba. Chị vội vã đứng dậy, quay lưng lại thứ ánh trắng níu kéo, tê liệt. Chưa bước tới bực cửa, vải quần lớp nhớp dán dính dính vào da làm chị dừng lại nghe ngóng : cảm giác như nhớp thật rõ rệt, nhắc nhở Ba, mùi thuốc khét và nổi rằn buộc vào kẻ khác. Hình như một giòng chắt lỏng, nhiều giòng đặt sệt bò dài trên người, phủ từng vết như nhớp, thứ như nhớp làm chị không còn muốn nghĩ muốn làm gì ngoài hơn là gục xuống, buông thả tứ chi chiều đón những cái không tránh được, không tẩy xoá được của một vết chàm in hằn trong quá khứ. Thử vùng ra kháng cự, lằm vào bóng tối vườn miá bụi chuối, liệu rồi ích chi hơn là kéo dài nỗi chờ đợi thêm

một ngày. Đêm mai, trời tối chưa tàn điệu thuốc Ba hút sau bữa cơm chiều, Hải và quyền lực ấy trở lại như thể vững chãi nguyên vẹn. Cả khoảng không gian Tiá xông vào Hải đấm đá túi bụi ven sông bùng sáng lên, chị nhắm mắt lại thở dài. Từ buổi đó, Hải đi vào bóng đêm và trở thành quyền lực âm thầm có những lời nói dịu ngọt nhưng sắc lạnh đến ghê người, Tiá trở về trong vùng quyền lực của ban ngày, của gã trưởng đồn dân vệ gườm gườm lẫn những tiếng la thảm thiết của ai đó, của chị, của những giấy tờ, những đoàn xe chạy ầm ỉ trên lộ, những trái hoá châu sáng loà át ánh trăng và những viên đại bác rớt ầm ỉ rung chuyển mặt đất. Chị đã không hề chọn lựa chi hết, không biết mình còn có quyền chọn lựa nữa hay không. Chị ở yên với ngày đêm theo nhau qua, đề sống và sợ sệt, đề chịu cuộc đời mình dù nó tới dưới nỗi đau đớn liên tiếp khi những gã trong đồn gườm gườm xáp lại hay nổi rã rời, mất mát tứ chi trên lá khô khi Hải trở lại quều quào sức mạnh và ham muốn... Ba đâu, Ba ở đâu... Chị mở mắt thật chậm, Ba đang đào đường đắp mô trong bóng tối bóng trắng và mồ hôi tằm tã, Ba đang phá mô san đường trong ánh nắng chói gắt và mồ hôi tằm tã. Ba ở đây ngay bên cạnh, Ba ở đâu ngoài xa, cũng đến vậy mà thôi, Ba không là gì cả không là gì hết trong ánh sáng và bóng tối. Ba và những người như Ba như chị là của lúc nhá nhem là của một khoảng khắc ngủ với nhau vội vàng ngắn như thứ sung sướng ấy của cơ thể. Chị đột nhiên lắng nghe, hình như đứa nhỏ vừa khóc trong nhà. Không phải, nó chỉ cựa mình ú ớ rồi im. Có tiếng một con muỗi từ trong nhà bay vụt qua tai, chỉ nghe rõ tiếng vi vu ngắn của đôi cánh vô hình đồng thời với một quyết định giản dị: đi tắm cho sạch, thay quần áo mới, đợi Ba về cùng bàn. Phải chọn lựa, chọn lựa đi là hơn, đi bằng qua sông vào sâu trong khu, vùng quyền lực của bóng tối, nơi chị có thể nhìn thẳng Hải, gạt những bàn tay rờ rẫm sang một bên. Hay bằng con cùng Ba bỏ xã lên tỉnh, vào hẳn vùng quyền lực ban ngày nơi chị có thể đùa rỡ với nỗi thèm muốn của Tiá của nhiều người, không e ngại. Còn có những đôi mắt gườm gườm sát lại gần... Phải đi tắm đã, những giòng đặc sệt hình như bò rì rầm trên bắp chân, nhớp nháp quện vải quần dán vào da thịt. Chị giơ tay giặt chiếc áo và chiếc quần phơi trên giây dưới mái hiên, băng qua sân đến vại nước. Chị co một chân lên, lấy hai ngón quắp chiếc quần vừa tụt ra thả vào chậu giặt, thoáng một chút xấu hổ khi nhìn thấy phần thẫm đen giữa thân mình. Một luồng gió từ phía lộ thổi tới làm ánh trăng như thành làn chất lỏng mỏng tanh và dịu mát trên da. Gáo nước đầu tiên lạnh buốt, chị dội dục dè cho cơ thể quen dần, nghe ngóng nước róc rách trong các khe ngách. Đột nhiên một niềm xấu hổ ở đâu tới làm chị cuốn quít kỳ cọ dù biết chắc rằng trong xã không còn một người đàn ông nào, chị dội liền ba gáo cho trời hết lớp bọt lấp lánh ánh trăng trên ngực thẳng cứng căng tức sữa. Phải cho thằng nhỏ bú gấp... Chị sỏ chân vào guốc, lại gần cọc móc quần áo lấy khăn bông lau những giọt nước đọng trên người. Một làn gió nhẹ phớt va vào lưng và một mùi thuốc lá âm ỉ phảng phất. Chị giặt mình vùng quay lại, rùng mình. Một người

đàn ông đứng dựa vào cây hương hút thuốc tự bao giờ, đầu lửa đỏ lập loè không đủ soi sáng khuôn mặt khuất ánh trăng dưới vành chiếc mũ, Người cứng ra bất động, Hải đẩy, hai tay buông xuôi theo chiếc khăn bông rủ một khối trắng trên đất, Hải trở về đứng kia tự bao giờ, chị không còn có thể làm một cử động nào dù chỉ là kéo chiếc khăn lên che vùng tủi hổ. Đốm lửa đỏ sáng loé lên rồi rớt xuống đất cùng chiếc mũ, người đàn ông rời cây hương tiến lại, bàn tay nóng bỏng rập sạt bám vào vai kéo lại. Bây giờ chị nhìn thấy rõ nét mặt người tình cũ, gầy guộc và khắc khổ, trong đôi mắt phản chiếu ánh trăng loáng lên thứ đam mê cuồng quít như của Tía, của Ba từng cử động của bàn tay bắt đầu lướt trên da lưng, dò xét, mạnh dần dần, bắt đầu lục lạo. Chị thốt lên : Đứng ! Cái gì đứng, còn có thể đứng được không, chị tuyệt vọng muốn oà lên khóc khi Hải rời xa vài bước tháo chiếc chiếu phơi vắt trên bụi cây và những giọt nước mắt nóng rớt trên da ngực khi người đàn ông đầy nằm xuống chiếc chiếu đã trải một nửa dưới bụi chuối lổm đổm từng vệt ánh trăng.

Vũ tháo nốt đầu võng thứ hai, vo tròn tất cả nhét vào túi đeo lưng. Toán inh đã thu xếp xong trong những tiếng thì thào thật khẽ. Chàng đeo túi lên lưng ngồi xuống thêm đất, lật ngửa mũ úp mặt vào chằm thuốc. Ra tiến lại :

— Đi hướng nào chuẩn úy ?

— Cho anh em ra sát lộ đợi tôi.

Những người lính bước khẽ men sát vách tường, cố ẩn mình dưới khoảng bóng tối ngắn do mái hiên tạo ra. Chái nhà bắt đầu hoang vắng, hiệu thính viên xòm cạnh máy, nhẩn nại chờ đợi, hai cánh tay đặt trên đầu gối ruỗi thẳng xuôi về phía trước. Hai người lính gác gác phía sau xuất hiện, lần mò kiểm túi đeo lưng dựng ở một góc cột. Vũ nghiêng người về hiệu thính viên :

— Báo cho họ biết mình bắt đầu di chuyển. Sẽ băng qua lộ.

Chàng đứng dậy, mở bi-đông đưa lên miệng uống một ngụm dài. Mặt lộ như không có một hạt bụi, chàng quì lên lắng nghe và quan sát một lần chót : không có gì ngoài các ngôi nhà tối đen, ánh trăng và cây cỏ. Chàng vẫy tay, tiểu đội một chồm lên, các khối đen lăn khuất bên kia bờ đất. Hoàn toàn im lìm ngoài một phảng phất âm thanh địch đào đường thật xa. Chàng vẫy tay, tiểu đội còn lại leo vội lên mặt lộ, chạy lao người về trước. Khi tới gần sát lên đường bên kia, một luồng gió đêm ướp mùi đồng nội ào tới làm chàng dừng lại trong một khoảng khắc, hút một hơi dài. Con buồn ngủ day dứt từ khi trời bắt đầu tối tan biên hẳn, chàng thoải mái và gần như vui vẻ khi cho quân đi sâu vào trong xã. Men theo bóng tối của mái hiên, của dặng cây, của bờ rào, đôi lúc xoạc chân bước qua một hàng rào quá cao, đôi khi dừng lại đứng im hay phân tán vào bờ bụi khi có tiếng động bất thường. Bóng tối, kiếm bóng tối, men theo bóng tối, chàng cố gắng giữ cho toán quân dừng quá xa

đừng quá gần con lộ mặt nhựa thẫm màu. Tiếng cuốc bõ vào mặt đường cứng, bắt đầu nghe rõ từng nhát, rồi tiếng người nói lao xao. Chàng giơ tay, toán quân đứng sững, tản mát vào các vũng tối chung quanh, khẩu trung liên thò một cái mũi ra ánh trắng rồi biến đi ngay. Trên lộ, đám người hỗn độn lập lờ đang như những con kiến đen bu quanh một cái mô đắp ngang đã cao gần đầu gối. Chàng ngồi dựa vào thân cây, muốn mỉm cười khi thấy đã ước tính đúng : địch không đặt một tổ báo động nào phía này. Ra bò tới sát cạnh :

— Tụi chúng làm ăn hung quá ta ! Kêu Pháo binh thụt cho chúng mấy trái cho chừa đi. Bọn mình được phép mà...

Vũ ngần ngại. Có quá nhiều đàn bà trong đám người kia. Nhưng Ra có lý của hẳn, bắn vài trái đạn nổ vào đúng cái đám đen đang lúi húi kia, có thể cả chục người dân tan xác nhưng có lợi từ đó về sau, dân sẽ có cơ đề từ chối với các cán bộ ẩn hiện về đêm. Dân sẽ có thể nói : « Đắp mô ! Lính ngụy chúng gọi phi phao túi bụi ngay ! » Một tiếng đàn bà cất lên cao vút, chàng lắng nghe nhưng không hiểu rõ câu nói, nhưng chú tâm ấy làm chàng hết ngần ngại : chàng sẽ không gọi pháo binh dù đề chỉ bắn trái khói hay chiếu sáng doạ nạt, cũng không gọi 81 của đồn. Chàng quyết định ngẩn ngủi, sẽ bò lại thực gần, lựa cho được vài tên cán bộ cho một băng, kèm vài trái lựu đạn ném xa xa, rồi rút: Đám đông người quần áo đen sẽ cuống quýt chạy ủa tứ phía, những con kiến đen bu quanh miếng đường bị bắt chợt lay động bởi một ngón tay của chàng hồi nhỏ. Vũ chợt nhận ra mình đang mỉm cười với một hình ảnh cũ và hình như thích thú với dự định sẽ làm. Ra trườn như một con thằn lằn không đuôi đầu ngóc lên khỏi bụi cây thấp ven con đường nhỏ. Cái đầu đội mũ sắt tròn nhô lên, cứng ngắc. Hẳn sẽ trở lại đây bây giờ, hẳn sẽ góp ý kiến và chàng chờ đợi cái giọng thì thảo quen thuộc trong bao đêm. Ý thức phải chờ đợi làm bàn tay tự động đưa lên túi áo lấy thuốc. Chàng ngồi bệt xuống cõ hai đầu gối giữ chiếc mũ, đưa bàn tay có bật lửa vào trong, bậm chặt môi kê đầu điều thuốc lên vành bật lửa, mắt theo dõi một đường cuốc sáng loáng trên mặt lộ. Ánh lửa vụt loé lên đồng thời với tiếng ma sát bị chìm trong tiếng cuốc va mặt nhựa. Chàng hút mạnh vài hơi liền, nhìn vệt đỏ từ một góc lan dần đầu điều thuốc trong lòng chiếc mũ. Giọng thì thảo quen thuộc đã cất lên :

— Chỉ có bốn tên mang cạc-bin hay Mas 36 quanh chỗ đắp mô. Xa hơn chung quanh thì không biết, chuẩn úy tính sao ?

Chàng im lặng cúi đầu vào lòng mũ, hút một hơi dài. Khi hẳn hỏi tính sao là hẳn sắp đề nghị, chàng chờ đợi.

— Đừng gọi pháo binh chuẩn úy. Nhỡ gặp phải gà chết nó câu đúng một trái nổ vào giữa cái đám kia, chết cả đồng ! Rồi mai dân kéo lên quận mít-tinh tùm lum thì mình kẹt.

— Anh quên Tư tướng Kinh kỳ cho phép bắn.

— Phép hay không phép cũng thế thôi. Cứ có mít-tinh khiêu nại là chuẩn úy lãnh cử. Lúc đó chẳng ông nào nhận đã ra cái lệnh đó đâu... Khẩu lệnh mà, lấy gì làm bằng...

Chàng lại cuối đầu vào trong mũ, hút một hơi dài và một lần nữa chờ đợi cái giọng thì thảo cũ kỹ.

— Tôi ở quân đội gần mười năm rồi chuẩn úy.

Giọng nói nhỏ hơn trước nhưng không chứa đựng mỉa mai hay chua xót. Nó chỉ là một nhận định một sự kiện. Thế thôi của kinh nghiệm của hơn mười năm quân ngũ. Chàng lẳng lẳng đưa cả mũ lẫn điều thuốc bên trong sang phía cái đầu tròn của con thăng lắn không đuôi. Mùi thuốc bốc lên, chàng cúi xuống toan nói nhưng vội ngừng khi bàn tay người hạ sĩ quan đập vội lên mũi giày. Một tiếng người đi nhẹ chân, chàng không kịp làm gì hơn là cầm khẩu súng lên, bóng người đã hiện ra ngay khúc quanh của con đường. Vòm lá cây che khuất ánh trăng làm chàng không nhìn thấy gì hơn là hình dạng một người mặc đồ đen, chàng tính toán rất nhanh, ngồi im phải ngồi im cho các đường nét lẩn vào bụi cây thấp chung quanh, hẳn sẽ không thấy hẳn sẽ đi qua. Nhưng bóng đen lại ngấp ngừng dừng lại mặt hướng về phía trước có quãng đường không lá cây đầy ánh trăng. Hẳn định làm gì đây, hẳn biết rồi chẳng, mũi súng đã hướng đúng chiều và ngón tay đặt hơi nặng lên cò. Bóng đen đứng hẳn lại quay về phía chàng, ngón tay toan xiết cò vội vụt buông ra khi thấy bóng đen không vũ khí và hai bàn tay vừa lắn xuống cặp quần vừa tiến lại. Con thăng lắn không đuôi bung người lên chụp lấy bóng đen vào lúc chàng nhận ra đó là một người đàn bà. Vài tiếng kêu ú ớ lọt qua kẽ ngón bàn tay Ra úp chặt, nhưng hai bàn chân vung lên đập thình thịch xuống đất. Chàng rút vội lưới lê, nhào nằm đè lên hai đùi, ép chặt cứng xuống đất, một khoảng trống nhỏ thoáng chiếu rõ đôi mắt sợ hãi. Lưới lê mùi sáng đưa lên trước đôi mắt mở lớn, người đàn bà vụt ngừng kháng cự. Giọng Ra nghe rõ từng tiếng :

— Nằm im nghe không... Chúng tôi chỉ giữ chị tới sáng mai là cùng cho khỏi lộ vị trí. Bảo im là im bảo gì làm nấy sẽ được về với chồng con. Số chị xui, đi tiêu không đúng chỗ... Năm! Kiểm cái giày mày.

— Hai binh sĩ đã trườn người tới. Chàng ngồi dậy dứt lưới lê vào bao, một bên tay còn hẳn cảm giác êm của chiếc đùi rộng ấm. Các tiếng động trên phía lộ vẫn nguyên vẹn, đàn kiến đen vẫn tiếp tục bu quanh miếng mồi, chàng yên tâm đặt súng dựa vào một bên vai, tìm cách châm điều thuốc mới. Một mùi khai nồng thoáng bốc lên đồng thời với ý thức một cảm giác ẩm ướt giữa một kẽ tay. Chàng tự dưng muốn cười lớn khi Ra trườn trở lại vị trí cũ, làu nhàu nho nhỏ :

— Mụ ta sợ quá đái đấm đià cả ra... Khai quá sức! Chuẩn úy cho mỗi điều thuốc.

(Còn tiếp)

THẾ UYÊN





# HÀNH QUYẾT

MILOVAN DJILAS (1)

NGUYỄN THU dịch

Gần như tối nào cũng vậy, tôi đến cơ quan chỉ huy đơn vị tôi, cách thành phố nhỏ bị chôn vùi dưới tuyết chín cây số, và không còn một liên lạc nào, trừ liên lạc với cuộc chiến tranh đang trở nên dữ dội trong nước và ngay ở đây, dù nằm trong một vùng dốc đứng, khí hậu lạnh buốt, xa làng xóm xa dân cư, người ta cũng phải chịu những sự thanh toán của cuộc chiến đó.

Trong khi thối lui trước sự tấn công của quân Đức, quân đội Cách mạng đã tiến vào vùng chiếm đóng của quân Ý và đã đánh đuổi ra khỏi thành phố cả một đồn lính không đông lắm mà cũng không dũng cảm. Chủ tâm của quân đội Cách mạng là ở lại trong vùng hoang dã này suốt mùa đông giữa đám dân cư đang lo lắng để lấy lại sức lực và, qua mùa xuân, chiếm lại phần đất đã mất. Nhưng nếu quân đội Đức chỉ cần quét sạch vùng đất của họ thôi, thì bọn phản cách mạng nhờ vào sự bảo trợ của quân

Đức lại không làm thế: Đối với bọn này cũng như với quân cách mạng, những cuộc giao tranh chỉ chấm dứt với cái chết của họ hay với cái chết của kẻ địch.

Từ hai hay ba tuần nay, cơ quan chỉ huy của chúng tôi nhận được tin có một bọn phản cách mạng đang tập hợp ở hữu ngạn con sông. Con sông này, vốn chảy lách qua những khe núi, bây giờ tách rời những con người cùng một giòng máu, cùng một ngôn ngữ và cùng một quá khứ thành hai khối thù nghịch. Nhiều tin khác chú trọng đến những viện binh Ý trong thành phố kế cận. Và dân chúng trong các làng mạc và trong thành phố, như đã có thảo luận trước với nhau, biểu lộ một sự căm nín hằn học và một sự sợ hãi mơ hồ. Không ai biết được một điều gì chắc chắn cả, nhưng mọi người đều linh cảm một cuộc tấn công, quân đội bên kia sẽ tràn qua và một chủ quyền mới sẽ được thiết lập.

(1) LTS.— Xin xem tiểu sử của M. Djilas trên Bách Khoa số 157 (15-7-63).

Những cuộc đụng độ nhỏ đã diễn ra gần con sông. Mỗi ngày cơ quan chỉ huy của chúng tôi cho dời về phía thành phố nhỏ những thương binh, tất cả những vật dị kỳ, những người chen chúc ở cơ quan chỉ huy trong những lúc hưu chiến và vẫn làm phiền phức cho chúng tôi khi lui binh.

Cơ quan chỉ huy cũng giải quyết tất cả những gì không thể làm được lúc giao tranh và, dĩ nhiên là không làm được lúc lui binh : chôn những văn thư, những súng ống không có đạn đề dùng, ra những chỉ thị cho các chính trị viên, cung cấp tin tức hoạt động trong hậu cứ của địch và quyết định số phận của những tù binh và những kẻ tình nghi.

Ở cơ quan chỉ huy người ta cảm thấy là sự hồi hã và sự căng thẳng tăng lên từng ngày, từng giờ. Điều đó tôi thấy dường như do ở chỗ cơ quan nằm gần như trên vùng hành quân—trong chỗ khe hở của một giòng thác đổ từ những khe núi xuống một cánh đồng, ở gần sông. Cơ quan được đặt trong một ngôi nhà quét vôi trắng rộng rãi của một giáo viên bị xử bắn vài ngày trước đây, và bà mẹ, người vợ và ba đứa con của anh ta, bị dồn trong nhà bếp bằng gỗ nằm ngoài sân, nguyên rửa và mỗi lúc một tỏ ra hung hăng, thêm khát được trả thù.

Tối hôm đó, khi tôi đến, sự căng thẳng đó còn rõ rệt hơn : những loạt súng liên thanh không ngớt, mà người ta nghe được từ ngoài cánh rừng, đột nhiên dường như gần hơn và dữ dội hơn. Bà mẹ của người giáo viên kéo thẳng cháu từ trong bóng tối của túp lều ra và đóng sầm cửa lại, tựa như bà sợ rằng cái nhìn của tôi có trù ếm thẳng bé chằng. Anh lính canh cho tôi biết là những người trong cơ quan chỉ huy chưa trở về

và anh chạy giầy, Strakhinia, đang ở đằng sau nhà, gần thác nước, đang hoàn thành nhiệm vụ của y — y xử bắn một tên tử tội.

Chẳng biết làm gì cho đến lúc ban chỉ huy trở về, tôi đi ra sân, bảo anh tùy viên của tôi dẫn ngựa vào chuồng và tôi đi về phía lùm cây ở sau nhà, nơi Strakhinia đang thi hành án lệnh, như tôi vừa được biết. Tôi đã từng thấy một số những cuộc tàn sát và hành quyết, nên tôi làm như vậy vì bồn phận hơn là vì tò mò. Nhân rồi như thế, tôi chợt nghĩ ra là kẻ thù có thể dùng một vài lối hành quyết và chôn người của ta để tuyên truyền : Vậy nên cần phải kiểm chứng xem.

Từ xa, tôi đã thấy được hai người đàn ông giữa những cây trăn và cây liễu hiếm hoi và trụi lụi, đứng cách ngôi nhà chừng năm chục thước : Strakhinia và một tên dân quê.

Họ đứng gần thác nước tựa như việc tôi đến đã làm ngắt quãng họ trong một công việc tầm thường. Thoạt nhìn, chẳng có gì gọi ra những mối tương quan giữa một tên tử tội và người đao phủ của hắn. Sau đó tôi ngạc nhiên bởi vì hố chôn quá gần. Nhưng khi nhìn kỹ hơn, tôi nhận thấy rằng lùm cây rất hẹp, và lại được bao quanh bởi núi đồi lởm chởm đá và dốc đứng. Thật ra, chẳng có chỗ nào thuận tiện hơn và kín đáo hơn đối với một ngôi mộ.

Bù lại, tôi không thể khỏi lưu ý rằng hố chôn không được sâu lắm — chỉ gần đến đầu gối. Hơi phật ý, Strakhinia trả lời: «Dù sao tôi cũng sẽ không tự tay đào cho hắn một cái hố sâu hơn được : hắn bảo là hắn mệt, và hắn không muốn đào thêm nữa ; vậy thì cứ để hắn yên nghĩ ở cái độ sâu đó vì hắn muốn vậy.

«Vả lại, tôi còn phải làm việc khác : còn ba tên khác đang đợi tôi đem lại cho chúng sự yên nghỉ đây ». Tôi biết Strakhinia từ lâu và trường hợp tên dân quê này tôi cũng chẳng lạ lòng gì.

Strakhinia chưa quá mười tám tuổi nhưng vẻ mặt hẳn còn trẻ hơn nữa : gần như là vẻ mặt của một thằng bé con. Sinh đẻ ở tại làng, lúc mười bốn tuổi hẳn làm việc trong mỏ và vì trong quân đội cách mạng những thợ thuyền không được đông lắm, nên hẳn thích nhắc lại nghề nghiệp của mình. Tóc vàng, má hơi bầu, lưng dày dặn, chắc hẳn hẳn được những thiếu nữ trong làng hẳn hay trong giới thợ thuyền thích lắm, cũng như hẳn rất được lòng anh em trong đơn vị hẳn nhờ sự chất phác và sự thân mật ân cần của hẳn. Bởi lòng can đảm và sự lanh lợi của hẳn, hẳn được cử làm việc chạy giấy và đến giờ vẫn làm việc đó, mà cũng được giao thêm việc hành quyết những kẻ mà cơ quan chỉ huy đã kết án tử hình. Chính hẳn đứng ra đề nghị xin làm cái công việc thứ hai này, công việc dần dần đã trở nên phận sự chính của hẳn không những vì án tử hình dồn dập nhiều hơn mà cũng vì kinh nghiệm quý báu của hẳn nữa.

Hẳn xác nhận hẳn làm công việc đó một cách vui thú, để trả thù những tên phản cách mạng, những tên này trong những ngày đầu cuộc nổi loạn đã đem nó ra đánh những trận đòn nện thân. Có thể đúng như vậy. Nhưng hiển nhiên đó không phải hoàn toàn sự thật. Trái với những thợ thuyền khác, Strakhinia không biểu lộ một sự say mê sách vở và học tập, hay đúng hơn là say mê cái mà người ta gọi là giáo dục tư tưởng. Việc xử bắn những tên phản cách mạng là một phương tiện hay để cho người khác thấy

rõ lòng nhiệt thành tuyệt đối của hẳn đối với cách mạng. Đó là một lối xác nhận, trước chính hẳn và trước những kẻ khác, của một cái tôi mà Strakhinia đặt biệt mến yêu và muốn đem làm nổi bật lên. Nhưng có điều không chối cãi được, là hẳn không thuộc hạng người lấy việc giết chóc làm một sự thích thú, dù cùng với một vẻ cương quyết lạnh lùng, hẳn vẫn pha lẫn vào công việc giết chóc đó một sự thù hẳn say mê.

Dù sao, cũng phải có một người gánh vác thứ công việc này và Strakhinia đã miệt mài trong công việc mà không hề tự chế.

Nếu công việc đó không thể tránh được, thì nó cũng không kém đặc biệt, và ở cơ quan chỉ huy cũng như chung quanh hẳn mọi người đều biết như vậy. Bởi vì hẳn vào một kẻ thù không trông thấy được hay không có mặt và ngay đến ném bom trên các thành phố, khác hẳn giết một con người cụ thể, với người đó nảy sinh ra những mối tương quan nhân loại không tránh được, và những tập quán, những quan niệm, diện mạo và thái độ của người đó bắt buộc ta nghĩ đến số phận của chính mình. Bởi lý do đó, Strakhinia được chung quanh ngưỡng mộ và trong sự ngưỡng mộ đó có pha lẫn một cái gì khó chịu. Bên ngoài có vẻ thản nhiên, hẳn lấy làm thích thú được cảm phục cũng như chịu đựng sự khó chịu của người khác, và với một sự ngây ngô trẻ con hẳn bắt cần đến những kẻ tỏ vẻ ghê tởm đối với công việc hẳn làm.

Còn về tên dân quê, một toán lính tuần đã bắt hẳn mười lăm ngày trước và các chiến sĩ của ngôi làng bên cạnh làng hẳn đã xác nhận hẳn là anh rể của một viên thiếu tá phản

cách mạng. Chẳng có gì khác nữa chứng điều đó và chính hẳn ta cũng chẳng nhìn nhận gì cả, và khai rằng hẳn đến khu vực cách mạng bởi vì ở đây thuốc hút rẻ hơn trong làng hẳn. Nhưng hẳn ta có thể kể lại cho bọn phản cách mạng những gì hẳn đã thấy và hiểu được. Thế mà, những gì hẳn thấy và hiểu được, lại chỉ có mình hẳn mới biết thôi. Vậy nên hẳn phải bị hành quyết, vì không ai có quyền liều mạng vô cơ với đời sống của những tên phản cách mạng được.

Hẳn là một người đàn ông năm mươi tuổi, thân hình vạm vỡ, đầu to bù xù, đầy râu tóc và dơ bẩn.

Thật là lạ lùng khi thấy hẳn rất ngoan ngoãn vâng lời và răm rắp làm theo những gì Strakhinia ra lệnh về cái chết của hẳn. Ban đầu, tôi sợ rằng tên dân quê to lớn đó, vì không bị trói, có thể nhảy bỏ vào Strakhinia, và tôi đã ngạc nhiên thấy hẳn không toan bỏ trốn. Thật tình là hôm đó trời sáng rõ: trên trời có mây, nhưng trăng vẫn lên và cả vùng chập chờn trong đêm xanh phủ xuống. Tuyết dày đặc. Strakhinia, vẫn nhỏ người, và mang giày ống, có thể chạy chậm hơn. Con sông lại ở gần đó, và sang bên kia bờ, là anh dân quê sống. Nhưng giống như phần đông những tử tội, hẳn như bị tê liệt. Thật vậy, rất hiếm khi có những kẻ bỏ trốn — rất hiếm có những kẻ nổi dậy chống quyền uy và một sức mạnh có tổ chức. Và ngay những kẻ trốn cũng chỉ trốn vì không chịu nổi sự chờ đợi cái chết hơn là vì thèm khát được sống.

Nhưng có lẽ có một cái gì mạnh hơn tất cả những thứ khác đã làm tên dân quê tê liệt. Đó là sự tự tin trong

hành động của Strakhinia: những cử động bình tĩnh, những lời nói chậm rãi, thân mình cực kịch, và, ngoài ra hẳn lại còn trầm lặng và thân mật.

Trong sự thân mật đó hiện rõ mới đây ràng buộc không tránh được giữa Strakhinia và nạn nhân của y, do ở chỗ họ cùng phải làm chung một công việc.

Tôi chẳng thấy nơi tên dân quê một tia hy vọng nào khi tôi đến. Còn Strakhinia, y cũng không tưởng tượng được rằng có thể tôi cho hoãn lại việc thi hành án lệnh.

Sau khi trả lời câu nói của tôi lưu ý về chiều sâu của hố chôn, hẳn nói với tên dân quê như đang bàn về một việc tầm thường:

— Ta nên nhanh tay lên một chút đi, bồ. Cả anh lẫn tôi đều không muốn làm chậm lại việc gì phải đến. Thế thì, anh vui lòng hãy cởi áo quần ra đi! Cái áo vét và cái quần của anh hãy còn tốt và đôi giày của anh còn mới và bằng da tốt đấy. Đem chôn hết dưới đất thì thật là phí trong lúc chiến sĩ của ta không có gì mặc.

Tên dân quê ngoan ngoãn tán thành tựa như hẳn ta vẫn chờ đợi việc này:

— Dĩ nhiên rồi, Strakhinia, dĩ nhiên rồi, người anh em, để nó mục đi thì thật là uổng.

Và hẳn bắt đầu cởi áo quần. Trước tiên hẳn lột cái áo vét và xếp cẩn thận, rồi để lên một đồng tuyết vấy đầy đất mới đào lên. Lòng ngực hẳn nở nang, ngực đầy lông, hai bên xương sườn thì lớn và nhô ra. Hẳn ta không than phiền cơn lạnh mà cũng chẳng run rẩy, dù trời lạnh đến làm cho cây phải nứt ra. Hẳn lột áo sơ mi và cũng rất cẩn

thận đem đề lên trên cái áo vét, rồi ngồi xuống trên bờ hố chôn và cởi giày ra. Hắn cầm giày giữa những ngón bên tay mặt và đem xếp chúng bên cạnh áo vét. Hắn do dự một lúc, nhưng khi thấy Strakhinia không nói gì, hắn tuốt luôn đôi tất và chuôi vào giày — chiếc tất bên phải trong chiếc giày phải, chiếc tất bên trái trong chiếc giày trái. Rồi sau đó hắn đứng dậy, ra khỏi hố chôn cởi quần, đem trải ra, xếp lại và đề trên đôi giày.

Hắn chỉ còn mặc quần cụt giữa đám tuyết lấm bùn.

— Strakhinia, xin người anh em đừng bắt tôi phải cởi quần cụt, đứng trước anh tôi mắc cỡ lắm và bị chôn mà không mặc được quần cụt thì trông chẳng được chút nào.

Strakhinia chấp thuận, dù y hơi giận khi nghe tên dân quê gọi mình là người anh em.

— Đừng gọi tôi là người anh em! Chúng ta chẳng bà con họ hàng gì cả! Còn về cái quần cụt, anh có thể cứ đề nguyên vậy; chúng tôi không có bắt cởi cả quần cụt đâu, vì như vậy là trái nguyên tắc.

Thật là khó xác định chữ "nguyên tắc" lúc đó đối với Strakhinia có nghĩa là gì. Chữ này thường được dùng, và lại rất thường được dùng trong từ ngữ cách mạng. Với chữ đó, người ta quyết định cái gì hữu ích về mặt chính trị và cái gì không hữu ích. Nhưng, đối với Strakhinia, chữ đó còn muốn nói lên một cái gì nữa. Trường hợp này, việc cởi bỏ chiếc quần cụt không hợp với những điều lệ, được viết ra hay không được viết ra, hiện hành trong quân đội, trong cơ quan chỉ huy và cả trong chức vụ của hắn. Chữ đó cũng gọi ra cái gia tài sót

lại của một thói quen trong dân chúng, cho rằng chôn một kẻ trần truồng là không nên và cũng không đúng.

Rút một khẩu súng lục từ túi quần sau ra, Strakhinia đề bàn tay trái lên vai tên dân quê và tìm cách đặt hắn trong một thế đứng thích ứng, vừa nói với hắn, vẫn cùng giọng nói như trước.

— Anh đứng đây này! Không phải vậy! đây này! được rồi đó!

Bàn tay vẫn còn đề trên vai tên dân quê, y bắt tên này đứng trên bờ hố chôn và giải thích cho tôi:

— Từ đây, đồng chí thấy không, hắn sẽ ngã ngay xuống hố chôn và tôi khỏi phải sửa hắn lại nữa.

Nhưng, tựa như hắn bắt đầu ý thức được trở lại, người dân quê rên rỉ. Miệng hắn đen, râu ria phủ đầy.

— Ôi! gia đình tôi! vợ ơi! con ơi! ôi! ruộng vườn của tôi!

Lời than thở của hắn nhắc tôi nhớ lại cuộc sống đốn đau của những dân quê, cuộc chiến đấu cho ruộng vườn và con cháu họ và tôi thấy thương cho hắn. Tôi có thể ra lệnh Strakhinia hoãn việc hành quyết, và đòi hỏi cơ quan chỉ huy xét lại trường hợp tên dân quê này. Nhưng nếu ý nghĩ đó mà đến với tôi là tôi phải gạt nó ra liền. Bởi vì một sự can thiệp còn con đề giúp kẻ thù — và tên dân quê ở trong số đó, không còn chối cãi gì nữa — trong những trường hợp đó, chỉ có thể làm suy yếu lòng hăng say chiến đấu và sự nhất trí trong quân đội cách mạng. Và hơn nữa rồi Strakhinia sẽ nghĩ ra sao?

Một thái độ như vậy, hiển nhiên là y không hề nghĩ đến được.

Vẫn đề nguyên tay trên vai tên dân quê, y đưa súng lên cao ngang trán và, với một sự đột ngột làm cả tôi lẫn tên dân quê đều kinh ngạc, hắn bóp cò. Tên dân quê ngã dài sóng sượt trong hố chôn. Hắn dẩy dựa quần quai và thở hắt ra. Strakhinia đề súng lại vào túi, cầm một cái xẻng và bắt đầu đua đất xuống hố chôn.

— Anh ta còn sống mà ! Tôi la lên, vì không nín được nữa.

Strakhinia dừng tay lại và giải thích với tôi :

— Hắn còn sống, vâng, hắn còn sống đấy ! Tôi đã tập bắn giữ a hai con mắt nhưng hơi thấp hơn một tí cho viên đạn xuyên qua phía dưới óc và không giết hắn chết liền, mà chỉ làm hắn chết dần. Cái thứ chó đẻ đó phải bắt nó cảm thấy cái chết mới được ! Cái chết nó, còn là gì nếu hắn ta không cảm thấy được ? Và bây giờ đây, hắn vừa tiếp tục nói vừa cầm cái xẻng tôi lên, chôn sống hắn, như vậy hắn mới cảm thấy được mình chết như thế nào, và phải chết như thế nào.

Tôi còn làm gì được bây giờ ?

Tức giận, tôi rút súng lục ra và hầu như chẳng cần nhắm, tôi bắn vào tên dân quê, tôi không còn biết đã bắn mấy phát, nhưng tôi đã bắn cho đến lúc tên dân quê dưới hố không còn thở hắt và quần quai nữa.

Strakhinia nhận xét :

— Ta phải tiết kiệm đạn chứ. Còn tên cướp kia — cho đến bây giờ y chưa hề chửi hắn ta mà lại gọi hắn là anh, là bạn — chắc hắn đang cảm thấy cái chết rồi đó. Cái chết đối với một tên cướp

có là gì đâu ; nếu hắn ta không cảm thấy được ? Đúng vậy, phải để cho nó cảm thấy được cái chết của nó !

Tôi thay bằng đạn cây súng lục của tôi, bỏ lại vào vỏ và chẳng nói một lời, đi về phía cờ quan chỉ huy.

Tôi biết rõ thứ tình cảm đã đè nén tôi trước sự hấp hối và những vụ hành quyết — tất cả điều biến mất, ngay cả những âm thanh, trừ cái chết của con người và những gì liên quan đến nó. Nhưng tối hôm đó, tất cả đã diễn ra tựa như thứ tình cảm đó không có, cho đến lúc ra khỏi lùm cây, tôi đi vào khu rừng thưa cạnh ngôi nhà. Tôi nhận thấy khẩu liên thanh không nhả đạn nữa và dòng sông, bị những tảng nước đá đóng băng chặn lại, đang âm ỉ rì rào. Ngôi nhà, một cây rom và những cọc đóng dài theo con đường mòn lấp lánh một màu xanh.

NGUYỄN THU

## SÁCH MỚI

*Bách Khoa vừa nhận được :*

— **Thế Phong nhà văn tác phẩm cuộc đời tự-sự kể của Thế Phong do Đại-Nam Văn-Hiến xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 90 trang, giá 80 đ.**

— **Việt-nam vùng trời lửa đạn, tập thơ của Thế-Phong, do Đại-Nam Văn-Hiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo hai mặt, khổ 20 x 26, dày 53 trang, gồm 5 bài thơ dài, giá 70 đ.**

— **Sương Tỳ Hải và Mùi hương xuân sắc (phụ bản) của Bùi-Giáng do tác giả gửi tặng. Sách dày 16 trang, giá 10 đ.**

## ngày đen của lính

Chị Nhàn vịn nhỏ chiếc ra-đi-ô lại, hỏi Toàn:

— Bây giờ em đi đâu nữa đố ? Ở nhà ăn cơm đã.

— Em ăn cơm nhà thẳng trưa nay. Chị khỏi đề phần.

Chị Nhàn không vừa ý :

— Cứ đi mãi. Ai tới hỏi thăm cũng không có mầy ở nhà.

Toàn không nói gì, gài cặp kính trắng lên mắt rồi đi ra cửa.

Chị Nhàn thấy em mình có gì khác. Đi lính về, được nghỉ phép một tuần lễ, ngày nào Toàn cũng đi suốt ngày ấy. Mai này nó lại ra đơn vị, hôm nay nó vẫn cứ đi chơi, bỏ cả cơm nước. Toàn ít kể chuyện gì cho chị Nhàn nghe. Tính nó vẫn phớt như thế, hồi chưa đi lính cũng vậy-chị có hỏi đi lính có khổ không thì Toàn chỉ nói là cũng khổ chứ chị. Như vậy rồi im luôn. Một năm trời chị được hai cái thư của Toàn. Một cái xin tiền may thêm một bộ đồ trận. Một cái bảo chị bán cây đèn điện mà gửi tiền vào. Chỉ vậy thôi. Chị Nhàn không hiểu được tại sao em mình nó lại đơn giản như thế.

Chị Nhàn mở tủ, lôi cái «xắc ma ranh» của Toàn ra. Chị muốn sắp đặt đồ đạc trong xắc cho em. Hai bộ đồ trận nhàu nhè, còn ẩm mồ. Một túi đựng gạo đứt cả hàng chỉ. Chị nhủ thăm thẳm gì mà cầu thả. Ở dưới đáy xắc lèo quèo mấy cuốn tiểu thuyết của Lê văn Trương và một cuốn sô. A, cuốn nhật ký, Không biết cái thằng Toàn phớt ăng-lê đó nó viết cái ngữ gì. Coi vậy mà cũng bày đặc nhật-ky nữa. Chị cầm sô lại nằm trên giường mở ra xem.

oOo

— Ngày thứ tư

Sáng dậy sớm. Cười nói ồn ào. Tụi nó ham lính. Đi lính buồn thấy mẹ. Tập hợp chờ xe đưa lên trường. Một đứa làm mất mũ. Đậu tiền lại dền cho trại nhập ngũ. 4 chiếc GMC chờ trước trại. Lên xe. Buổi sáng mát quá. Thằng Tuấn,

thằng Hồng Em khoái quá, la lên khú khí. Gặp con gái tụi nó kêu. Gặp cảnh sát ở các ngã tư, tụi nó hét, tay chỉ vào mặt. Ê cảnh sát trốn quân dịch. Mấy anh cảnh ngó lên xe, cười tình. Xe ra khỏi thành phố, gió mát lồng lộng. Hai đứa nữ quân nhân đèo nhau trên chiếc vélo. Ngoái lại thấy hai mông tròn lẳng, săn chắc. Xe ngoẹo vào Chợ Nhỏ, vào trường. Trên mặt đồi. Rộng thênh thang. Hai hàng thông hai bên vô trường. Nhớ Đalat. Hiên ơi! Anh đang sống trong khung-trời-của-em.

Trưa tập họp đi ăn cơm. Nước canh bí đao lạt nhách. Thịt ca-ri xào khoai. Thịt gì cứng ngắt. Nhai hoài chả thấy nát. Nhả trên bàn. Chan nước canh ăn với khoai ca ri. Đói nên ăn cũng ngon ba giờ chiều đi lãnh quân trang. Trời mưa dầm. Lãnh đủ cả. Lãnh đồ trận, lãnh giày boots đờ xô, thấy nặng nặng mà chưa ớn. Đến lúc phát chiếc nón sắt hai lớp. Buồn chi lạ, Ngó ra rừng. Cây lá mênh-mông, thăm thăm. Rờ tay lên nón sắt. Nó nham nhám. Một viên đạn trượt lên nón, hay chạy thẳng vào đầu luôn? Ớn cả người. Đội lên đầu thử coi. Nặng trĩch. Móp đầu như chơi. Tự nhiên nhớ tới chị thật nhiều.

Mang về phòng. Nặng quá. Mồ hôi ướt cả áo. Liệng đồ trên giường. Nằm thờ, Ngó qua giường bên. Thằng Thiệu xỏ đồ ra mặc rồi lấy dao lam cắt những đoạn chỉ lòng thông. Cũng ngồi dậy mặc đồ thử coi vừa không. Thấy nặng nặng Đồ mới, thơm thơm. Còn bộ đồ vàng thì rộng thênh thang.

Đến tối thì ai nấy đã là lính. Tập họp nơi sân đại đội. Giải tán. Tụi thằng Hai Râu rũ đi câu lạc bộ xem vô tuyến truyền hình. Mệt về phòng treo mũng ngũ phức.

— Ngày thứ năm.

Tụi nó đã 5 giờ thức dậy. Thằng Sâm nằm bên lay tay mình: « Toàn. giầy mảy. Tụi đó đã mặc đồ và mang giày boots-đờ-xô, som-tụ ghê».

Hất tay sâm ra: « Ngủ tí nữa mầy ơi. Mới vào, giầy sớm làm dểch gì ». Đắp cái mền tro ngang bụng cho ấm. Thôi thức giầy cho rồi. Tụi nó ồn quá chừng. Đôi giày mang cả đời lâu mới lợt hai bàn chân. Giầy mới mang đau quá. Tập họp. Đại úy đại đội trưởng hỏi anh nào có gì thắc mắc cứ hỏi. Thằng Động mặt đen, cao lớn, đưa tay: Thừa đại úy, như bây giờ em muốn cưới vợ thì làm thế nào? Cười ò lên một lúc. Về phòng thằng Sâm chọc nó: Động à, bà xã tao kẹt khách, không tao nhường cho mầy.

Tập họp đi ăn cơm. Thằng Hai Râu là trung sĩ cựu nhân, cứ dạn dò: Trong hàng nói chuyện, coi chừng hít đất. Kệ cũng như tập thể dục — ờ, hai chục cái bôm là muốn tẻ phở.

Ăn xong nhớ hút thuốc mau. Ra khỏi căn phòng dục thuốc. Cái nón tập dịch nhét vào áo trước ngực, ăn xong chụp lên đầu ngay. Trở về phòng, bữa nào cũng gặp mấy tụi học khóa trước, khen: Mới vào trông trắng-trẻo-đẹp trai-yêu đời, áo quần thơm quá ta.

Tối trời mưa. Mặc áo mưa để đi coi xi nê. 180 đứa giống nhau. Đoàn người



dơi, Đoàn phù thủy. Vào phòng lột áo mưa để trên bàn. Thọt nón vào ngực. Có quyền xài chữ nghĩa của Hồ xuân Hương. Trở về xung quanh nhập nhòa bóng tối. Không sợ ma. Ma đứng hạng chót trong đời cầm súng. Tưởng tượng một cuộc giao tranh với kẻ địch.

— Ngày thứ sáu.

Nước lạnh xối lên đầu trọc mát ghê. Cái khăn long lau sơ là xong. Khởi phải chải ngược, chải xuôi ngắm nghía. Một tên bên trung đội kia báo cáo quân số: « Tổng số bốn mươi lem. Vén nem có lý do đi uống cà phê ». Viên sĩ quan nín cười: « Đi uống cà phê mà có lý do à. Anh phải đi kêu họ về chớ ».

7 giờ tối vào quán tạp hoá. Mua thêm hai khoanh giấy thun đeo ở ống chân. Để nhét quần vào. Thấy thằng Sâm đi ngủ cũng để nguyên hai khoanh ấy ở cổ chân. Giống như hai chiếc còng. Thấy kỳ. Sau cũng bắt chước như nó. Tiện và gọn.

Nằm trên ghế dựa của tiệm nghe radio. Ngực con nhỏ bán hàng căng phồng. Nghe xa vắng một lời mời gọi. Buồn lên thật cao vút rồi lắng dịu xuống. Về phòng biên thư cho Hiền:

— Ở đây anh thấy mình cô đơn và tủi thân đến mức độ cuối cùng. Cũng chỉ vì anh đã nghĩ rằng anh không muốn làm con tốt để người kéo qua sông Em Hiền, có bao giờ em thương xót Việt-Nam này như thương xót một kẻ tàn tật?

Anh đã vào quân trường này, những ngày đầu ngỡ ngàng như chiếc thuyền được đưa xuống nước lần đầu. Em Hiền, chiếc thuyền ấy mới toanh, lúc đầu đi trên sông. Từ từ thuyền sẽ ra đến cửa sông mà vượt biển..

— Ngày thứ bảy.

Tụi nó cắt mình sáng nay ôm pông-xô tới phòng ăn lãnh bánh mì. Bánh mì ăn điềm tâm. Với hai trái chuối. Hoặc với 1 lát thịt ba tê. Khô quá ăn không vô. Mua thêm 1 tô bò bún hoặc 1 ly cà phê sữa.

Buổi trưa tụi nó ra khu tiếp tân cho người nhà lên. Một vài đũa nằm ngủ thật ngon. Thằng Lâm gây lộn với thằng Xuân Bàu. Nó chưởi: « Đ. mẹ thằng nào chịu chơi leo lên đầu tao cũng không buồn. » Chẳng có ai thăm, nhưng cũng chạy ra khu tiếp tân đứng ngó. Đề ý một đũa con gái từ lúc nó bước vào cổng. Nó quanh quẩn như chiếc L. 19 một đôi rồi bỏ ra về. Trên bãi cỏ cuối khu, rải rác từng cặp. Trai gái cũng có. Đàn ông đàn bà cũng có. Hôn hít hay tay chân ngọc nguậy thế nào thấy hết. Có lẽ lính đa tình.

Tối. Thằng Sâm mua 3 con mực khô nướng. Rũ vào Câu-lạc-bộ (nó gọi là Bộ lạc) nhậu. Mỗi đũa bốn chai 33. Trên máy vô tuyến truyền hình, Hoàng Oanh đang hát bài « Đêm dài chiến tuyến ». Cái mặt thằng Sâm ngơ ra. Minh thì buồn thấy mẹ. Tự nhiên buồn như nước lũ kéo về. Mới mặc đồ lính có mấy ngày mà buồn. Thấy choáng-váng nhưc đầu. Xung quanh ai cũng là lính. Tụi nó đang

nghĩ cái gì đó. Nghĩ tới cái lon sẽ đeo trên cổ áo? Cây mã tấu của Việt Cộng? Hay nghĩ tới ngày chiến cuộc xót xa này chấm dứt? Có đũa nào vì yêu nước, nghĩ rằng mình yêu nước; cảm giác yêu nước cháy bỏng trong lòng, mà vào quân trường này chẳng? Trong trận giặc oan-nghiệt này, kẻ cầm súng nào đã nuôi dưỡng thù không đội trời chung?

— Ngày thứ hai A.

Viên sĩ quan chọn 100 người ra võ trường làm lễ chào cờ rồi trở về phòng ăn nhắc ghế tới Đại giảng đường làm lễ khai giảng. Ăn cơm trưa xong thì vội vã về phòng chuẩn bị đi bài tập. Súng garant M 1 dây nịt đạn, dao găm, ghi-đông nước, ba-lô đựng áo mưa trên vai. Bãi tập phía sau trường, ngoài vòng đai. Buổi trưa nắng dội trên nón sắt. Mồ hôi chảy ròng ròng. Đi bộ tới vị trí. Ngồi nghỉ một hồi. Có đũa nằm trên cỏ ngủ, gối đầu lên ba lô nón sắt úp trên mặt. Từng cặp lính ngồi nói chuyện. Múc cam trong ba-lô ra ăn. Vừa ăn vừa móc thư thẳng Tần ra xem. Có đoạn: «Tao học ở quân trường ngoài này hơn một tháng. Quên đánh bài, quên con xi chuẩn. Nhưng lại ghiền con xi-bít. Ghiền đếch chịu được. Ở quân trường, mầy có đồ mồ hôi không?»

Có còi tập họp. Học bài nguy trang. Viên đại úy dận lấy lá nào lâu héo mà cắm vào người và còn dận lấy than đen bôi lên mặt. Tan hàng vào bụi tìm lá. Một chốc; đoàn người vượn bước ra. Lá găm trong dây nịt, găm trên ba lô; lá dính đầy lưới nón sắt.

Gần tối. Di chuyển vào trường. Về phòng tháo súng cất, hạ ba lô dao găm nón sắt vào tủ, Rồi tập họp trước sân đại đội để đi coi văn nghệ chào mừng toàn khóa mới. Hàng ghế đầu dành cho tướng, tá và úy. Phần sau là hàng hàng lớp lớp những cái đầu tóc mới cúp. Một cơ hội la hét, vỗ tay có một vũ điệu tây phương. Mười mấy đũa con gái chỉ mặc có tam giác và vòng tròn, Tụi nó uốn éo. Cái đùi chắc, cái bụng trắng, con mắt đưa tình khiêu khích. Thò hai ngón tay vào miệng thổi rét rét. Thổi rồi la, gần muốn khan tiếng. Tụi nó chồm lên, rần rần. Thăng Sâm chê: «Thôi lặn đi em. Mấy anh vào đây kẹt quá, bày đặt màn chi thế em».

Về phòng lăn lên giường nằm nghỉ. Đề nguyện đôi giày bố dính đầy bông cỏ may. Tụi nó ồn ồn bàn tán. Thăng hai Râu lại lên tiếng: «Thôi ghen mấy ông bạn. Tối giờ ngủ ghen. Khép bớt cái cửa mình lại đi.»

Muốn làm tên thất nghiệp lang thang? Hay muốn mặc đồ lính. Chọn cái nào? Nếu cuộc đời mày có chọn lựa và nếu cuộc đời mày không cần chọn lựa?

— Ngày thứ ba A :

Nằm trong mùng mở mắt ra. Căn phòng còn tối. Bên ngoài có tiếng súng rờ rạc. Lờ mờ những cái mùng nhà binh xanh màu lá. Màu áo cánh của Hiền cũng xanh như vậy. Có lẽ còn sớm. Trùm mền lại, ngủ thêm một tí nữa.

Thằng Sâm nằm bên ngoáy ngón tay vào bên hông, kêu : « Dậy, Toàn ». Phóng xuống giường, mặc đồ, mang giầy trước rồi mới đánh răng rửa mặt sau. Lỡ có còi tập họp, để mặt như như vậy cũng đặng. Chứ chạy 10 vòng thì mỏi lắm.

Chờ GMC đến đưa ra bãi. Hôm nay sẽ học bài « Quan sát và tìm dấu vết. »

Tập họp. Đứng thành hàng dài bla đời, quan sát phía dưới. Cầu tờ giấy, sẵn sàng viết đề làm tờ báo cáo. Mấy người lính đã được đặt sẵn phía dưới. Một trái khói màu đỏ. Ba người lính băng qua con đường nhỏ rồi núp sau lùm cây. Một chốc lại bắn súng. Súng gì. Ghi cho rõ. Garant hay carbine. Mấy giờ. Bắn để làm gì ? Chốc chốc lại có vài động tác, vài hình ảnh, ghi đầy cả giấy, Kháng lùn ngậm cây viết nguyền tử trong miệng, hỏi : « Làm cái gì thì làm một lúc đi mấy tướng ơi. Mỉc cỡ gì nữa mà núp lên hoài. » Hơi một giờ đứng quan sát. Thằng Năm Bọt trốn vào lùm bụi, ba lô gói đầu ngủ, súng ôm trên ngực. Viên Đại-úy cán-bộ tới kéo ra, bảo : « Anh bôm cho tôi 50 cái, ba lô đeo vai. » Đến cái thứ ba mươi, Năm Bọt nhẩn mặt, giống thằng Khòm ở nhà thờ Notre Dame.

Tối lại về bãi cây me gần trường đề tập quan sát đêm. Cột điện ngoài xa khiến muốn bỏ về thành phố. Hơn một tuần nay chỉ thấy súng, dao găm, gà-mèn, bông-xô và nghe toàn « chữ-nghĩa nhà binh. » Ba-Cận ngồi một bên thủ thủ : « Phải quên cái đời dân sự mới được mầy. Mình làm một nouveau départ chứ ! »

— Ngày thứ năm A.

Xe chở tới bãi rồi mà hai thằng nục đó vẫn còn cãi lộn. Thằng Loan đen : « như vậy hồng được. Biệt hiệu gì mà ông già háp, cho mượn cái khăn long với múc thau bạc nước là cái quái gì ? » Cả bọn lại được dịp xía vào.

Hai đứa con gái đi trên con đường đất đỏ của khu vườn cao su. Tụi Hai Râu kéo ra đứng ngó, đếm một hai ba bốn. Hai con nhỏ đi luyên quynh bước chân Hai Râu bảo Năm Bọt : « Nhà quê mà đẹp rõ dãi a. » Năm Bọt « Đẹp à la ba tẹp, ở Paris tao nói như vậy quen rồi, bây giờ lại nói tiếng tây, anh em đừng bảo tôi nói giốc nghe. « Vào đây chưa được bao nhiêu ngày mà mặt thằng nào cũng cứ ngơ cả ra. Thấy con gái, đẹp xấu không cần biết, đi trong hàng mà cứ ngó, cứ xăm xi. »

Gần 12 giờ trưa mà đại đội vẫn chưa xong 12 viên hội-tụ cho mỗi người. Lúc mình làm trợ-viên thì thường-thức cái nắng cháy da, gay-gắt như Trương Phi nóng tính. Tới phiên năm làm xạ-thủ thì mây kéo đen cả bãi tập. Mưa ào ào đổ xuống Bộ đồ ướt nhún, hai bàn chân mềm ra trong đôi tất. Cát dính đầy người. Kéo cần lên đạn hết muốn nổi. Bàn tay đã rát và mỏi. Mưa nện lộp độp trên nón sắt. Bắn xong 3 viên, năm úp mặt lên súng chờ lệnh chạy lên coi bia. Bóng đen thật to thật lớn, thật hời đọa. Tròn phậi thì bé nhỏ buồm khò. Việt-Nam

ở đâu, ở ngoài kia, ở trong này ? Việt-Nam cháy trong mưa. Việt-Nam trắng xương. Việt-Nam đỏ máu. Giọt nước mắt này xin nhỏ xuống cô đơn. Chốc nữa bắn xong chạy tìm Kháng lùn nghe nó kể chuyện Tiểu lâm. Để quên, để đừng nhớ cái gì nữa. Một lúc mười mấy chiếc trực-thăng lạch bạch trên đầu. Điếc cả con tay. Buổi trưa cơm xong, dựa gốc cây cao su, ôm cây súng trong mình ngủ. Con vợ Garant hôm nay cát bám đầy. Cát lèm nhèm trong ô cơ bằm, ở sát đầu ruồi. Tối về mặc sức mà lau. Con mắt cay và đắng. Trời lại đổ mưa xuống. Tháo Pông xô ra trùm người lại rồi ngủ tiếp. Hiền trở về trong giấc ngủ. Hiền kêu mình rồi bỏ chạy. Rượt theo. Tối bờ sông, Hiền ngoắt tay rữ mình chạy mau lên. Con sông nước sôi sùng sục, khói ngun ngút bốc lên, mùi hôi tanh nồng nặc muốn xiêu. Hiền chạy phăng-phăng trên cầu tre. Gió thổi ngược hai vạt áo dài màu đọt chuối của Hiền. . .

Còi tập hợp ilet rét bên tai. Mở mắt ra thấy trời đã tạnh. Lột bông-xô nhét vào ba-lô. Xung quanh cây lá xanh thẫm. Khung trời còn lạnh vắng những khóm mây đen, hình thù quái dị. Giấc mơ kéo Hiền trôi xa, trôi xa.

Tập mép bắn rồi xung phong. Một tổp khoảng 12 người cầm súng tiến lên rồi nằm dài sau gốc cây cao su. Bắn bằng đạn mả tử. Xong chồm dậy, cầm súng vừa chạy về phía trước vừa hô xung phong. Tụi nó hô xung phong thiệt lớn. Nhất là Kháng lùn, nó hét : « Bén phèng phèng anh em, khà khà, xung phang, xung phang. » Mình thì ngại cái miệng quá, như ngại phải nói láo, nên chỉ hét : Ô, ố, ô...

Huấn luyện viên nghe thế, chạy lại :

— Anh này la ố, ô là quái gì, tôi bảo các anh la xung phong chứ. — Thừa hò hét không quen ạ.

Tập xong, mệt thấy mẹ. Ngồi thở dốc. Buổi chiều ở bãi tập có cái gì buồn ngây-ngất. Nhớ nhà một chút, nhớ người yêu một chút. Bàn tay ngẫu nhiên sờ man trên báng súng. Báng súng trơn láng nhẵn nhụi, Hộp sắt cơ bằm và cần lên đạn thẫm sương chiều mát lạnh. Còn quê hương mình ? Gờ ghề những thương đau, lờm chờm những chướng tai gai mắt của tháng ngày ly loạn Ứp mặt vào hai cánh tay ngủ một đời. Thấy quê hương màu đen và nhà cửa sơn màu đỏ choé.

— Ngày thứ hai C :

Hôm nay học ở bãi xa. 8 giờ tối xe đến bãi rước về trường. Xe ngoành ra xa lộ, không dám đi trong rừng. Lúc leo lên xe, ngón tụi nó thúc mũi súng vào mặt. Mưa kinh khủng. Mưa đập trên nón sắt lạch cạch, bấp nồ trên chảo nóng. Mưa đập vào cổ, đau rất. Tụi nó hát « ngày ra đi tiền chẳng có xu nào. Ngày ra đi bỏ tẹo chờ mong ». Nhìn bên xa lộ coi có chiếc xe Huê Kỳ nào đang làm ăn không ? Mưa ướt mèm cả người. Tụi nó cứ hát, cứ hét như điên. Xe ngoành chợ Nhỏ, tụi nó càng hát, càng hét to hơn. Mấy đứa con gái ngồi trong quán nhìn ra cười. Còn trăm bạc trong túi, cho hôn một cái trã một trăm cũng còn rẻ đối với lúc này.

Xe phăng phăng vào cổng trường. Xung quanh trường tối om om. Về phòng vội-vả thay đồ rồi đọc thư của Học. Học bảo mình bây giờ là con của chánh-phủ

Chẳng phải như vậy. Khộng là con của ai hết ngoài con-của ba của má. Chánh phủ nào để con kỳ cục vậy.

Đợi chị gửi tiền vào gấp gấp. Cứ Mélia trắng hoải thì «Thao trường đồ mồ hôi» sao được. Bỏ mừng ngủ. Đặt tay lên trán. Nghĩ cái gì bây giờ. Một lứa tuổi đang ngã gục. Một lứa tuổi đang đứng lên. Một thể hệ đang cầu nguyện cho bầu trời trắng tung bay khắp nẻo đường đất nước. Mà có nên chờ đợi hay không? Nếu cuộc sống hôm nay cần chờ đợi và không cần chờ đợi.

— Ngày thứ sáu K.

Chiến-tranh là cái thứ chi mà bắt vác trung-liên muốn bầm cả vai. Chiến tranh tròn méo thế nào mà đêm đêm cứ ngồi kích mãi. Cái chàng chinh phu cười ngượng «thét roi cầu vị ào ào gió thu» của ngày xưa ấy có thêm hay không cái ngày chúa nhật ra phép của mình nhỉ.

oOo

Những tờ nhật ký sau chị Nhân nhìn không ra mặt chữ. Nước lem lờ loẹt, chữ mất chữ còn. Chị gập sỏ lại, để dưới đáy xác chị đem phơi hai bộ đồ trận còn ẩm mồ hôi, miệng lầm bầm : «Cầu trời phù hộ nó qua cơn khói lửa này.»

VU-ĐOÀI

## Màu vàng Đông phương

*Những đêm nào hỏa-châu vàng chiến cuộc  
 Ôm quê-hương mùi đất mẹ thơm nồng  
 Một mình anh giữa màu vàng nhức buốt  
 Giọt máu này trên phần đất núi sông  
 Tuổi chúng ta cơn mê dài vàng-vắt  
 Hai mươi năm hỏa-châu sáng chiến-trường  
 Trong đêm sâu da anh vàng bệnh tật  
 Ôi màu vàng đông-nam-á thảm thương  
 Thân thể chia đôi oằn đau đất nước  
 Tuổi thơ anh súng đạn với quân thù  
 Em võ-vàng khói lửa nồng mắt ướt  
 Thôn xóm vọng về nức-nở lời ru  
 Rồi đêm đêm đèn hỏa-châu nhỏ giọt  
 Soi sáng cây súng giữa khung trời  
 Anh gọi tên em thì-thầm dịu ngọt  
 Bài ca đầu tình-ái Việt-nam ơi!*

HUY-LỰC

(Trong « Năm tháng mù sương »)

# SINH HOẠT

## THỜI SỰ VĂN NGHỆ

### Lịch-sử ăn gỏi

Năm trước, một người đàn bà chung sống với Picasso đã viết sách phát giác về cuộc đời thân mật của nhà danh họa. Mới rồi, bác sĩ Lord Moran viết cuốn sách nữa đề phôi bày những yếu đuối thể xác và tinh thần trong hăm lăm năm trời của W. Churchill. Chuyện ái tình của Picasso được độc giả nghiên cứu rất kỹ. Chuyện ốm đau của Churchill bị phản đối kịch liệt: các y sĩ thì kêu rằng Lord Moran đã vi phạm luật lệ nghề nghiệp, tiết lộ bí mật thân chủ; con trai cố thủ tướng Anh thì cho rằng ông bác sĩ đã nhận định bất công về vị anh hùng. (Về chuyện này, A Maurois đã có ý kiến, hòa giải.)

Rồi André Malraux lại bị một người đàn bà đưa lên bần mỗ. Đó là người vợ cũ của ông: Clara Malraux.

Một người đàn bà khác là Françoise Giroud có ý kiến cho rằng những thứ hồi ký mà một người đàn bà viết về một người đàn ông từng chung sống với mình thường tiết lộ những điều rất ít tốt đẹp. F. Giroud nghĩ hiệp sĩ Bayard là kẻ may mắn, vì không có người vợ biết viết văn. Bayard vẫn được người đời xưng tụng là « Chevalier sans peur et

sans reproche » Thực ra trên đời không có người đàn ông không tì vết chỉ có những người đàn bà biết im lặng. Bà Bayard mà cất tiếng nói, thiên hạ sẽ thấy rằng ông Bayard cũng có những lúc nhu nhược.

Lại nhận xét về cái phong trào viết về các nhân vật lịch sử chưa kịp đi vào lịch sử, nghĩa là còn sống nhăn răng giữa đời, F. Giroud lại phát biểu; món Lịch sử xơi tươi xơi sống vẫn ngon hơn.

Đó là một món đang thịnh hành trong giới văn-học.

### Ca tụng thân xác

Thân thể con người thoát kỳ thủy Chúa nặn ra bằng đất sét...

Hai mươi thế kỷ sau khi Chúa ra đời, cái thân thể ấy được coi quý như đúc bằng vàng không bằng.

Tám thân của các minh tinh đều là những núi của, cái đó dĩ nhiên, không nói làm chi. Thân xác của mọi người bây giờ đều quý cả. Không phải chỉ có ông Nguyễn-văn-Trung đi ca tụng nó mà thôi đâu. Bên Tây khối người thông thái gần đây cũng ra sức suy tôn nó. Có mấy ông

đốc-tò đặt nhữn; nhau đề có về triết lý ra phết. Ông đốc tò Saramo đặt là : *khảo về ý nghĩa của thân xác* (Giới đốc-tò xưa nay vốn được tự do sờ nắn các thân xác, tha hồ tìm ra nhiều ý nghĩa.) Ông đốc-tò Berge thì đặt tiêu sách là *Người đàn bà và bộ mặt thân xác đàn bà* (*La femme et son visage corporel*). Bộ mặt của thân xác ? Nó nằm ở chỗ nào vậy ? Lại một ông-đốc tò nhiễm cái bệnh thích «nhận diện» đây rồi.) Còn nhớ — hình như là trong cuốn *Croisade sans croix* của A. Koestler — có một nhân vật nhìn cô tình nhân chưa kịp mặc đồ, và có cảm tưởng cả tấm thân ấy là một khuôn mặt ; trên khuôn mặt ấy hai cái vú là hai con mắt đang chăm chú nhìn lại mình. Nếu vú là đôi mắt thì lỗ mũi ở đâu ? Cái mồm ở chỗ nào, hả ông A. Koestler ? (Lời nhận diện ấy rất ư nguy hiểm)

Các ông đốc tò là người của khoa học. Các ông thích con số. Hỏi đàn ông có thích ngắm tấm thân lỏa lồ của mình chằng ? có 64% ông gật đầu. Hỏi đàn bà : có 36% bà gật đầu.

Hỏi đàn ông có cho rằng tấm thân mình là xem được hoặc là rất đẹp chằng : có 28% ông hài lòng. Hỏi đàn bà : có 63% bà thích ý.

Ta thấy ngay một chuyện là : Các bà không dám nhìn tới tấm thân mình, thế mà các bà lại vừa ý nó, lại «chịu» nó hơn các ông !

Lại hỏi các ông có nghĩ rằng thân thể mình gợi sự thèm muốn không : 16% ông đáp có. Hỏi các bà : 73% cho rằng đàn ông đang thèm mình !

Đưa ra bấy nhiêu con số có lẽ đủ chứng tỏ sự khiêm nhường của phái yếu. Bấy

giờ tạm biệt các con số, hãy đi vào chút ít lịch sử.

Hồi thời Trung-cổ, ở Âu-châu người ta ngoan đạo, chăm lo về đạo đức, về tinh thần, còn thân xác người ta coi nó rẻ lắm. Tới thời Phục-hưng, nó vẫn chưa đáng cho người quân tử bận tâm. Vua Henri IV khá hôi hám vì không được sạch sẽ. Các mỹ nữ xung quanh ngài cũng nặng mùi, cho nên phải xài rất nhiều nước hoa. Ông vua Mặt trời Louis XIV thì suốt đời chỉ tắm có một lần, mà lần ấy ngài bị cảm suýt vong mạng. Sau những sự việc như vậy, nhà hiền triết Montaigne bèn suy nghĩ sâu xa, và khuyên các độc giả nên tắm : không phải là vì lý do vệ sinh đâu nhá, ấy là vì cốt tránh mùi hôi hám. Như vậy chỉ nhằm cho được tao nhã. Lý do thuần tinh thần, cao quý thay.

Qua thế kỷ XVIII, người ta suy luận nghiên cứu mãi, mới vỡ lẽ ra rằng sức khỏe có ảnh hưởng tới hạnh phúc, Montesquieu chịu nhận rằng : linh hồn nó ở trong thân xác như con nhện nằm trong lưới nhện vậy. Bấy giờ, bèn chú ý đến thân xác.

Thế rồi tới thế kỷ thứ XX thì người ta chăm sóc từng sợi lông chân trở đi. Những thứ sách báo bày vẽ cách giữ gìn sửa sang thân xác xuất bản từ đầu thế kỷ tới giờ góp lại e còn dày hơn bộ *Tứ khố toàn thư* của Tàu.

### Đối thoại với Chúa.

Linh mục Dom Grégoir Lemercier ra cuốn sách, gọi là *Dialogues avec le Christ*. Dĩ nhiên đó là những cuộc đối thoại xuất sắc. Nhưng không phải vì linh mục chỉ xuất sắc vì đối thoại, sáng kiến độc đáo nhất của ông là cách tuyển chọn tu sĩ.

Số là linh mục trước có quen một nhà tu hành, gốc người Mexique. Cha Lemercier cũng sang Mexique điều khiển một tu viện ở Cuernavaca. Năm 1949, nhà tu hành nọ kéo một lũ đàn em đao búa tới phá tan tành tu viện của cha Lemercier. Sự việc xảy ra khiến cha Lemercier suy nghĩ về chân tướng các tu sĩ. Cha tìm ngay câu giải đáp trong kinh thánh Matthieu : « Có những hoạn nhân (eunuque, mang tật từ khi lọt lòng mẹ, có những kẻ khác bị người đời làm cho đến nỗi mang tật ấy, lại cũng có hạng tự ý là mra thế để được lên Nước Chúa. »

Nếu vì vậy thì chỉ có hạng cuối cùng này mới thực là dâng mình cho Chúa, ngoài ra có những hạng lầm tưởng mình được ơn Trên kêu gọi nhưng thật ra chỉ là vì thất bại trên trường đời hoặc là bị « bắt lực », thế thôi.

Cha Lemercier bèn quyết định chọn lựa, chỉ nhận vào tu-viện đúng cái hạng chân chính. Muốn phân biệt chân giả, cha dùng phương pháp phân-tâm học (nhưng Jung, như Freud). Dân chúng Cuernavaca xôn xao vì việc làm của cha. Người đời ai lại không muốn được phân tích xem chân tướng của mình ra sao, nhất là khi cuộc phân tích do cha Lemercier tổ chức được miễn-phi (tu viện có làm đồ thủ công đem ra bán để đài thọ tổn phí này). Bởi vậy người người kéo đến tu viện để được... phân-tích!

### Giải Nobel năm nay

Giải Nobel về Văn chương năm nay có năm ba điều đáng nói. Trong một số trước *Bách Khoa* đã nói tới việc chính phủ Do-thái mừng được giải trước khi giải thưởng quyết định.

Thế rồi, sau này lại biết thêm : chính phủ Do thái chỉ mừng có một người,

mà rồi có tới hai người Do-thái cùng trúng giải : Samuel Joseph Agnon, văn sĩ, 78 tuổi, và Nelly Sachs, thi sĩ, 75 tuổi.

Lâu nay giải văn chương Nobel thường chỉ chọn được có một người mỗi năm. Năm nay bỗng dưng các ông hàn Thụy-Điền chịu rằng trên thế giới có tới những hai văn tài cùng tuyệt diệu, không thể bỏ được bên nào. Và cả hai lại đều là Do-thái.

Thực ra, lý do nào đã khiến Viện hàn lâm Thụy-điền có quyết định ấy ? Có phải vì văn học Do-thái phong phú nhất trần gian thật chẳng ? Hay là vì phong trào chọn văn chương nhiều giải đã từ Việt Nam lan rộng tới Thụy điển ? Hay là vì các ông hàn Thụy-điền muốn chung bảnh, tỏ ra am hiểu thừa thãi về một nền văn học chưa được mấy ai chú ý tới ?

Quả thực vậy. Agnon với Sachs đều là những nhân vật xa lạ đối với quần chúng văn học. Nghe nói một vài tờ tạp chí văn học ở Việt-nam định ra số đặc biệt về Agnon đã đành bỏ ý định vì không tìm ra tài liệu. Tác phẩm của Agnon mới chỉ được dịch ra tiếng Pháp có một tập nhỏ (*Coutes de Jérusalem*). Ngoài ra ông viết bằng tiếng hébreu. Còn bà Sachs thì bà viết tiếng Đức.

Ngoài việc viết bằng tiếng Đức, Nelly Sachs còn thêm mấy đặc điểm này : bà sinh ra ở Đức, sống ở Thụy điển, và mang quốc tịch Thụy điển. Bà chỉ có cái gốc Do thái.

Còn về ông Agnon thì nghe nói — chỉ nghe nói thôi — đặc điểm của ông là : thích quái đản như Kafka, mô tả tình tình hết sức tinh tế, chính xác, và có giọng châm biếm.



### Thời mới, dạy nhau theo lối mới.

Những sự lợi ích vô biên của văn tự đến giữa thế kỷ thứ XX này người ta vẫn chưa khám phá ra đầy đủ. Thỉnh thoảng lại có một phát giác tân kỳ.

Thực vậy, xưa nay chỉ dùng sách vở để dạy nhau những kiến thức khoa học, triết học, dạy nhau về đạo đức v.v... Không ai ngờ sách vở còn dùng để dạy chửi rủa, tiện vô kể.

Mới rồi, ở Anh có ông Peter Wolfe in một cuốn tự điển gọi là *Insult dictionary*. Bản tiếng Anh dày 127 trang, bốn bản khác sắp ra đời bằng tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý và tiếng Y-pha-Nho.

Dường như loại tự-điển này không cố ý soạn cho học trò bỏ cặp mang đến trường, mà cốt nhằm vào các du khách. Du khách tới nước lạ thường bị cắt cổ, cần biết vài câu xúng đáng để cự nự cho

người bản xứ biết tay mà kiêng nể. Thí dụ, tự điển có tiên liệu trường hợp bạn vào một tiệm ăn, bị tính đắt tiền quá, bạn có thể mở sách ra để tìm ra một câu nói với chủ tiệm : "Tôi hỏi ông giá tiền bữa ăn của tôi chứ tôi có hỏi xem ngân sách quốc gia đâu".

Dẫu để cho học trò hay cho du khách thì tự điển ấy cũng nêu ra một nhu cầu hiểu biết rất mới mẻ của thời đại. Năm ba thế kỷ trước, mấy ai ham học món ấy ? Hiện giờ thì bản tiếng Anh vừa xuất bản đã bán được 50.000 cuốn.

Chúng ta tự hỏi : Tại sao lại không có ấn bản tiếng Việt nhỉ ? Các văn-nhân Giao-chỉ lâu lâu nổi nóng một phen, chạy tìm tự điển nghe đầu loạn cả lên. Giá nước Ăng-lê chịu gửi gấp qua mấy cuốn giúp nhau trong lúc khẩn cấp.

TRANG THIÊN

## TIN KHOA-HỌC

### ★ Trung-tâm Giáo-dục Y-khoa

Thế là kể từ 17-11-1966, Việt-nam đã có một trung tâm y khoa xứng đáng với danh nghĩa của nó.

Trường thuốc đã thành lập được 60 năm, khởi đầu ở Hà nội đặt ngay tại Viện Đại-Học, chung với các phân khoa khác. Lúc bấy giờ chỉ mới là trường Cao Đẳng Y khoa (école supérieure de médecine) sau đổi thành trường Đại-học Y-khoa, hợp chung với Dược-khoa, Nha-khoa sẽ thành một trường Đại-học hỗn hợp (Faculté mixte de médecine et de Pharmacie).

Vào khoảng sau 1945 ở Saigon cũng thiết lập một trường Y-khoa và hoạt

động mạnh mẽ vào khoảng kể từ năm 1952 trở đi.

Đến hội nghị Genève 1954, khoảng trên 300 sinh viên Đại-học Hà-nội di cư vào Nam, trong đó gần 200 sinh viên theo học Y khoa tại trường Y khoa Saigon.

Rồi một thời gian sau, hai trường Y khoa sát nhập làm một đặt tạm một số phòng học ở 28 đường Trần quí Cáp. Vấn đề tạm thời này kéo dài 12 năm.

Ngày nay đã có một trường sở chắc chắn, kiến trúc tối tân, tọa lạc trên một khu đất tám mẫu đường Hồng Bàng Với các phòng ốc rộng rãi, trang bị máy móc tối tân đầy đủ, Trung Tâm Giáo-dục Y-khoa này xứng đáng là một cơ sở giáo dục tối tân nhất Đông Nam Á.

### Y - KHOA

## ★ Bệnh viện Trưng Vương

Tên bệnh viện làm cho mọi người... nghĩ ngợi. Nhưng đến khi vào thăm bệnh viện, thì ai nấy cũng sẽ hiểu tại sao, vì bệnh viện này dành cho vợ các binh sĩ, (chưa thể tiếp nhận vợ các hạ sĩ quan). Trong một thời gian ngắn, khi mà khu Nhi-khoa thành lập xong, bệnh viện sẽ tiếp nhận thêm con cái các binh sĩ. Hiện nay mỗi ngày vừa nhận bệnh vừa ngoại chẩn 180 bệnh nhân. Con số này sẽ

chừng tăng khi bệnh viện hoàn tất.

Nhìn xem các văn phòng với giường nệm tối tân, với các phòng thuốc, phòng thí nghiệm trang bị đầy đủ tiện nghi, người chiến sĩ tất phải yên dạ lên đường ra tiền tuyến.

Cũng cần nói thêm bệnh viện này do hội Bảo-trợ gia đình binh sĩ thành lập với sự góp công của nhiều cơ quan từ thiện quốc tế và nhiều cơ sở Việt Nam yểm trợ.

LÝ - HÓA

## Giáo sư Mulliken chiếm giải Nobel về Hoá-học

Hàn-lâm-viện Stockholm vừa quyết định trao giải Nobel 1966 về Hóa học cho giáo sư Robert S. Mulliken, thuộc viện Đại học Chicago, giám đốc phòng thí nghiệm về cơ cấu phân tử và quang phổ, căn cứ vào các khám phá của giáo sư về cách tiếp nối hóa học và về các cơ cấu điện tử của các phân tử.

Giáo sư Mulliken sinh năm 1896,

tiến sĩ về hóa học vật lý, là người Hoa-Kỳ thứ mười lăm được lĩnh giải này. Tuy nhiên đứng đầu lại không phải là Hoa-Kỳ mà Đức Quốc với 21 giải, Hoa-Kỳ được vào hàng hai với 15 giải, Anh quốc hàng ba 14 giải, nước Pháp được vào hàng thứ tư với 6 giải, mà hai người sau cùng là giáo sư Frédéric Joliot và bà Irène Joliot Curie lĩnh giải vào năm 1935.

## Giải Nobel 1966 về Vật lý dành cho nước Pháp.

Chúng ta không lấy gì làm lạ khi thấy báo chí Pháp làm rùm beng câu chuyện này lên, vì đã 37 năm qua, sau Louis de Broglie (1929) không một nhà vật lý nào được hội đồng giám khảo Thụy-điền ngó ngang tới.

Năm ngoái, ba người Pháp được giải Nobel về Y học. Tin đến đột ngột và bất ngờ quá làm De Gaulle không kịp sửa soạn, nhất là ông chỉ cũng biết tin qua báo chí như tất cả mọi người thôi, Thế là một cơ hội bị hụt mất.

Năm nay được báo tin sớm hơn, nhờ những cú điện thoại của ông Đại sứ Thụy điển...

Và mừng là phải một khi hai năm liền được giải thưởng khoa học (1965: Y học và 1966 Vật lý), có như vậy thì mới ra ngoài ăn nói được về bom nguyên tử, về vệ tinh hỏa tiễn chứ.

Giáo sư Alfred Kastler sinh ngày 3-5-1902

ở miền Guebwiller tỉnh Alsace lúc bấy giờ trực thuộc Đức-quốc. Kề ra như vậy thì ông có quốc tịch Đức mới đúng nhưng mà ông trúng giải Nobel thì cái quốc tịch gốc này sí súa đi được. Là cựu học sinh trường Cao đẳng sư phạm, ông đỗ tiến sĩ vật lý năm 1936, được lãnh giải thưởng về tìm tòi khoa học năm 1956, lại được giải Khoa học do thành phố Paris tặng năm 1963 và được bầu vào Hàn-lâm-viện Khoa học ngày 2-3-1964.

Hiện nay ông đang điều khiển một phòng thí nghiệm khá quan trọng tại trường Cao đẳng sư phạm Pháp. Ông là người thứ bảy được lãnh giải này sau Henri Becquerel, Pierre và Marie-Curie (1903) Gabriel Lippmann (vào năm 1908), Jean Baptiste Perrin (vào năm 1926) và sau ông hoàng Louis de Broglie (vào năm 1929).

THIỆN-Ý